



NÂNG TẦM QUẢN TRỊ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 04

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Thông điệp của chủ tịch	04
2. Những điểm nhấn/ điểm sáng của VNDIRECT trong năm 2022	06

CHƯƠNG 2 13

TỔNG QUAN VỀ VNDIRECT



1. Thông tin chung VNDIRECT	13
2. Chặng đường phát triển	14
3. Ngành nghề kinh doanh	16
4. Mạng lưới hoạt động	16
5. Thành tựu và giải thưởng	18
6. Công ty con, công ty thành viên	20
7. Định hướng phát triển	21
8. Cơ cấu, sơ đồ tổ chức hoạt động	24

CHƯƠNG 3 28

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2022



1. Điều kiện kinh doanh 2022	28
2. Chiến lược hành động và quản trị rủi ro của công ty trong điều kiện kinh doanh	32
3. Kết quả hoạt động kinh doanh 2022	34

CHƯƠNG 4 54

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP



1. Hội đồng Quản trị (HĐQT)	54
2. Ban Kiểm soát (BKS)	59
3. Đào tạo về quản trị công ty	60
4. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của nội bộ	61
5. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty	62
6. Báo cáo đánh giá của ban TGD	63

CHƯƠNG 5 66

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2023



1. Phân tích và nhận định thị trường năm 2023	66
2. Định hướng hoạt động 2023	71
3. Mục tiêu năng lực quản trị	72
4. Mục tiêu phát triển về vận hành và công nghệ	73
5. Mục tiêu về hoàn thiện chuỗi giá trị sản phẩm dịch vụ hướng tới khách hàng	74

CHƯƠNG 6 76

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



1. Thông tin chung	76
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	78
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	79
4. Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	80
5. Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	82
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	84
7. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất	85
8. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	95

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



Kính thưa các Quý vị Cổ đông,

“ 2022 là một năm rất đặc biệt với toàn bộ nền kinh tế thế giới nói chung và ngành dịch vụ tài chính nói riêng. Chúng ta chứng kiến những thách thức hậu quả của một quá trình tăng trưởng kinh tế liên tục với môi trường lãi suất thấp và các loại hình tài sản liên tục tăng giá. Tất cả các Ngân hàng trung ương không còn đơn giản chỉ dùng chính sách tiền tệ để có thể giải quyết bài toán lạm phát hay bài toán thúc đẩy tăng trưởng. Bên cạnh đó, xung đột giữa Nga và các nước thuộc khối liên minh NATO/ Mỹ gây ảnh hưởng đến biến động giá năng lượng toàn cầu, sự chuyển dịch nền kinh tế hàng hoá với nguồn lao động rẻ phương Đông, và sự kiện đóng cửa zero-covid kéo dài của Trung Quốc, tất cả đều phản ánh thế giới đang bước vào một chu kỳ cần thay đổi công thức tăng trưởng để bền vững hơn, linh hoạt hơn để có thể ứng biến với những bất thường do hậu quả của biến đổi khí hậu, của sự mất cân bằng kinh tế của các quốc gia khi phụ thuộc vào kinh tế mở toàn cầu. Từ lâu, con người là đối tượng khai thác của các mô hình kinh tế, thúc đẩy bởi tiêu dùng, sự sợ hãi bệnh tật, sự dính mắc vào các khái niệm của giấc mơ Mỹ, giấc mơ thịnh vượng về tiền bạc, thay vào đó, nền kinh tế cần chuyển dịch để phục vụ những nhu yếu thiết thực của con người, an sinh tài chính và an sinh xã hội. ”

Trong suốt 5 năm qua, từ năm 2018, VNDIRECT đã nhận diện được những yếu tố thiếu bền vững trong mô hình kinh doanh ngắn hạn luôn biến thiên theo thị trường giao dịch chứng khoán, và bỏ qua các yếu tố giá trị phù hợp với nhu cầu kiến tạo sức khoẻ tài chính – bảo an thịnh vượng và tăng trưởng bền vững của mỗi khách hàng. Công ty đã chuyển dịch mô hình từ kinh doanh dịch vụ giao dịch chứng khoán, sang một nền tảng dịch vụ đầu tư tài chính đa dạng sự lựa chọn từ công cụ đầu tư tiền chờ thanh toán qua đêm, đến công cụ đầu tư tiền gửi lãi suất kỳ hạn ngắn trên thị trường tiền tệ, các công cụ đầu tư tích sản mục tiêu tài chính an sinh và hưu trí, các sản phẩm đầu tư của thị trường vốn bao gồm Trái phiếu doanh nghiệp với lãi suất cố định và danh mục cổ phiếu các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam và danh mục chứng khoán phù hợp với các khẩu vị rủi ro khác nhau. Kiến thức đầu tư tài sản tài chính của người dân còn rất hạn chế, cùng với những thách thức của cơ quan quản lý trong việc giám sát nền kinh tế vận hành theo nguyên tắc thị trường, khiến cho nhiều sai phạm của một số doanh nghiệp bất động sản đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới nhà đầu tư và niềm tin vào TPĐN và thị trường chứng khoán, nơi khơi thông dòng vốn đầu tư của nền kinh tế. Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn rất tin tưởng vào sự phát triển tất yếu của thị trường vốn và thị trường chứng khoán, và nhu cầu đầu tư tích sản vào đa kênh tài sản thay vì chỉ giữ tài sản bất động sản, vốn không phải là cơ hội đầu tư mà nhiều người có thể tiếp cận, khi khả năng sinh lời không ổn định để bù đắp thêm dòng thu nhập cho nhà đầu tư trong môi trường lãi suất cao và việc làm không ổn định.

VNDIRECT cũng trải qua một năm với nhiều biến động, ảnh hưởng không nhỏ tới kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng Cổ đông đề ra. Về lợi nhuận công ty mới chỉ đạt được 42%, nhưng VNDIRECT đã tiến một bước khá xa trong việc kiện toàn mô hình tổ chức kinh doanh hướng tới Khách hàng là trọng tâm, đặt nền móng số hoá cho toàn bộ hoạt động quản trị kinh doanh và nghiệp vụ sản phẩm trọng yếu, kiện toàn được các tiền đề để mở rộng năng lực kinh doanh của một nền tảng hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ đầu tư tài chính đa dạng, đáp ứng nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng.

Uy tín và thương hiệu của VNDIRECT cũng được thử thách qua các đợt khủng hoảng niềm tin của thị trường vốn và thị trường chứng khoán, điều đó giúp cho ban lãnh đạo công ty càng có niềm tin vào việc đặt kỷ luật tuân thủ các chuẩn mực kinh doanh cao nhất, và chuẩn mực và đạo đức làm nghề của đội ngũ CBNV để từ đó có thể kiến tạo được năng lực phục vụ và bảo vệ tài sản khách hàng.

Trong năm 2023, chúng tôi tin rằng khó khăn chưa kết thúc, và chúng ta sẽ có một năm khó dự đoán, khi nhiều yếu tố trên thế giới còn đang chưa giải quyết xong. Tuy nhiên, chúng tôi tiếp tục đặt mục tiêu liên tục kiện toàn năng lực tổ chức kinh doanh, năng lực vận hành nghiệp vụ và năng lực giám sát quản trị hệ thống, để VNDIRECT luôn sẵn sàng nắm bắt được mọi cơ hội của thị trường và quản trị được rủi ro, giúp công ty ngày càng trưởng thành và vững vàng hơn trong nhiệm vụ kiến tạo môi trường làm nghề để thu hút được nhân sự tài năng, kiến tạo được giá trị đích thực cho khách hàng và bảo vệ được giá trị bền vững cho cổ đông.

Thay mặt HĐQT và ban lãnh đạo công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các quý vị cổ đông, dù mới chỉ sở hữu cổ phần trong một thời gian ngắn hay các quý vị cổ đông đã tin tưởng đồng hành với VNDIRECT trong suốt thời gian dài vừa qua, và lời cam kết chúng tôi sẽ luôn làm hết sức mình để không phụ lòng tin của cơ quan quản lý, của cộng đồng nhà đầu tư và khách hàng, của hơn 1.600 gia đình đã đi với chúng tôi như một dòng sông lớn. Chúng tôi sẽ tiếp nối sức mạnh tích lũy của những năm qua để chinh phục những mục tiêu mới của năm 2023.

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Phạm Minh Hương

2. NHỮNG ĐIỂM NHẤN/ĐIỂM SÁNG CỦA VNDIRECT TRONG NĂM 2022

Năm 2022 khép lại với nhiều rất nhiều biến động trên thị trường tài chính nhưng cùng với đó là những thay đổi mang tính nền tảng, như: rút ngắn chu kỳ giao dịch T+2; nâng tỷ lệ ký quỹ phái sinh; Quy chế bù trừ và thanh toán hợp đồng tương lai chỉ số VN30...

Trong bối cảnh đó, VNDIRECT cũng có những dấu ấn đáng nhớ

1

VNDIRECT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN

> 12.000
TỶ ĐỒNG

CÙNG CỐ VỊ THẾ TÀI CHÍNH ĐỂ CÓ THỂ ĐỒNG HÀNH CÙNG CÁC KHÁCH HÀNG ĐI QUA NHỮNG GIAI ĐOẠN KHÓ KHĂN CỦA THỊ TRƯỜNG VỐN VIỆT NAM



Ngày 15 tháng 4 năm 2022, VNDIRECT đã hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ lên hơn 12 nghìn tỷ đồng, đưa vốn chủ sở hữu đạt trên 14 nghìn tỷ đồng, trở thành định chế tài chính với quy mô vốn tương đương các tổ chức tín dụng tầm trung và nằm trong top các công ty chứng khoán có quy mô vốn chủ sở hữu lớn

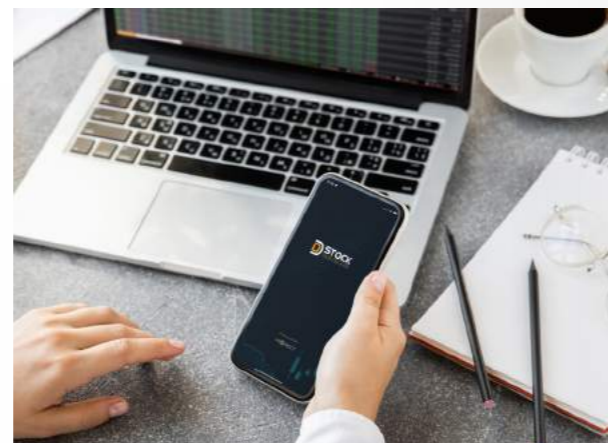
nhất thị trường. Với quy mô vốn mới, Công ty được tăng cường năng lực để cung cấp dịch vụ tài chính để đồng hành cùng các khách hàng đi qua những giai đoạn khó khăn về thanh khoản trên thị trường vốn, đồng thời cũng là tiền đề cho việc nâng cao hiệu quả kinh doanh nguồn vốn của công ty.

2

VNDIRECT RA MẮT ỨNG DỤNG

DSTOCK

HỆ SINH THÁI DỊCH VỤ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TOÀN DIỆN



Với định vị phát triển những tiện ích tối ưu cho các khách hàng giao dịch chứng khoán, tháng 7/2022, Ứng dụng DSTOCK được ra mắt với các tính năng nâng cao dành riêng cho tra cứu thông tin các công ty niêm yết, giao dịch cổ phiếu, chứng quyền, phái sinh. Ứng dụng DSTOCK ra đời cung cấp góc nhìn toàn diện về sức khỏe cổ phiếu, la bàn định hướng cho nhà đầu tư trong

từng điều kiện thị trường... tích hợp cùng với các tiện ích giao dịch như nhà giao dịch chuyên nghiệp, quản trị danh mục linh hoạt. Chỉ sau 5 tháng ra mắt, Ứng dụng DSTOCK đã chinh phục được các cột mốc ấn tượng:

- Hơn **26.000** lượt tải
- Gần **300.000** lệnh đã đặt
- Hơn **3,7 Triệu** lượt tra cứu thông tin sức khỏe cổ phiếu.

3

VNDIRECT LẦN ĐẦU TIÊN ĐƯỢC FORBES BÌNH CHỌN LÀ

TOP 50

CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT



Tháng 8 năm 2022, VNDIRECT được vinh danh trong Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam 2022 do Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn. Theo đó danh sách này được chấm điểm định lượng dựa trên 5 tiêu chí: tỷ lệ tăng trưởng kép về doanh thu, lợi nhuận, tỷ lệ ROE, ROC và tăng

trưởng EPS giai đoạn 2017 – 2021. Bên cạnh đó, Forbes Việt Nam xem xét độc lập mức độ phát triển bền vững của các doanh nghiệp: Thương hiệu, chất lượng quản trị doanh nghiệp, nguồn gốc lợi nhuận trong quá khứ và triển vọng phát triển bền vững.

4

VNDIRECT ĐƯỢC

ASIA MONEY

TRAO GIẢI

CÔNG TY VƯỢT TRỘI NHẤT VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH NĂM 2022



Năm 2022, VNDIRECT cũng vinh dự được vinh danh là "Công ty vượt trội nhất Việt Nam trong lĩnh vực dịch vụ tài chính năm 2022" theo cuộc bình chọn "AsiaMoney Asia's Outstanding Companies Poll" của AsiaMoney, tạp chí uy tín hàng đầu Châu Á về kinh tế - tài chính - ngân hàng. Cuộc bình chọn được tổ chức nhằm vinh danh các công ty niêm yết có thành tựu xuất sắc ở các

khía cạnh tài chính, đội ngũ lãnh đạo, hoạt động quản hệ nhà đầu tư và các sáng kiến trách nhiệm xã hội. Năm 2022, có 958 nhà quản lý quỹ, nhà phân tích, chuyên gia ngân hàng và cơ quan đánh giá đã tham gia bình chọn cho các công ty ở 14 thị trường của châu Á. VNDIRECT đạt số điểm bình chọn cao nhất, được đánh giá là một trong số 176 công ty vượt trội của khu vực.

2. NHỮNG ĐIỂM NHẤN/ĐIỂM SÁNG CỦA VNDIRECT TRONG NĂM 2022 (TIẾP)

5

VNDIRECT HUY ĐỘNG THÀNH CÔNG 02 KHOẢN VAY HỢP VỐN TÍN CHẤP VỚI TỔNG GIÁ TRỊ LÊN ĐẾN

175
TRIỆU USD



Trong năm 2022, VNDIRECT tiếp tục khẳng định uy tín trên thị trường vốn quốc tế thông qua việc huy động thành công 2 khoản vay hợp vốn tín chấp từ các định chế tài chính nước ngoài với tổng giá trị rút vốn lên đến 175 triệu USD và quyền chọn gia tăng hạn mức vay lên tối đa 200 triệu USD.

Việc huy động thành công 2 khoản vay hợp vốn tín chấp trong năm 2022 nằm trong mục tiêu đa dạng hóa các

nguồn vốn huy động đồng thời tiếp tục khẳng định vị thế và uy tín của VNDIRECT trên thị trường vốn quốc tế.

Kết quả này cũng chính là động lực để VNDIRECT tiếp tục đi trên con đường và triết lý kinh doanh mà VNDIRECT đang xây dựng, là sứ mệnh kết nối, khơi thông dòng vốn giúp cho các doanh nghiệp Việt Nam có được nguồn lực tài chính để hiện thực hoá tầm nhìn kinh doanh của mình.

6

TIẾP TỤC KIẾN TOÀN MÔ HÌNH KINH DOANH, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BẢN ĐỒ CHỨC NĂNG

NHIỆM VỤ ĐỂ GIÚP VNDIRECT SẴN SÀNG VỚI ĐIỀU KIỆN KINH DOANH MỚI CỦA THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH TRONG TƯƠNG LAI



Trong năm 2022, trước sự chuyển dịch lớn của thị trường chứng khoán sau một giai đoạn tăng trưởng nóng, VNDIRECT cũng tiếp tục chuyển dịch mô hình kinh doanh và kiện toàn cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của các trực hoạt động nhằm hướng đến việc nâng cao năng lực cạnh tranh trong tương lai. Đối với hoạt động khách hàng cá nhân, VNDIRECT định hướng hai mũi nhọn kinh doanh là Dstock (giành cho khách hàng giao dịch chứng khoán) và Dwealth (giành cho khách hàng có

nhu cầu quản lý tài sản). Về hoạt động khách hàng doanh nghiệp, VNDIRECT vẫn tiếp tục kiện toàn hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ cho các KHDN nhằm giúp khách hàng kiến tạo được năng lực nguồn vốn, đáp ứng nhu cầu phát triển mở rộng kinh doanh của các khách hàng. Với văn hóa xây dựng mô hình tổ chức "phẳng", VNDIRECT luôn sẵn sàng chuyển dịch để kịp thời thích nghi với môi trường kinh doanh ngày một biến động, nhiều thay đổi từ bên ngoài.

7

LÃNH ĐẠO VÀ CBNV CÔNG TY CHUNG TAY NỖ LỰC TỔ CHỨC

HÀNG LOẠT SỰ KIỆN



Cuối Quý III và đầu Quý IV/2022, VNDIRECT nói riêng và thị trường tài chính nói chung đã phải trải qua một giai đoạn hết sức khó khăn của thị trường vốn quốc tế nói chung và thị trường Việt Nam nói riêng, cùng với đó là những tin đồn thất thiệt gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của các tổ chức niêm yết, trong đó có cả VNDIRECT. Trước bối cảnh đó, đội ngũ VNDIRECT đã bình tĩnh đối diện với những tin đồn thất thiệt, tiếp tục sứ mệnh bảo vệ điều kiện phát triển minh bạch bền vững của thị trường chứng khoán Việt Nam. Bên cạnh đó, VNDIRECT cũng cho ra mắt diễn đàn Dinsights - diễn đàn chia sẻ về chiến lược thị trường của các chuyên gia kinh tế và lãnh đạo doanh

NHẪM GÓP PHẦN GIÚP THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN PHÁT TRIỂN

MINH BẠCH

nh nghiệp, đại diện các Bộ. Dinsights ra đời với mục đích giúp cho các nhà đầu tư có đầy đủ thông tin cập nhật, góc nhìn đa chiều về nền kinh tế vĩ mô, những thách thức và cơ hội của thị trường để từ đó tìm cho mình hướng tiếp cận phù hợp. Ngoài ra, diễn đàn cũng là cầu nối chính sách, đưa kiến nghị, đề xuất của các nhà đầu tư, doanh nghiệp tới các cơ quan quản lý Nhà nước. Thông qua Dinsight, VNDIRECT mong muốn góp phần xây dựng một thị trường tài chính Việt Nam ngày càng minh bạch, bền vững, qua đó giúp nhà đầu tư thực sự tiếp cận được cơ hội đầu tư một cách bình đẳng trên thị trường.

Chương 02

TỔNG QUAN VỀ VNDIRECT

1. Thông tin chung VNDIRECT	13
2. Chặng đường phát triển	14
3. Ngành nghề kinh doanh	16
4. Mạng lưới hoạt động	16
5. Thành tựu và giải thưởng	18
6. Công ty con, công ty thành viên	20
6. Định hướng phát triển	21
8. Cơ cấu, sơ đồ tổ chức hoạt động	24





II. TỔNG QUAN VỀ VNDIRECT

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ VNDIRECT

TÊN CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Tên viết tắt: VNDIRECT

Tên giao dịch viết bằng tiếng nước ngoài :
VNDIRECT SECURITIES CORPORATION

MÃ CHỨNG KHOÁN: VND

Sàn Niêm yết:

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐKDN

Giấy chứng nhận ĐKDN Số 0102065366 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/11/2006, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 05/05/2022

GIẤY PHÉP HĐKD CHỨNG KHOÁN

22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/11/2006 và các Quyết định/Giấy phép điều chỉnh

VỐN ĐIỀU LỆ

12.178.440.090.000 đồng

Bằng chữ: Mười hai nghìn một trăm bảy mươi tám tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng

TRỤ SỞ CHÍNH

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: + (84 24) 3972 4568 Website: www.VNDIRECT.com.vn

Số fax: + (84 24) 3972 4600

Logo:

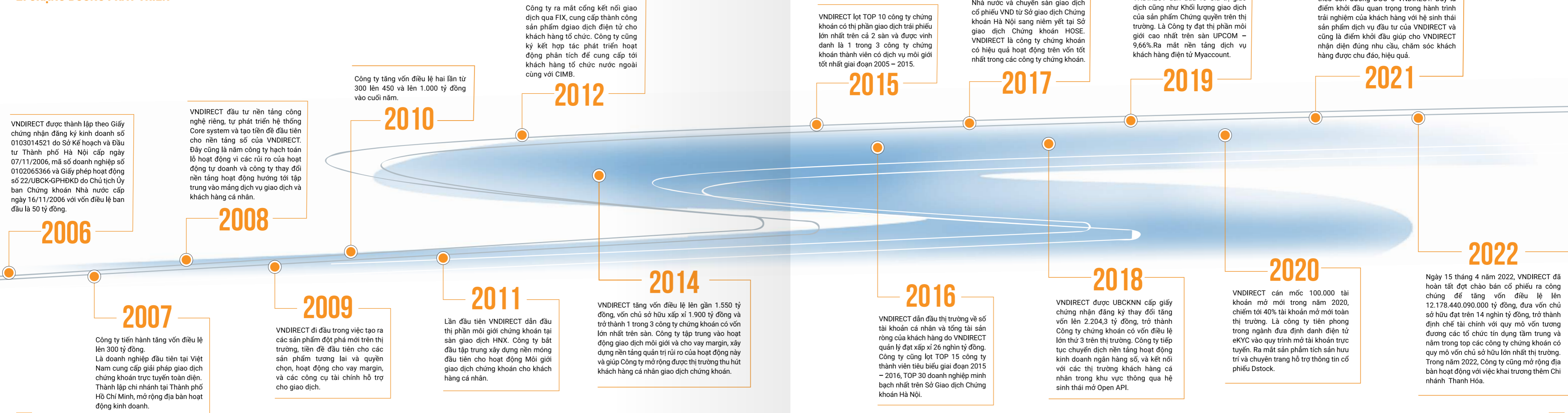
Đại diện theo pháp luật:

Bà Phạm Minh Hương – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Vũ Nam Hương – Giám đốc Tài chính

II. TỔNG QUAN VỀ VNDIRECT (TIẾP)

2. CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN



II. TỔNG QUAN VỀ VNDIRECT (TIẾP)

3. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Môi giới chứng khoán	Tự doanh chứng khoán	Bảo lãnh phát hành chứng khoán	Dịch vụ tài chính
Tư vấn và quản lý tài sản;	Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán	Ngân hàng đầu tư	Lưu ký chứng khoán

4. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Miền Bắc

Trụ sở chính – Hà Nội

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 024 3972 4568 | Fax: 024 3972 4568

Chi nhánh Đào Duy Anh – Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà VCCI, Số 9 Đào Duy Anh, phường Phương Liền, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Phòng Giao dịch Lê Văn Lương – Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Phòng Giao dịch Lò Đức – Hà Nội

Địa chỉ: Số 97 Lò Đức, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

Phòng Giao dịch Văn Cao - Hà Nội

Địa chỉ: Số 22 Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội

Chi nhánh Quảng Ninh

Địa chỉ: Tầng 1, 2 và 3, Ô số 10, Lô LK1, Khu chung cư và dân cư cao cấp Việt Hàn, Phường Hồng Gai, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

Chi nhánh Nam Định

Địa chỉ: Số 5, Tổ 13, đường Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Tp. Nam Định, Tỉnh Nam Định
Điện thoại: 022 8352 8819

Miền Trung

Chi nhánh Thanh Hóa

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Thành Trung, số 490 Đại lộ Lê Lợi, xã Đông Hương, Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

Địa chỉ: Số 354B đường Nguyễn Văn Cừ, Khối Hưng Phúc, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An
Điện thoại: 0238 868 8466

Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Số 57 Duy Tân, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Điện thoại: 0236 382 1111 | Fax: 0236 389 8616

Miền Nam

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 90 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 7300 0688 | Fax: 028 3914 6924

Phòng Giao dịch Sala – TP. Hồ Chí Minh

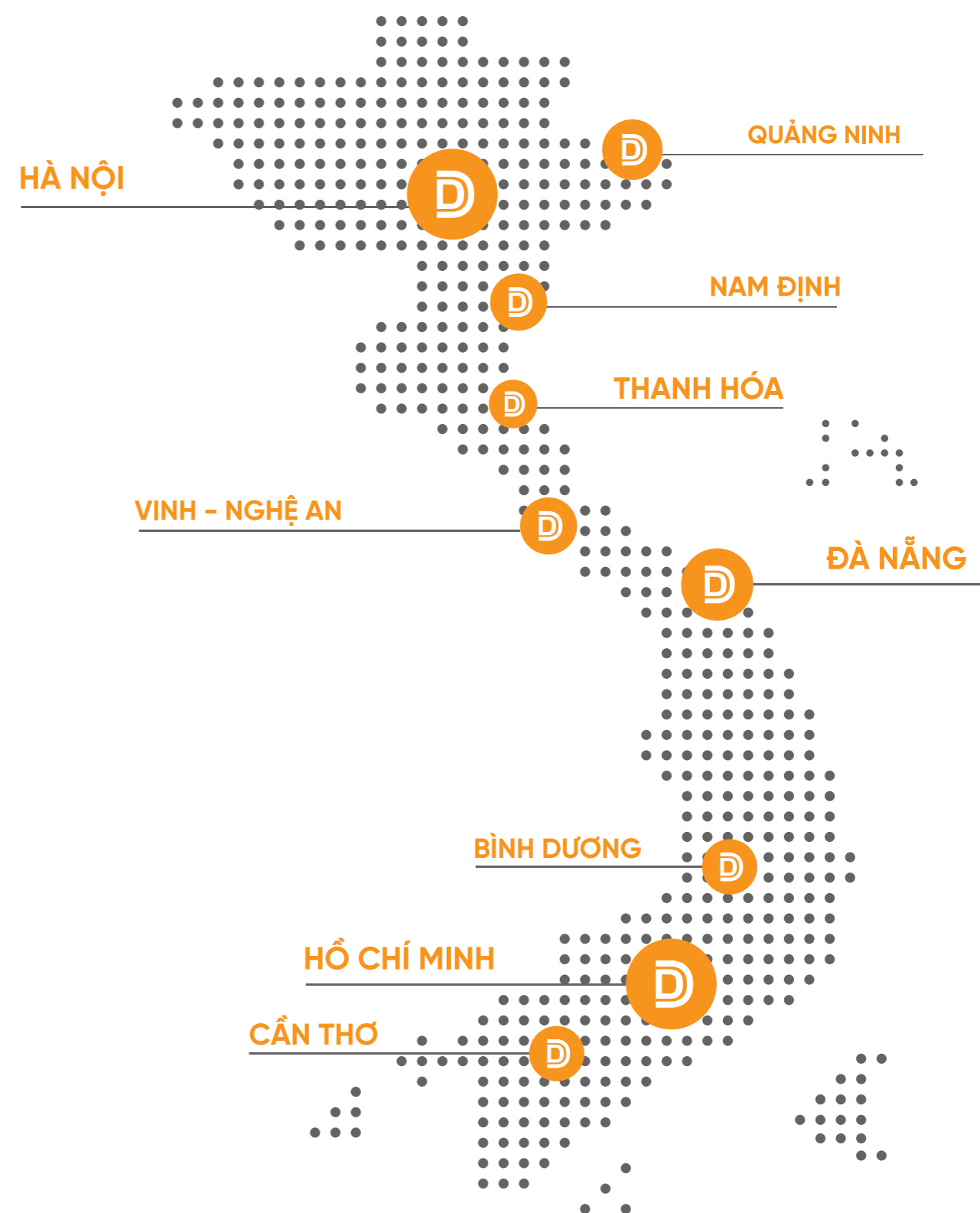
Địa chỉ: Số 151 Nguyễn Cơ Thạch, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh

Chi nhánh Bình Dương

Địa chỉ: Tầng 18, Tòa nhà Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương
Điện thoại: 0274 222 2659 - 0274 222 2660

Chi nhánh Cần Thơ

Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà STS, số 11B Hòa Bình, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Điện thoại: 0292 376 6959 | Fax: 0292 382 6331



II. TỔNG QUAN VỀ VNDIRECT (TIẾP)

5. THÀNH TỰU VÀ GIẢI THƯỞNG

Trong năm 2022, năm kỷ niệm 16 năm thành lập và phát triển, VNDIRECT vinh dự nhận được nhiều giải thưởng uy tín trong nước, khẳng định sự ghi nhận của cộng đồng chuyên gia và nhà đầu tư về những đóng góp của VNDIRECT đối với sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.



VNDIRECT được bình chọn **"Công ty vượt trội nhất Việt Nam trong lĩnh vực dịch vụ tài chính năm 2022"** theo cuộc bình chọn "Asia's Outstanding Companies Poll" của AsiaMoney, tạp chí uy tín hàng đầu Châu Á về kinh tế – tài chính – ngân hàng.



VNDIRECT được công bố trong danh sách **"Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2022"** theo khảo sát, đánh giá của Công ty cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) và Báo điện tử VietNamNet (Bộ TT&TT).



VNDIRECT lần thứ 2 liên tiếp được vinh danh là **"Top 10 thương hiệu mạnh Việt Nam ngành dịch vụ tài chính"** năm 2022 do tạp chí Kinh tế Việt Nam trao tặng,



VNDIRECT được vinh danh trong **Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam 2022** do tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn.



II. TỔNG QUAN VỀ VNDIRECT (TIẾP)

6. CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, VNDIRECT có một (01) công ty con như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A	Giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK-GP ngày 04/03/2008, Giấy phép điều chỉnh số 02/GPĐC-UBCK 08/03/2017	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100 tỷ đồng	100%
	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102703178 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 02/07/2021			



7. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TÂM NHÌN

Xây dựng VNDIRECT là một định chế tài chính đầu tư chuẩn mực và tin cậy, đem lại giá trị Sức khỏe tài chính - Bảo an thịnh vượng - Phát triển bền vững cho những người làm nghề, khách hàng, đối tác và cộng đồng

SỨ MỆNH

Phụng sự Sức khỏe tài chính, Bảo an thịnh vượng và Điều kiện tiếp cận hệ sinh thái đầu tư toàn diện, tin cậy và cực kỳ đơn giản

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Đạo đức chính trực (Conduct of integrity)

Đó là giá trị cốt lõi đầu tiên của mỗi VNDIRECTOR, chúng tôi hiểu rằng, chỉ có sự chính trực và cam kết tôn trọng sự thật khách quan mới giúp chúng tôi có thể tự tin xây dựng uy tín dịch vụ và các giá trị bền vững cho một tập thể của những con người yêu nghề và trân quý tất cả cơ hội khách hàng đã trao tặng chúng tôi.

Trí tuệ tập thể (Collective wisdom)

Mỗi cá nhân chủ động tìm kiếm sự giúp đỡ từ những người có kiến thức, kinh nghiệm với thái độ cầu thị; đồng thời tìm hiểu nền tảng trí tuệ tập thể đã được tích lũy qua thời gian, áp dụng hiệu quả trong công việc và hoàn thiện năng lực của tổ chức.

Hợp tác phụng sự (Collaboration of services)

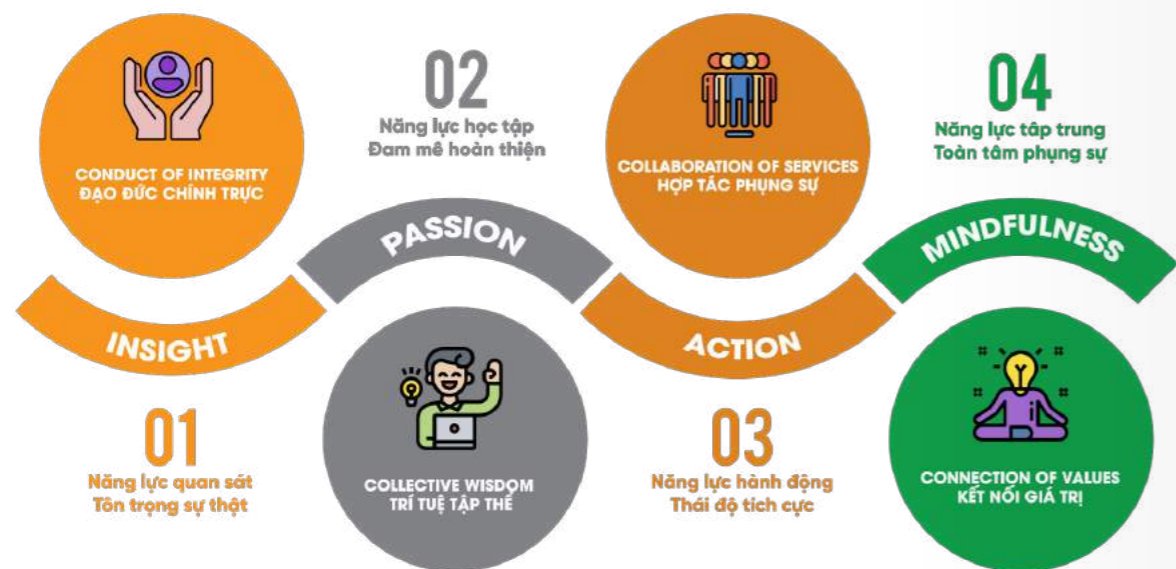
Mọi trải nghiệm của chúng tôi với mỗi khách hàng là một tài sản quý báu, giúp chúng tôi luôn được học hỏi và hoàn thiện mình. Chúng tôi tôn trọng mọi nhu cầu khác biệt của mỗi khách hàng và luôn lắng nghe để thấu hiểu từng nhu cầu và cung cấp được giải pháp tối ưu cho khách hàng với mọi điều kiện chúng tôi có thể.

Kết nối giá trị (Connection of values)

Chúng tôi cùng nhau chia sẻ và đóng góp kinh nghiệm và kiến thức nghề nghiệp để tạo được một dòng sông trí tuệ tập thể, giúp cho mỗi chúng tôi có được nền tảng tri thức nghề nghiệp và sự sáng tạo không ngừng của một tập thể lớn mạnh, đáp ứng được mọi mong đợi của khách hàng.

Chiến lược phát triển của công ty được thực thi dựa trên các năng lực cốt lõi

CON NGƯỜI



Công ty đã xây dựng được văn hóa làm việc trên bốn khung năng lực cốt lõi IPAM của mỗi nhân viên VNDIRECT:

- **Insights** – Năng lực quan sát, tôn trọng sự thật
- **Passion** – Năng lực học hỏi, Đam mê hoàn thiện
- **Action** – Năng lực hành động, Thái độ tích cực
- **Mindfulness** – Năng lực tập trung, Toàn tâm phụng sự

VNDIRECT – Cộng đồng những người làm nghề có đạo đức và tinh thần dẫn thân phụng sự. Những con người có phẩm chất IPAM (Insights – Passion – Action – Mindfulness) đã xây dựng được sức mạnh của một tập thể những con người làm nghề chuyên nghiệp, có khả năng hiểu biết sâu sắc về tầm nhìn, sứ mệnh và hệ giá trị của công ty (INSIGHTS – CÁI THẤY ĐÚNG ĐẮN), có năng lực tạo ra sức mạnh sáng tạo từ sự đam mê nghề nghiệp (PASSION – ĐAM MÊ), năng lực hành động cùng một tập thể tri thức với kinh nghiệm đa dạng (ACTION – HÀNH ĐỘNG), và khả năng an trú vững vàng trong mọi điều kiện của thị trường (MINDFULNESS – AN VUI VỚI HIỆN TẠI).

Từ lúc mới thành lập đến nay, VNDIRECT đã trải qua nhiều thời điểm thách thức cho đến những thành công vượt trội, nhưng dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, VNDIRECT cũng không ngừng cố gắng phụng sự cho sự phát triển lành mạnh của thị trường chứng khoán Việt Nam, cho sự an tâm sử dụng dịch vụ của mỗi khách hàng tại VNDIRECT và cho sự trưởng thành

của mỗi thành viên trong Công ty. Sự có mặt của mỗi con người tại VNDIRECT trong suốt thời gian qua đều đã làm nên VNDIRECT ngày hôm nay. Tập thể công ty tiếp tục tiếp nối con đường phụng sự Khách hàng, Cổ đông và đóng góp vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế và tài chính của đất nước.

CÔNG NGHỆ

Tiếp tục thực hiện sứ mệnh “Phụng sự Sức khỏe tài chính, Bảo an thịnh vượng và Điều kiện tiếp cận hệ sinh thái đầu tư toàn diện, tin cậy và cực kỳ đơn giản.”, VNDIRECT là công ty luôn đi đầu và đầu tư áp dụng công nghệ thông tin vào lĩnh vực đầu tư tài chính để gia tăng điểm chạm với khách hàng nhằm mang lại trải nghiệm tốt nhất trong suốt hành trình đầu tư. Song song đa dạng sản phẩm đầu tư theo tháp nhu cầu HEALTH – WEALTH – GROWTH, hệ sinh thái công nghệ luôn được cập nhật và phát triển nhằm đáp ứng đầy đủ các nhu cầu đầu tư của khách hàng với các mục tiêu:

- Cung cấp nền tảng giao dịch đa tài sản, khách hàng có thể dễ dàng tiếp cận thông tin sản phẩm, thao tác và thực hiện giao dịch với VNDIRECT.
- Nền tảng quản lý tài sản giúp khách hàng quản lý ngân quỹ, đầu tư và giao dịch chứng khoán theo tháp nhu cầu HEALTH – WEALTH – GROWTH với đặc điểm: Kết nối dễ dàng, báo cáo minh bạch và cảnh báo kịp thời.

- Nền tảng dữ liệu cung cấp thông tin, phân tích dữ liệu, sức khỏe tài chính doanh nghiệp và cộng đồng đầu tư uy tín để hỗ trợ khách hàng nắm bắt kịp thời cơ hội kinh doanh theo điều kiện thị trường.
- Nền tảng dịch vụ hỗ trợ đầu tư khác kết nối khách hàng với các chuyên gia tư vấn đầu tư của VNDIRECT trên nguyên tắc “Thấu hiểu – Đồng hành – Phù hợp”.
- Số hóa toàn bộ các hoạt động kinh doanh và quản trị của mình.
- Đảm bảo an toàn và an ninh thông tin nhằm bảo vệ khách hàng.

CHUỖI GIÁ TRỊ

Chuỗi giá trị dịch vụ tài chính lấy khách hàng là trọng tâm - CUSTOMER CENTRIC

Với chiến lược chuyển dịch mô hình từ kinh doanh dịch vụ giao dịch chứng khoán, sang một nền tảng dịch vụ đầu tư tài chính đa dạng sự lựa chọn, VNDIRECT xây dựng mô hình kinh doanh dựa trên chuỗi giá trị với mục tiêu kiến tạo các giá trị dịch vụ tài chính với định hướng lấy khách hàng làm trọng tâm, phụng sự sự thịnh vượng của khách hàng để đạt được sự hài

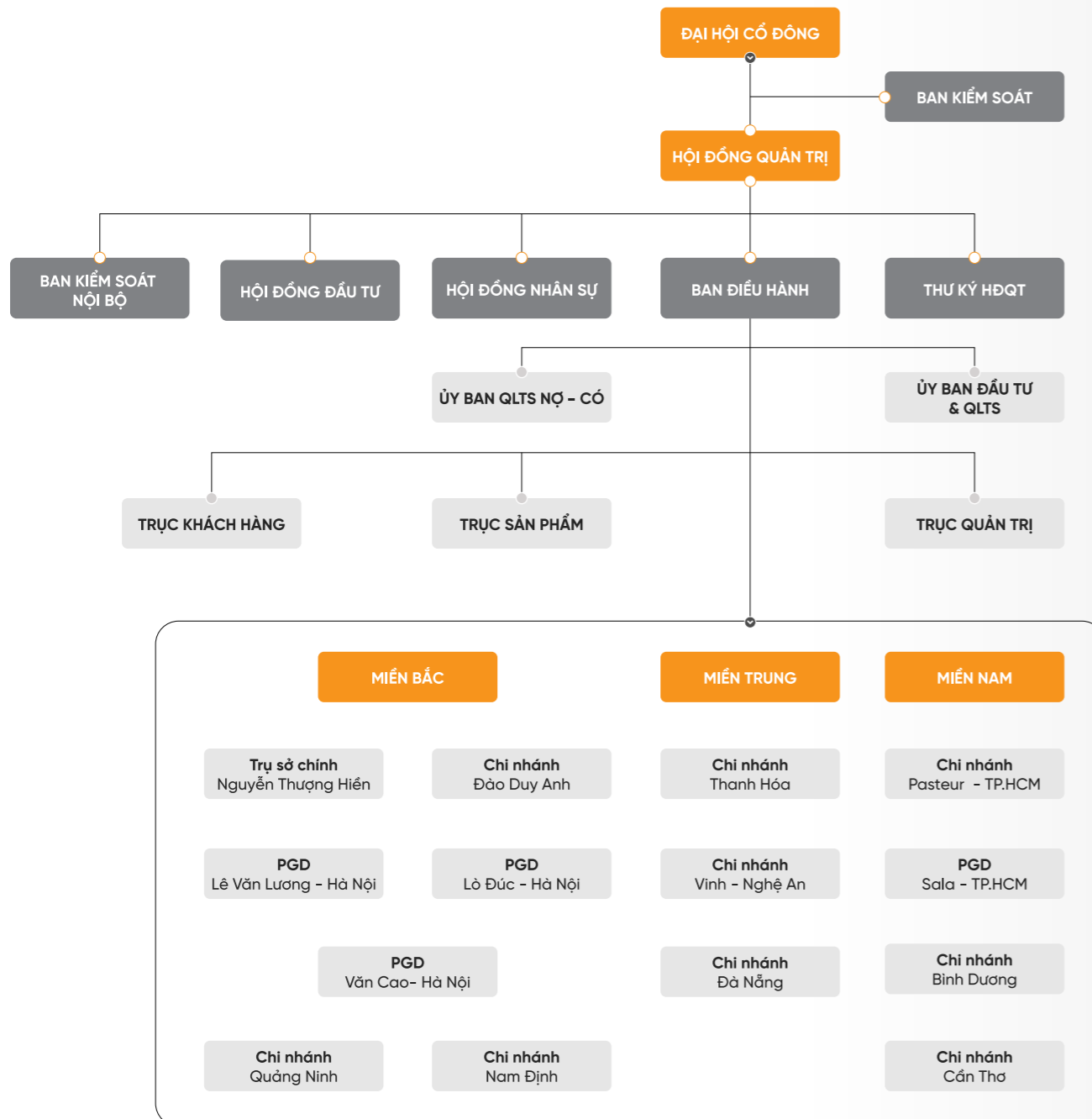
lòng cuối cùng của khách hàng. Chuỗi giá trị dịch vụ tài chính của VNDIRECT được thể hiện qua chuỗi các hoạt động để gia tăng giá trị cho các sản phẩm dịch vụ mà VNDIRECT mang tới cho khách hàng:

- Tìm kiếm cơ hội và tạo nguồn sản phẩm chất lượng cho thị trường thông qua năng lực tiếp cận, mở rộng, năng lực bảo lãnh phát hành và năng lực tạo lập thị trường.
- Tạo lập thị trường và kinh doanh rủi ro thông qua đội ngũ con người giàu kinh nghiệm, hiểu thị trường, năng lực tạo lập thị và cung ứng thanh khoản cho thị trường, mang tới cơ hội tiếp cận với sản phẩm đầu tư tới mọi khách hàng.
- Thiết kế và đóng gói sản phẩm dịch vụ phù hợp với các điều kiện tài chính, đầu tư và nhu cầu của từng phân khúc khách hàng.
- Kênh phân phối liên tục mở rộng từ online đến offline cũng như thông qua các mô hình kinh doanh B2B và B2B2C để liên tục tăng cơ hội tiếp cận và đưa sản phẩm tới tay khách hàng. Đây cũng là bước quan trọng nhằm khách hàng dễ dàng tiếp cận được với sản phẩm VNDIRECT cũng như được tiếp cận với các nền tảng dịch vụ hỗ trợ, nền tảng kiến thức và có bạn đồng hành trong suốt quá trình đầu tư.



II. TỔNG QUAN VỀ VNDIRECT (TIẾP)

8. CƠ CẤU, SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG



Chương 03

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2022

- | | |
|---|----|
| 1. Điều kiện kinh doanh 2022 | 28 |
| 2. Chiến lược hành động và quản trị rủi ro của công ty trong điều kiện kinh doanh | 32 |
| 3. Kết quả hoạt động kinh doanh 2022 | 34 |



III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2022

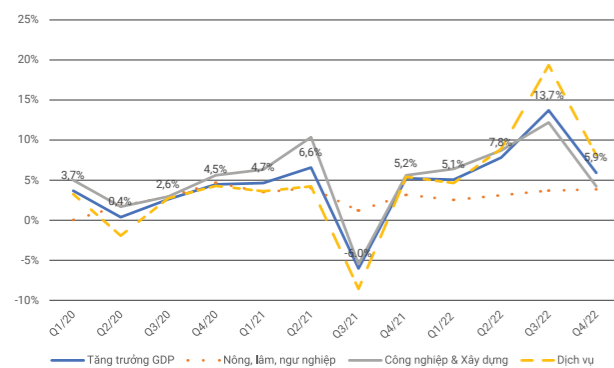
1. ĐIỀU KIỆN KINH DOANH 2022

Kinh tế Việt Nam năm 2022: Tăng trưởng vượt trội song thách thức dân tăng về cuối năm

Theo Tổng cục Thống kê (TCTK), Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng GDP đạt 8,0% so với cùng kỳ (svck) trong năm 2022, đánh dấu mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2011. Sự tăng trưởng ấn tượng trong năm nay đến từ việc đại dịch COVID-19 được đẩy lùi nhờ tỷ lệ tiêm chủng vắc-xin cao. Nhờ đó, Việt Nam đã nối lại các chuyến bay thương mại quốc tế thường lệ nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh, đầu tư và du lịch xuyên biên giới.

Bên cạnh đó, Chính phủ đã tung ra những gói hỗ trợ tài khóa quy mô lớn như giảm thuế giá trị gia tăng (VAT) đối với nhiều mặt hàng tiêu dùng, hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động,... nhằm phục hồi sức mua của người dân. Ngoài ra, tăng trưởng xuất khẩu ấn tượng trong 9 tháng đầu năm 2022 cũng góp phần không nhỏ vào bức tranh tăng trưởng tươi sáng của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2022.

Hình 1: Tăng trưởng GDP theo quý (Q1/20-Q4/22)



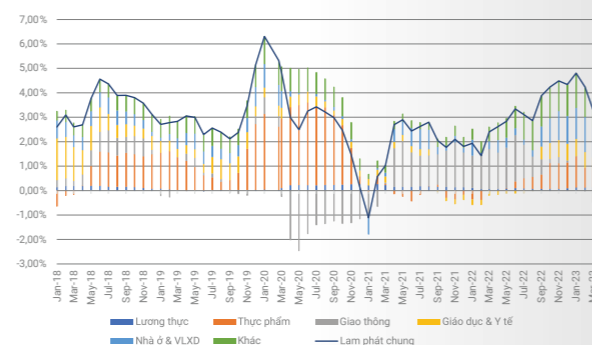
Nguồn: TCTK, VNDIRECT RESEARCH

Lạm phát toàn cầu tăng mạnh trong năm 2022 do xung đột Nga-Ucraina và đứt gãy chuỗi cung ứng là thách thức lớn đối với mục tiêu ổn định vĩ mô của Việt Nam trong năm 2022. Trước áp lực lạm phát, Chính phủ đã đưa ra nhiều biện pháp để bình ổn giá trong nước như giảm nhiều loại phí và lệ phí hành chính, giảm thuế bảo vệ môi trường và thuế nhập khẩu đối với mặt hàng xăng dầu,... Nhờ những nỗ lực đó, lạm phát trong nước cơ bản được kiểm soát, CPI bình quân năm 2022 chỉ tăng 3,2% svck, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra là kiểm soát lạm phát dưới 4%.

Tuy nhiên, nền kinh tế cũng phải đối mặt với thách thức ngày càng tăng trong những tháng cuối năm 2022. Tăng trưởng toàn cầu chậm lại do lạm phát cao và chính sách tiền tệ thắt chặt khiến lượng đơn đặt hàng mới đối với lĩnh vực sản xuất Việt Nam suy giảm trong những tháng cuối năm 2022. Chỉ số quản trị mua hàng (PMI) của Việt Nam đứng dưới ngưỡng 50 điểm trong 2 tháng cuối năm. Giá trị xuất khẩu sụt giảm gần 7% trong Q4/2022. Do sự suy yếu của lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu, tăng trưởng GDP của Việt Nam đã giảm tốc xuống còn 5,9% svck trong Q4/22.

Thị trường tài chính năm 2022 cũng chứng kiến nhiều biến động. Xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ trên toàn cầu gây sức ép lớn lên tỷ giá và lãi suất trong nước, đặc biệt trong nửa cuối năm 2022. Cụ thể, Việt Nam đồng có

Hình 2: CPI bình quân năm 2022 tăng 3,2% svck

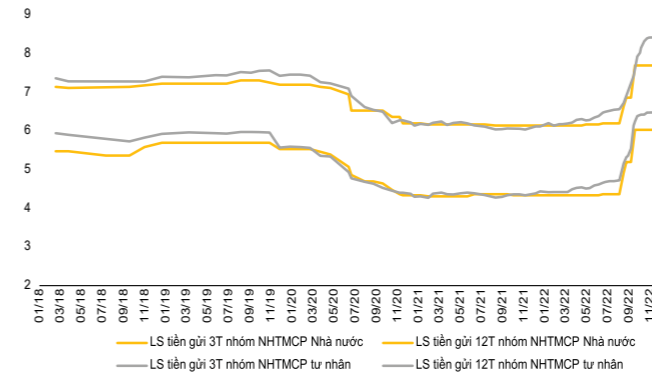


Nguồn: TCTK, VNDIRECT RESEARCH

thời điểm mất giá 9% so với đồng USD (cả năm mất giá khoảng 3,5%, thấp nhất so với các nước trong khu vực), buộc NHNN phải can thiệp bằng nhiều biện pháp như bán ngoại tệ dự trữ, nâng biên độ tỷ giá. NHNN cũng đã phải nâng lãi suất điều hành 2 lần trong tháng 9 và tháng 10 với tổng mức tăng là 200 điểm cơ bản. Lãi suất điều hành tăng cùng với việc chênh lệch tăng trưởng tín dụng/huy động nổi rộng đã kéo mặt bằng lãi suất huy động trong nước tăng mạnh. Theo ước tính của VNDIRECT, lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân tăng khoảng 230 điểm cơ bản trong năm 2022. Lãi suất huy động tăng kéo theo áp lực nâng lãi suất cho vay, làm gia tăng chi phí của doanh nghiệp và người dân.

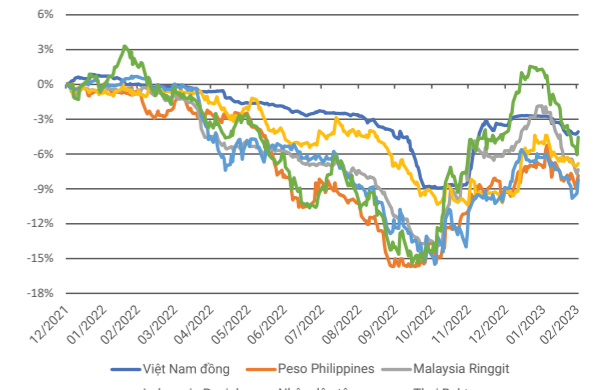
Tựu chung lại, Việt Nam đã vượt qua nhiều thách thức cả trong và ngoài nước để đạt được mức tăng trưởng GDP cao hàng đầu khu vực trong năm 2022. Ổn định vĩ mô cơ bản được giữ vững, tạo tiền đề để duy trì mức tăng trưởng khả quan trong năm 2023.

Hình 3: Lãi suất huy động tăng mạnh trong năm 2022 do thanh khoản thắt chặt



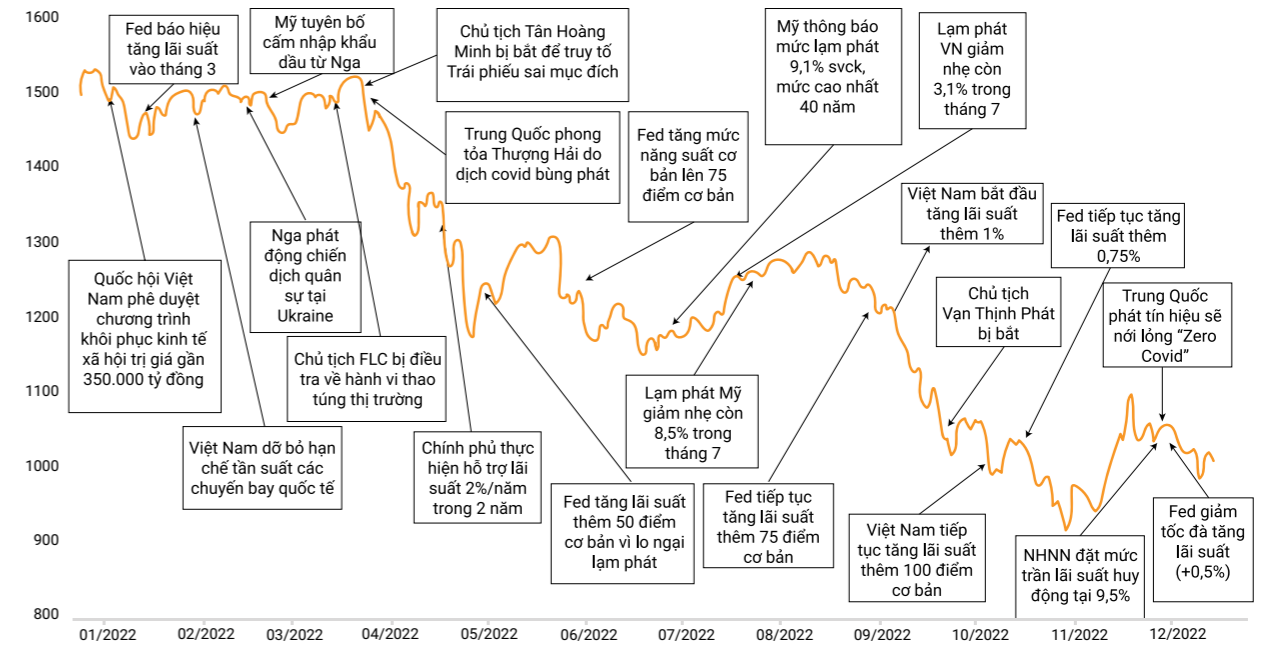
Nguồn: TCTK, VNDIRECT RESEARCH

Hình 4: VND ổn định hơn so với các đồng tiền khác trong khu vực



Nguồn: TCTK, VNDIRECT RESEARCH

Thị trường chứng khoán Việt Nam (TTCK) năm 2022: Các chỉ số chứng khoán giảm điểm mạnh trước làn sóng bán tháo do tâm lý tiêu cực



Hình 5: VN-Index ghi nhận đà tăng ấn tượng trong năm 2021

Nguồn: TCTK, VNDIRECT RESEARCH

Thị trường chứng khoán Việt Nam diễn biến thuận lợi so với phần còn lại của thế giới trong Q1/23 bất chấp những thông tin tiêu cực liên quan tới xung đột Nga-Ukraine, đứt gãy chuỗi cung ứng, lạm phát tăng cao trên toàn cầu, làn sóng nâng lãi suất của các NHTW trên thế giới. Chỉ số VN-INDEX dao động quanh mức 1.500 điểm trong Q1/23. Tuy nhiên, tình hình bắt đầu xấu đi kể từ tháng 4 khi Chính phủ quyết liệt chấn chỉnh kỷ cương trên thị trường tài chính. Một số lãnh đạo doanh nghiệp lớn bị bắt do thao túng giá chứng khoán và vi phạm về phát hành trái phiếu doanh nghiệp. VN-INDEX nhanh chóng giảm 23,1% xuống mức 1.172 điểm chỉ trong một tháng sau thời điểm diễn ra

sự kiện trên do đà bán tháo ồ ạt dẫn đến hiện tượng bán giải chấp trên toàn thị trường. Thị trường chứng khoán Việt Nam có nhịp phục hồi ngắn trong tháng 7-8/2022 trước khi tiếp tục lao dốc mạnh trong tháng 9-10/2022 do những thông tin tiêu cực về thị trường trái phiếu doanh nghiệp và thị trường bất động sản. Chỉ số VN-INDEX có thời điểm về dưới ngưỡng 900 điểm. Mặc dù phục hồi nhẹ trở lại trong 2 tháng cuối năm 2022, chỉ số VN-INDEX vẫn ghi nhận mức giảm mạnh 32,8% trong năm 2022 về mức 1.007,1 điểm. Trong khi đó, HNX-INDEX và UPCOM-INDEX giảm lần lượt 56,7% và 36,7% trong năm 2022.

Ba vấn đề chính gây khó khăn cho thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2022, bao gồm: (1) mặt bằng lãi suất trong nước tăng mạnh, (2) Ngân hàng Nhà nước (NHNN) thắt chặt tín dụng đối với các phân khúc cho vay rủi ro cao,

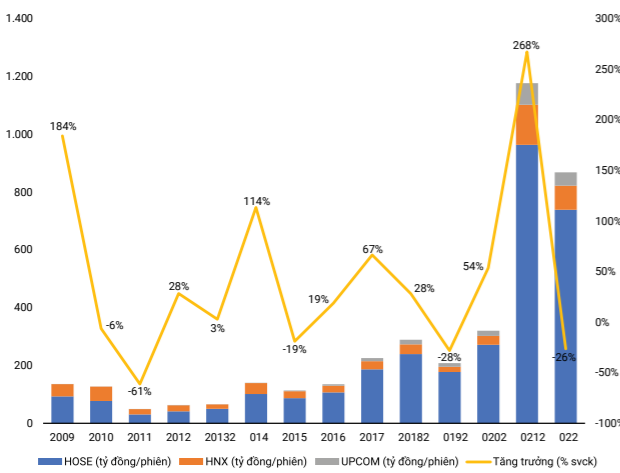
bao gồm đầu tư bất động sản, chứng khoán và (3) kênh huy động vốn dài hạn của doanh nghiệp là thị trường trái phiếu doanh nghiệp gặp khó khăn do khủng hoảng niềm tin của nhà đầu tư sau sự cố Tân Hoàng Minh, Vạn Thịnh Phát.

Thanh khoản thị trường suy yếu khi chính sách tiền tệ dần thắt chặt

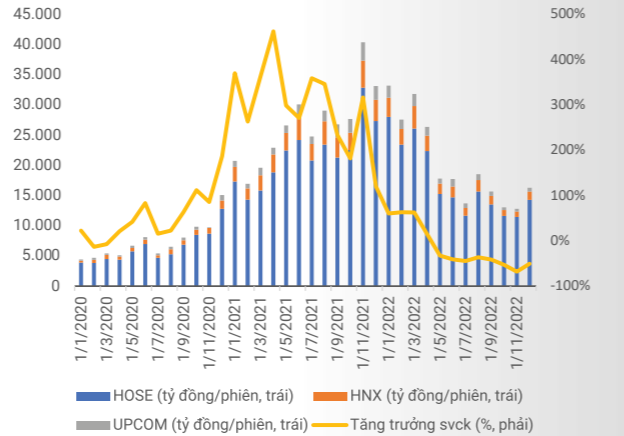
Giá trị giao dịch (GTGD) bình quân trên cả 3 sàn trong năm 2022 giảm 24,6% svck xuống còn 20.249 tỷ đồng. Thanh khoản bình quân của HOSE đạt 17.240 tỷ đồng/phiên (giảm 21,6% svck), trong khi GTGD bình quân của HNX và UPCOM lần lượt đạt 1.938 tỷ đồng/phiên (giảm

38,7% svck) và 1.072 tỷ đồng/phiên (giảm 36,9% svck). Số lượng tài khoản chứng khoán mới của nhà đầu tư cá nhân trong nước sụt giảm kể từ tháng 6 nhưng tổng số tài khoản mở mới trong năm 2022 vẫn tăng 68,9% svck với 2.588.841 tài khoản.

Hình 6: Năm 2022 giá trị giao dịch bình quân giảm 26,0% svck (triệu USD, dữ liệu ngày 30/12/2022)

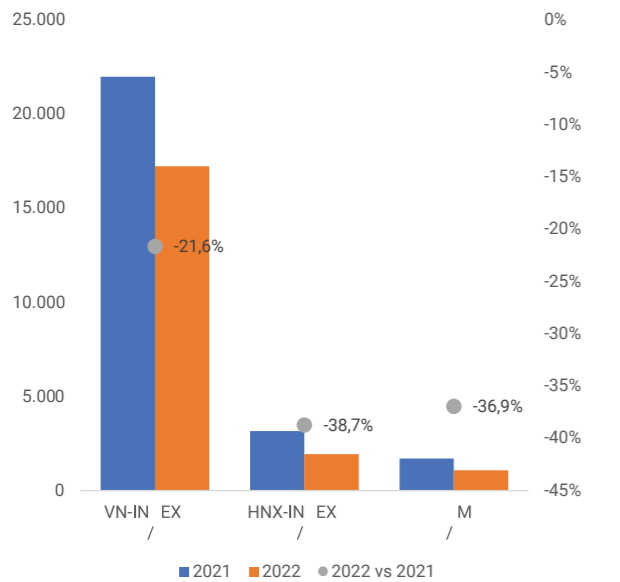


Hình 7: Giá trị giao dịch bình quân theo tháng (T1/20-T12/22) (dữ liệu ngày 30/12/2022)



Nguồn: TCTK, VNDIRECT RESEARCH

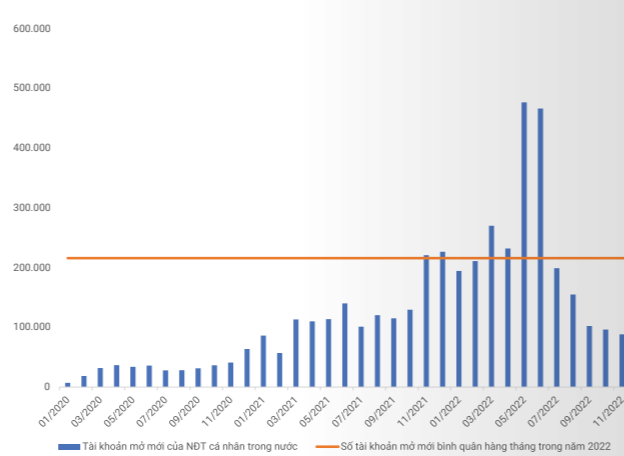
Hình 8: Thanh khoản ghi nhận sự sụt giảm tại 3 sàn



Dữ liệu ghi nhận vào 30/12
Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Dữ liệu ghi nhận vào 30/12
Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 9: Số lượng tài khoản mở mới giảm mạnh sau khi đạt đỉnh vào tháng 5 năm 2022 (dữ liệu ghi nhận vào ngày 30/12/2022)



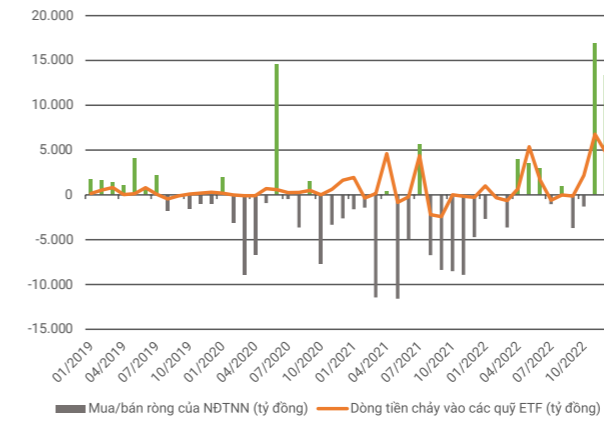
Nguồn: VSD

Sau thời gian bán ròng kéo dài, khối ngoại tích cực mua ròng trở lại

Các nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng trên TTCK Việt Nam với giá trị khoảng 6.614 tỷ đồng (~283 triệu USD) trong Q1/22 do rủi ro leo thang sau khi xung đột Nga-Ukraine nổ ra và Fed bắt đầu nâng lãi suất điều hành. Khối ngoại giao dịch tương đối cân bằng trong giai đoạn tháng 4-10/2022 trước khi mua ròng mạnh trong 2 tháng cuối năm sau đợt giảm giá sâu của thị trường trong tháng 9-11/2022.

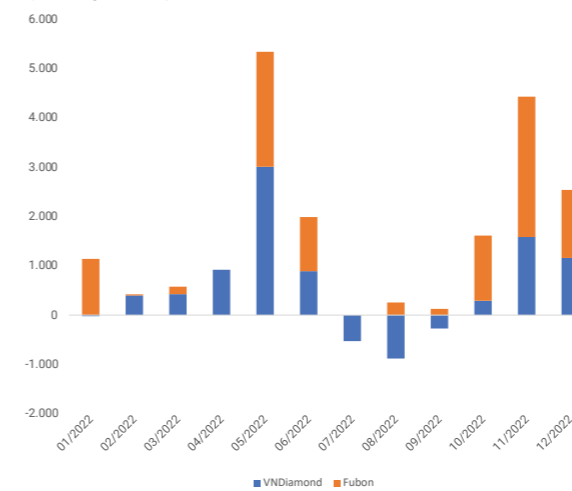
Tính chung, khối ngoại đã mua ròng tổng cộng 28.950 tỷ đồng trên 3 sàn trong năm 2022 (so với lượng bán ròng 62.608 tỷ đồng năm 2021). Tỷ trọng giá trị giao dịch của khối ngoại đã tăng mạnh từ mức 6,2% đầu năm 2022 lên 16,2% trên tổng giá trị giao dịch thị trường vào cuối tháng 12/22.

Hình 10: Giá trị giao dịch ròng hàng tháng của khối ngoại (đơn vị: tỷ đồng)



Dữ liệu ghi nhận vào 22/11
Nguồn: Bloomberg, VNDIRECT RESEARCH

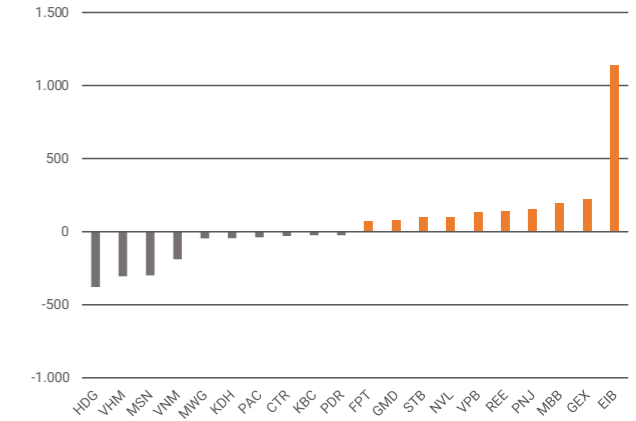
Hình 12: Dòng tiền ròng chảy vào VNDiamond ETF và Fubon FTSE ETF theo tháng từ T1/22 đến T12/22 (Đvt: tỷ đồng)



Dữ liệu ghi nhận vào 30/12
Nguồn: Bloomberg, VNDIRECT RESEARCH

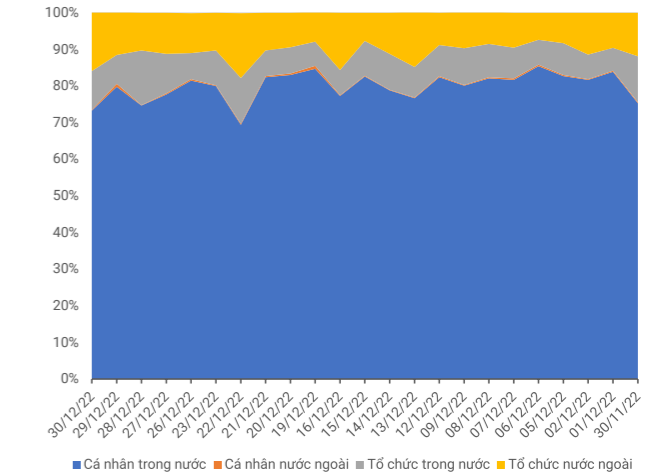
Chúng tôi cho rằng tín hiệu đạt đỉnh của cả lạm phát toàn cầu lẫn lãi suất của Mỹ sẽ kích thích over Warrant, ETF khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư nước ngoài tìm kiếm câu chuyện tăng trưởng cao từ những thị trường mới nổi. Ngoài ra, việc thắt thế gằn đây của các cổ phiếu

Hình 11: Cổ phiếu mua ròng và bán ròng nhiều nhất của khối ngoại (triệu USD, dữ liệu ngày 30/12/2022)



Nguồn: Bloomberg, VNDIRECT RESEARCH

Hình 13: Tỷ trọng thanh khoản của khối ngoại tăng lên, chiếm 16,2% tổng thanh khoản toàn thị trường



Dữ liệu ghi nhận vào 30/12
Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

công nghệ tại đã dẫn đến sự chuyển hướng đầu tư sang các hoạt động kinh doanh truyền thống, đây cũng là bản chất của TTCK Việt Nam, nơi ngân hàng, bất động sản, điện lực, tiêu dùng chiếm ưu thế về vốn hóa.

2. CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO CỦA CÔNG TY TRONG ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

Trong năm 2022, nhiều biến động bất thường đã làm ảnh hưởng lớn đến thị trường tài chính tại Việt Nam. Các kênh huy động vốn của Doanh nghiệp có những dấu hiệu tắc nghẽn khi hạn mức tín dụng của các ngân hàng đã hết từ giữa quý II/2022 và thanh khoản thị trường chứng khoán bị sụt giảm với giá trị giao dịch bình quân phiên sụt giảm 24,6% so với năm 2021. Nhận thấy rủi ro lạm phát và tác động của các yếu tố bên ngoài không lường trước được, ngay từ đầu năm chúng tôi đã triển khai kế hoạch kinh doanh rất thận trọng. Điều đó được thể hiện thông qua hoạt động quản lý bảng cân đối cũng như việc thắt chặt các chính sách quản trị rủi ro để cân bằng giữa yếu tố an toàn trong hoạt động và hiệu quả kinh doanh cụ thể:

2.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro điều chỉnh chính sách lãi suất:

Những chính sách điều hành thị trường quốc tế và Việt Nam đều ảnh hưởng trực tiếp đến từng hoạt động của VNDIRECT. Trong bối cảnh 2022, lãi suất của FED và lãi suất giám sát của Ngân hàng nhà nước (NHNN) tăng lên đã làm tăng đáng kể đến lãi suất đầu vào và chi phí vốn tăng. Tuy nhiên, chúng tôi đưa ra nhiều chính sách quản lý để phòng ngừa rủi ro này bằng cách:

- Hoạt động vay vốn trong nước: Chiến lược là khóa kỳ hạn Giải ngân dài với lãi suất cố định hoặc thời gian điều chỉnh lãi suất dài hơn đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi.
- Hoạt động vay vốn nước ngoài: 100% dư nợ được phòng ngừa rủi ro lãi suất và sử dụng các công cụ phòng ngừa tỷ giá phù hợp.
- Điều chỉnh lãi suất cho vay ký quỹ tương ứng
- Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu tổ chức tín dụng với cấu trúc lãi suất thả nổi

Rủi ro từ biến động của thị trường chứng khoán:

Với mô hình kinh doanh bao gồm ba hoạt động kinh doanh gốc là dịch vụ giao dịch chứng khoán, ngân hàng đầu tư và thị trường vốn, dịch vụ quản lý tài sản, VNDIRECT có cấu trúc doanh thu cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh nhờ đó đa dạng hóa nguồn thu. Với hoạt động đầu tư cổ phiếu chiến lược của Công ty là đầu tư cổ phiếu dài hạn, tập trung vào các doanh nghiệp có đặc điểm ngành, nghề kinh doanh hướng lợi từ sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam, có lợi thế cạnh tranh, được quản lý minh bạch và có chiết khấu hấp dẫn so với khách hàng tiềm năng. Ngoài ra, chiến lược đầu tư ngắn hạn tập trung vào các giao dịch cung cấp sản phẩm cấu trúc như Cover Warrant, ETF, sản phẩm quỹ và giao dịch

ngắn hạn theo mô hình định lượng. Các danh mục đầu tư đều được quản trị rủi ro theo quy trình đã ban hành.

2.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro VNDIRECT không thu hồi một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ với đối tác khi đến hạn. Các hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán nói chung và VNDIRECT nói riêng tiềm ẩn rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư, hoạt động cho vay ký quỹ và đầu tư trái phiếu doanh nghiệp.

Với danh mục tiền gửi:

VNDIRECT luôn tuân thủ nguyên tắc thận trọng, đa dạng hóa đối tác, đánh giá và xếp hạng tín nhiệm đối tác dựa trên thông tin thị trường, thông tin khách hàng và lịch sử hợp tác. Với hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, VNDIRECT chỉ lựa chọn đối tác là các ngân hàng lớn, có xếp hạng tín nhiệm quốc tế cao từ B2 trở lên của Moody's để cấp hạn mức đầu tư và duy trì tài khoản tiền gửi. Hệ thống cảnh báo và báo cáo rủi ro hàng ngày được duy trì để giám sát chặt chẽ hoạt động này.

Với danh mục cho vay ký quỹ:

Rủi ro tín dụng phát sinh với hoạt động này khi giá cổ phiếu giảm làm giá trị tài sản đảm bảo giảm nhưng khách hàng không bổ sung giá trị tài sản đảm bảo theo yêu cầu hoặc giá cổ phiếu xuống quá thấp hoặc mất thanh khoản dẫn đến công ty chứng khoán không thu hồi được hết số tiền cho vay. Để hạn chế rủi ro này, VNDIRECT đã phối hợp đồng thời nhóm biện pháp:

- Lập danh mục cổ phiếu làm tài sản bảo đảm trên cơ sở tuân thủ các quy định của UBCKNN, đồng thời thường xuyên đánh giá biến động cổ phiếu, các yếu tố thanh khoản, xác định các thông tin ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và cổ phiếu.
- Xây dựng hệ thống hạn mức chéo để kiểm soát tối đa: tổng hạn mức cho vay ký quỹ, hạn mức tối đa/khách hàng, hạn mức tối đa/mã cổ phiếu, tỷ lệ cảnh báo ngưỡng an toàn, tỷ lệ cảnh báo buộc bán để thu hồi nợ,...
- Theo dõi hàng ngày dư nợ và tỷ lệ rủi ro để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro. Bất kỳ khoản nợ cổ phiếu nào tiềm ẩn yếu tố rủi ro đều phải thu hồi trước hạn.
- Việc chấm điểm, đánh giá khách hàng người dùng phải đảm bảo các tiêu chí theo nguyên tắc do VNDIRECT đề ra, ràng buộc trách nhiệm của Môi giới chăm sóc khách hàng trong việc cảnh báo và thu hồi nợ

- Cho vay ký quỹ được cung cấp cho nhiều đối tượng khách hàng bao gồm khách hàng cá nhân, doanh nghiệp và định chế tài chính để đảm bảo rủi ro không tập trung vào một số khách hàng lớn.

Trong điều kiện thị trường có nhiều diễn biến khó lường và rủi ro cao, VNDIRECT đã thắt chặt hơn các quy định về cấp margin cho cổ phiếu, việc đánh giá, sàng lọc, điều chỉnh các tỷ lệ quản lý rủi ro, hạn mức được thực hiện với tần suất hàng ngày hoặc ngay khi thị trường có các diễn biến bất lợi.

Với nghiệp vụ ngân hàng đầu tư:

VNDIRECT cung cấp chuỗi giá trị cho khách hàng (bao gồm Tổ chức phát hành và Nhà đầu tư) từ việc tư vấn, bảo lãnh phát hành và phân phối, quản lý dòng tiền. Với định vị là một tổ chức tài chính trung gian và độc lập cung cấp giải pháp tài chính trong suốt quá trình phát triển của khách hàng, đồng thời với tầm nhìn trở thành một định chế tài chính đầu tư chuẩn mực và tin cậy, đem lại giá trị Sức khỏe tài chính – Bảo an thịnh vượng – Phát triển bền vững cho những người làm nghề, khách hàng, đối tác và cộng đồng, chúng tôi áp dụng các tiêu chuẩn lựa chọn, đánh giá, thẩm định và quản lý rủi ro chặt chẽ trong việc tư vấn, bảo lãnh phát hành.

+ Về lựa chọn tổ chức phát hành:

Chúng tôi áp dụng các tiêu chí rất khắt khe trong quá trình KYC (Know Your Customer) và thẩm định khách hàng dựa trên các tiêu chí: dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, năng lực huy động vốn, năng lực tài chính, năng lực kinh doanh và năng lực quản trị Doanh nghiệp. Tổ chức phát hành cần có chiến lược và tầm nhìn phát triển dài hạn, bền vững, góp phần vào sự tăng trưởng của nền kinh tế đất nước.

+ Quy trình thẩm định và quản lý rủi ro chặt chẽ:

Các sản phẩm đầu tư do VNDIRECT bảo lãnh phát hành được lựa chọn và đánh giá dựa trên một quy trình thẩm định chặt chẽ theo nguyên tắc 5C (Cashflow, Character, Corporate governance, Capital structure, Conditions) nhằm đảm bảo các nguyên tắc và chuẩn mực về điều kiện ra thị trường của các đợt phát hành do Công ty tư vấn. Với cách tiếp cận cẩn trọng, VNDIRECT đã giúp các khách hàng doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn duy trì cho hoạt động kinh doanh, vượt qua những giai đoạn khó khăn về thanh khoản trên thị trường đồng thời cùng với những tư vấn của VNDIRECT về mô hình tài chính toàn diện cho doanh nghiệp, giúp cho doanh nghiệp đảm bảo được sức khỏe tài chính để vững vàng vượt qua thử thách và đón đầu những cơ hội mới trong tương lai.

- VNDIRECT chỉ phân phối các sản phẩm do VNDIRECT tư vấn, phát hành/bảo lãnh phát hành
- Danh mục sản phẩm đầu tư do VNDIRECT tư vấn, phát hành/bảo lãnh phát hành và phân phối đa dạng, bao gồm nhiều lĩnh vực: ngân hàng, năng lượng, nước, sản xuất, bán lẻ,...

2.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi VNDIRECT mất khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua chứng khoán vay ký quỹ của nhà đầu tư và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu hoạt động thanh toán của nhà đầu tư trên tài khoản họ duy trì tại VNDIRECT. Năm 2022 là năm VNDIRECT đề cao an toàn thanh khoản:

Luôn tuân thủ tất cả các tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn. Tỷ lệ vốn khả dụng tại ngày 31/12/2022 là 336%, cao hơn nhiều so với quy định của UBNN là 180%.

Công ty duy trì bộ đệm thanh khoản để dự phòng cho các biến động lớn. Danh mục tài sản có tính thanh khoản cao chiếm tỷ lệ 41,81%/ tổng tài sản, bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi có kỳ hạn, Chứng chỉ tiền gửi tại và Trái phiếu tổ chức tín dụng lớn (thuộc Top 5 ngân hàng) phát hành nên dễ dàng thanh toán thành tiền. Ngoài ra, kinh nghiệm lâu năm trên thị trường vốn, và sự am hiểu thị trường, Công ty xây dựng được quan hệ giao dịch với nhiều định chế tài chính (bao gồm các tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm và quỹ đầu tư).

Duy trì giới hạn tổng mức đầu tư trái phiếu doanh nghiệp dưới 70% vốn chủ sở hữu, vào ngày 31/12/2022, tỷ lệ duy trì là 67,3%. Ngoài ra, Công ty đang phân phối trái phiếu doanh nghiệp cho nhiều đối tượng khách hàng khác nhau: nhà đầu tư cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức tài chính, giúp giảm thiểu rủi ro khi tập trung vào một phân khúc khách hàng.

2.4. Rủi ro vận hành

Thị trường chứa đựng những yếu tố khó lường sẽ tác động đến thị trường chứng khoán hiện nay. Tin đồn sai sự thật đang lan rộng có thể dẫn đến sự đổ vỡ niềm tin. VNDIRECT cũng tích cực phối hợp với các doanh nghiệp, chuyên gia về chính sách vĩ mô tổ chức các buổi hội thảo nhằm góp phần cung cấp thêm thông tin hữu ích cho nhà đầu tư.

Rủi ro hoạt động cũng bao gồm rủi ro về an ninh hệ thống, tuân thủ và quy định. Trong điều kiện thị trường nhạy cảm như vậy, Công ty liên tục xem xét tất cả các quy trình vận hành để đảm bảo tuân thủ, hệ thống an ninh, an ninh mạng được kiểm tra định kỳ để kịp thời phát hiện, rà soát, khắc phục nhằm hạn chế tối đa rủi ro hệ thống.

Với mục tiêu đảm bảo an toàn thông tin ở mức độ cao nhất, VNDIRECT tăng cường đầu tư vào quản trị an toàn thông tin trên toàn bộ hệ thống, kiện toàn các bước vận hành và hệ thống quản lý thông tin để đảm bảo các sự kiện có thể ảnh hưởng đến an toàn thông tin trên hệ thống được nhận diện, giám sát, phân tích và xử lý kịp thời. Các rủi ro hoạt động gây mất an toàn thông tin, các xu hướng đe dọa, rủi ro an toàn được nhận diện và kiểm soát chủ động.

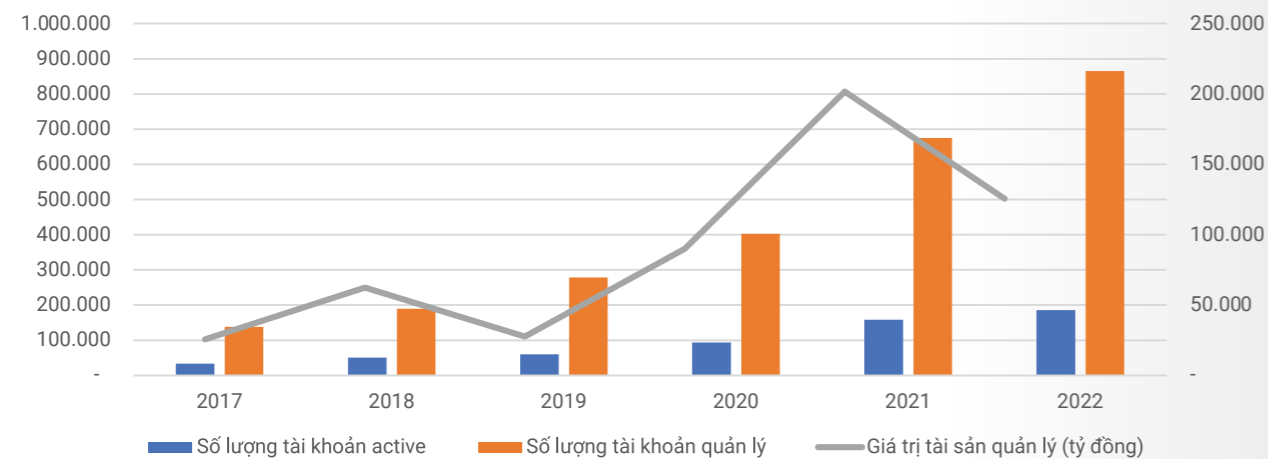
3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2022

3.1 Tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

(1) Khách hàng cá nhân

Mặc dù thị trường chứng khoán chứng kiến nhiều thách thức trong năm 2022, nền tảng khách hàng cá nhân VNDIRECT vẫn ghi nhận sự tăng trưởng về quy mô khách hàng. Trong năm 2022, VNDIRECT phục vụ thêm hơn 190.300 tài khoản nhà đầu tư cá nhân, tăng trưởng hơn 28% so với năm 2021 và chiếm gần hơn 17% thị phần số tài khoản nhà đầu tư cá nhân toàn thị trường.

SỐ LƯỢNG TÀI KHOẢN VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA KHÁCH HÀNG



Năm 2022 nhờ năng lực về cung cấp sản phẩm dịch vụ, năng lực công nghệ và năng lực về vốn, Công ty tiếp tục giữ được vị thế trong mảng dịch vụ chứng khoán truyền thống.

Về thị phần môi giới:



TOP 2

Thị phần môi giới cổ phiếu niêm yết tại HNX với **10%**



TOP 3

Thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền có bảo đảm tại HOSE với **7,88%**



TOP 4

Thị phần môi giới chứng khoán phái sinh với **4,5%**

Về doanh thu phí dịch vụ giao dịch chứng khoán cả năm 2022 đạt 1.249 tỷ đồng, giảm gần 23% so với năm 2021, tương ứng với mức giảm về giá trị giao dịch bình quân phiên của toàn thị trường. Năm 2022, giá trị giao dịch bình quân trên cả 3 sàn trong năm 2022 đạt 20.249 tỷ đồng giảm 24,6% so với bình quân phiên của năm 2021. Tuy nhiên, lãi từ hoạt động cho vay và phải thu cả năm 2022 đạt 1.600 tỷ đồng, tăng hơn 37% so với kết quả năm 2021.

Để gia tăng năng lực cạnh tranh với mảng dịch vụ giao dịch chứng khoán trong điều kiện thị trường ngày càng có sự tham gia của các công ty chứng khoán có vốn nước ngoài có lợi thế về chi phí vốn, ngoài việc củng cố năng lực tài chính, Công ty cũng xác định chiến lược chuyển dịch dần từ mô hình phí giao dịch sang mô hình phí dịch vụ với việc xây dựng và cung cấp hệ sinh thái bao gồm các nền tảng giao dịch, đóng gói sản phẩm dịch vụ để gia tăng giá trị và trải nghiệm cho nhà đầu tư.

Với định hướng chuyển dịch này, trong năm 2022, VNDIRECT ra mắt ứng dụng DSTOCK với định hướng trở thành hệ sinh thái Dịch vụ giao dịch chứng khoán toàn diện và đủ sự lựa chọn giúp nhà đầu tư có góc nhìn toàn diện về sức khỏe cổ phiếu và tiện ích giao dịch như dân nhà nghề để gia tăng tốc độ tăng trưởng tài sản. DSTOCK cung cấp đầy đủ các nền tảng giao dịch và tra cứu thông tin để đáp ứng đầy đủ nhu cầu giao dịch và đầu tư của mọi nhà đầu tư từ giai đoạn mới tham gia thị trường đến giai đoạn đầu tư chuyên nghiệp.

Với VNDIRECT, các sự kiện xảy ra trên thị trường trong năm qua là một "phép kiểm thử" đối với đội ngũ kinh doanh của Công ty và càng cho thấy tính đúng đắn về đường lối chiến lược chuyển đổi từ mô hình kinh doanh dịch vụ chứng khoán truyền thống sang dịch vụ tư vấn và quản lý tài sản. Thông qua phép thử này, đội ngũ toàn hệ thống cũng đã nhận diện được những khó khăn, thách thức trong việc chuyển đổi theo mô hình kinh doanh mới, qua đó tiếp tục kiện toàn mô hình kinh doanh, hoàn thiện nền tảng sản phẩm, dịch vụ và đội ngũ huấn luyện viên tài chính, xây dựng các tiêu chuẩn về sản phẩm, chuẩn mực đạo đức làm nghề của đội ngũ kinh doanh để kiến tạo năng lực phục vụ và bảo vệ tài sản của khách hàng.

Trong năm 2022, VNDIRECT tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ để chuyển dịch từ mô hình dịch vụ chứng khoán truyền thống sang mô hình dịch vụ quản lý tài sản với tầm nhìn trở thành một định chế tài chính đầu tư chuẩn mực và tin cậy, đem lại giá trị Sức khỏe tài chính – Bảo an thịnh vượng – Phát triển bền vững cho những người làm nghề, khách hàng và đối tác và cộng đồng.

Với hành trình kiến tạo sức khỏe tài chính – bảo an thịnh vượng – phát triển bền vững với VNDIRECT, khách hàng sẽ có cơ hội xây dựng được tháp tài sản vững chắc với các danh mục tài sản theo mô hình tháp nhu cầu Health – Wealth – Growth. Tháp tài sản bao gồm danh mục các sản phẩm mà VNDIRECT cung cấp cho khách hàng, đủ cho các lựa chọn đầu tư theo các sản phẩm tài chính thuộc thị trường tiền tệ, thị trường vốn, thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản, đáp ứng nhu cầu và mục tiêu xây dựng tài sản tăng trưởng bền vững cho khách hàng.



Tháp tài sản cho Sức khỏe an sinh (Health) - là danh mục sản phẩm đầu tư được thiết kế cho các mục tiêu tài chính an sinh bao gồm các giải pháp bảo hiểm, kế hoạch hưu trí, kế hoạch tài chính cho các mục tiêu trọng yếu, quỹ dự phòng thanh toán, không chỉ dành cho các khách hàng cá nhân mà còn dành cho các doanh nghiệp góp phần mang lại các lợi ích cho người lao động. Danh mục tài sản phòng vệ là sự kết hợp giữa các giải pháp bảo hiểm và các loại tài sản có tính thanh khoản cao sẽ giúp khách hàng được bảo vệ khỏi các rủi ro về tài chính, nhờ đó yên tâm kiến tạo các danh mục tài sản mang lại giá trị cao hơn.

Tháp tài sản với mục tiêu Bảo an Thịnh vượng (Wealth) - là danh mục các sản phẩm đầu tư cho các mục tiêu bảo an gia sản và sự tăng trưởng, giúp khách hàng mong có nguồn thu nhập ổn định và tích lũy trong dài hạn kèm theo cơ hội thu lợi cao hơn so với lợi nhuận bình quân của thị trường trong kỳ tích lũy. Tài sản của khách hàng sẽ được phân bổ vào các công cụ lãi suất trên thị trường tiền tệ và các công cụ đầu tư trên thị trường vốn với tỷ lệ phân bổ phù hợp với mục tiêu tăng trưởng trong ngắn - trung - dài hạn của khách hàng.

Tháp tài sản tăng trưởng bền vững (Growth) là sự kết hợp giữa các gói sản phẩm dịch vụ về giao dịch chứng khoán và các gói sản phẩm về đòn bẩy tài chính phù hợp với các nhà đầu tư đã tích lũy được năng lực tài chính- năng lực đầu tư và kiến thức cùng kỹ năng giao dịch thông qua việc xây dựng được năng lực phòng vệ các rủi ro tài chính đồng thời tích lũy danh mục tài sản.

Sau 1 thời gian ra mắt, các gói sản phẩm dịch vụ quản lý tài sản theo mô hình tháp tài sản Health – Wealth – Growth đã được khách hàng đón nhận khá tích cực, tổng giá trị tài sản Công ty quản lý tính tới thời điểm 31/12/2022 đạt gần 132 nghìn tỷ đồng, trong đó giá trị tài sản ở tầng tháp Sức khỏe An Sinh (Health) có sự tăng trưởng vượt trội với mức tăng trưởng gần 137% so với thời điểm cuối năm 2021.

Cùng với việc kiện toàn nền tảng sản phẩm, trong năm 2022 VNDIRECT đã phát triển và tiếp tục hoàn thiện các nền tảng dịch vụ, công nghệ để cung cấp phương tiện dành cho và đội ngũ tư vấn quản lý tài sản của công ty trong hành trình xây dựng và quản lý tài chính cá nhân.





Về nền tảng công nghệ dành cho khách hàng:

Trong năm 2022 VNDIRECT ra mắt ứng dụng quản lý tài sản **My DGO** được xây dựng và phát triển trên đa nền tảng bao gồm web và các thiết bị di động để hỗ trợ mọi nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận với các kênh đầu tư tài sản, chủ động phân bổ và quản lý tài sản theo mục tiêu tài chính đã thiết lập.

Với ứng dụng quản lý tài sản My DGO, khách hàng chỉ với một lần đăng nhập có thể dễ dàng thực hiện việc kiểm tra tình hình sức khỏe tài chính, sức khỏe đầu tư; thiết lập các kế hoạch tài chính với thông qua hệ sinh thái sản phẩm đầu tư đa dạng; theo dõi và quản lý các tài khoản đầu tư theo các tầng tháp tài sản đã được thiết lập theo các mục tiêu đầu tư và quản trị khác nhau.

Ngoài ra, nền tảng quản lý tài sản cũng được tích hợp nền tảng thông tin và dữ liệu thị trường – **DSTOCK** để cung cấp thông tin thị trường dữ liệu chuyên sâu về ngành, doanh nghiệp cùng với hệ thống báo cáo từ báo cáo phân tích kinh tế vĩ mô, báo cáo ngành, báo cáo theo chuyên đề và báo cáo phân tích doanh nghiệp.

Song song với các nền tảng về quản lý tài khoản- quản lý tài sản- tra cứu thông tin thị trường chuyên sâu, VNDIRECT hiểu rằng khách hàng đầu tư luôn có nhu cầu tiếp cận và trao đổi trực tiếp các thông tin từ cộng đồng đầu tư chuyên nghiệp, do vậy, VNDIRECT đã liên tục cập nhật và hoàn thành tích hợp cổng thông tin STOCKBOOK. Thông qua STOCKBOOK, khách hàng dễ dàng tham gia các cộng đồng đầu tư, cập nhật các biến động tâm lý thị trường cũng như các ý kiến chuyên gia và hơn thế nữa là các chương trình đào tạo- chương trình chia sẻ chuyên sâu về ngành nhằm mục đích hỗ trợ nâng cao tri thức cho Khách hàng.

Bên cạnh các tính năng về giao dịch tài sản, quản lý tài khoản, tra cứu thông tin, báo cáo, nền tảng quản lý tài sản còn được tích hợp thêm các tính năng liên lạc – **DLINK** để khách hàng thuận tiện kết nối với đội ngũ của VNDIRECT đang thực hiện quản lý, chăm sóc tài khoản đầu tư của khách hàng.

Về nền tảng công nghệ để hỗ trợ cho đội ngũ tư vấn quản lý tài sản, VNDIRECT xây dựng và cung cấp nền tảng công cụ và thông tin DSB Platform Platform hỗ trợ đội ngũ trong quá trình làm nghề, phát triển kỹ năng làm nghề và cung cấp các công cụ quản lý công việc để đảm bảo nguyên tắc đồng hành cùng khách hàng của đội ngũ tư vấn quản lý tài sản là Thấu hiểu – Đồng hành – Phù hợp.

Dựa vào năng lực cốt lõi về công nghệ, VNDIRECT luôn chú trọng tập trung hoàn thiện các nền tảng công nghệ, sáng tạo các tính năng mới để phục vụ khách hàng trọn vẹn trong hành trình đầu tư và quản lý tài chính cá nhân.

Với việc áp dụng mô hình online to offline (O2O) trong phân phối, cung cấp sản phẩm, dịch vụ đầu tư tới khách hàng, đi kèm với việc ra mắt các nền tảng công nghệ cho khách hàng và đội ngũ đồng hành cùng với khách hàng, VNDIRECT cũng đồng thời hoàn thiện các dịch vụ và nâng cao chất lượng tư vấn của đội ngũ tư vấn quản lý tài sản.

Dịch vụ hỗ trợ và đồng hành trong hành trình đầu tư – DGO service nơi khách hàng sẽ được hỗ trợ tư vấn từ kiểm tra sức khỏe tài chính (Financial Health Check), kiểm tra sức khỏe đầu tư (Investment Health Check), xây dựng kế hoạch phân bổ đầu tư tài sản, thiết lập các tài khoản đầu tư theo kế hoạch đã đặt ra và kết nối khách hàng với các bộ phận dịch vụ quản lý tài sản và các gói dịch vụ phù hợp trong hành trình đầu tư.

Dịch vụ chuyên gia - DCARE – gói dịch vụ về chuyên gia nơi nhà đầu tư sẽ đồng hành cùng đội ngũ chuyên gia được đào tạo chuyên sâu để hiểu được các nhu cầu của khách hàng, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp của một chuyên gia tư vấn độc lập, đi cùng với khách hàng để tiếp cận được các cơ hội đầu tư, và lựa chọn các sản phẩm dịch vụ và kênh đầu tư phù hợp.

Trong năm 2022, một trong các mục các mục tiêu quan trọng mà VNDIRECT đặt ra là nâng cao năng lực về đội ngũ con người trong đó có đội ngũ về dịch vụ quản lý tài sản DGO gồm có chuyên viên dịch vụ khách hàng (SSE), đội ngũ chuyên gia quản lý giao dịch và đầu tư (AME). Với sứ mệnh phụng sự sức khỏe tài chính, bảo an thịnh vượng và giúp khách hàng tiếp cận hệ sinh thái sản phẩm đầu tư, đội ngũ kinh doanh và dịch vụ khách hàng của VNDIRECT liên tục được bồi dưỡng nâng cao tri thức làm nghề, kỹ năng thấu hiểu khách hàng và đánh giá khả năng đáp ứng tiêu chuẩn điều kiện và năng lực làm nghề nghiệp. Với tầm nhìn và sứ mệnh đã được xác định, VNDIRECT tiếp tục kiên định trên hành trình kiến tạo sức khỏe tài chính, bảo an thịnh vượng, phát triển bền vững cho khách hàng, đối tác và cộng đồng. Trên hành trình đó Công ty liên tục nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ, hoàn thiện nền tảng sản phẩm nhằm mục tiêu mang đến cách tiếp cận dễ dàng cho khách hàng, đồng thời bảo đảm sự an tâm đầu tư trong hành trình kiến tạo sức khỏe tài chính và gia tăng thịnh vượng.



(2) Khách hàng doanh nghiệp

Những xung đột về địa chính trị, biến động về môi trường kinh doanh toàn cầu trong điều kiện các ngân hàng trung ương thực thi việc thắt chặt chính sách tiền tệ đã dẫn đến việc các dòng vốn bị rút ra khỏi các nền kinh tế đang phát triển để tìm về nơi trú ẩn.

Trong khi đó, bên cạnh những thách thức chung về môi trường kinh doanh, các doanh nghiệp Việt Nam đồng thời phải đối mặt với rủi ro thanh khoản do sự đứt gãy của các dòng vốn trên thị trường. Năng lực huy động các nguồn vốn từ kênh tín dụng truyền thống của doanh nghiệp bị hạn chế ngay từ giai đoạn nửa đầu năm trong bối cảnh các ngân hàng bị chạm trần các chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng. Trong khi đó, kênh huy động vốn trái phiếu - vốn là một trong những kênh dẫn vốn quan trọng cho các doanh nghiệp trong hai, ba năm gần đây bị gián đoạn từ sau sự kiện Tân Hoàng Minh và bị đứt gãy hoàn toàn sau sự kiện Vạn Thịnh Phát. Trong khi đó, việc huy động vốn trên thị trường cổ phiếu cũng bị hạn chế bởi việc thị trường chứng khoán bước vào giai đoạn điều chỉnh sâu. Việc đứt gãy trong cả 3 kênh huy động vốn quan trọng làm cho dòng vốn trên thị trường vốn đang luân chuyển mạnh mẽ trong những năm gần đây khiến cho các doanh nghiệp Việt Nam loay hoay trong việc tiếp cận nguồn vốn, thậm chí nhiều doanh nghiệp đối mặt với rủi ro mất thanh khoản trong giai đoạn cuối năm.

Trong bối cảnh đó vĩ mô chung bất định, ngay từ giai đoạn đầu năm VNDIRECT đã chủ trương tiếp cận cẩn trọng trong các hoạt động tư vấn, bảo lãnh phát hành trên thị trường nợ. Trong đó, thay vì mở rộng, VNDIRECT tập trung vào các khách hàng hiện hữu vốn đã được lựa chọn kỹ càng theo các tiêu chí như ngành nghề, mô hình kinh doanh, quản trị doanh nghiệp,... để cung cấp các dịch vụ tư vấn, bảo lãnh phát hành.

Các trái phiếu doanh nghiệp được VNDIRECT bảo lãnh phát hành được lựa chọn và đánh giá dựa trên một quy trình thẩm định chặt chẽ theo 5C (Cashflow, Character, Corporate governance, Capital structure, Conditions) nhằm đảm bảo các nguyên tắc và chuẩn mực về điều kiện ra thị trường của các đợt phát hành do Công ty tư vấn. Với

cách tiếp cận cẩn trọng, VNDIRECT đã giúp các khách hàng doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn duy trì cho hoạt động kinh doanh, vượt qua những giai đoạn khó khăn về thanh khoản trên thị trường đồng thời cùng với những tư vấn của VNDIRECT về mô hình tài chính toàn diện cho doanh nghiệp, giúp cho doanh nghiệp đảm bảo được sức khỏe tài chính để vững vàng vượt qua thử thách và đón đầu những cơ hội mới trong tương lai.

Bên cạnh đó, năm 2022 VNDIRECT tiếp tục hoàn thiện năng lực tư vấn trên thị trường vốn với các đợt tư vấn phát hành tăng vốn cho các doanh nghiệp lớn.

Kết quả năm 2022, VNDIRECT đã thực hiện các dịch vụ phát hành trái phiếu bao gồm tư vấn, đại lý và bảo lãnh phát hành với tổng giá trị lên tới 51.000 tỷ đồng, trong đó phần lớn nhà phát hành là các doanh nghiệp, tập đoàn lớn như, Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank), Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB),... Bên cạnh đó, năm 2022 VNDIRECT tiếp tục hoàn thiện năng lực tư vấn trên thị trường vốn với các đợt tư vấn phát hành tăng vốn cho các doanh nghiệp lớn hàng đầu trong lĩnh vực hạ tầng, dịch vụ bất động sản như Công ty CP Tập đoàn Cienco4, Công ty CP BĐS Thế Kỷ, Công ty CP Đầu tư xây dựng Trung Nam (Trung Nam Group), ...

Bên cạnh đó, công ty tiếp tục mở rộng các dịch vụ tư vấn, quản lý tối ưu dòng tiền cho các khách hàng doanh nghiệp, với hơn 180 khách hàng đăng kí sử dụng dịch vụ.

Với nguyên tắc “Hiểu - Đồng hành - Phù hợp”, VNDIRECT đã kiên định với chuẩn mực trong chiến lược tiếp cận hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp, qua đó đồng hành và hỗ trợ cho các doanh nghiệp Việt Nam thực sự xây dựng được năng lực huy động vốn ngay cả trong những điều kiện vô cùng thách thức của thị trường tài chính và sẵn sàng đón nhận được những cơ hội kinh doanh mới trong tương lai.



(3) Khách hàng Định Chế Tài Chính – VNDIRECT tiếp tục nâng cao vị thế trong quan hệ với các đối tác Định Chế tài chính trong nước và quốc tế

(Đơn vị: đồng)

2022 là một năm đầy biến động của thị trường chứng khoán Việt Nam với chỉ số VNindex giảm 52% so với đỉnh lịch sử. Bất chấp hàng loạt bất lợi, thị trường chứng khoán Việt vẫn là điểm đến hấp dẫn, thu hút dòng vốn đầu tư từ nước ngoài. Tính cả năm 2022, khối ngoại mua ròng hơn 29.800 tỉ đồng, trái ngược với việc bán ròng ở năm liền trước (-60.600 tỉ đồng). VNDIRECT tiếp tục được các Khách hàng tổ chức là các Quỹ đầu tư chứng khoán, các công ty chứng khoán nước ngoài lựa chọn là cổng kết nối dẫn vốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam dựa trên danh tiếng đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ, chất lượng dịch vụ báo cáo phân tích và kết nối doanh nghiệp.

Năm 2022, doanh thu mảng dịch vụ chứng khoán cho nhóm khách hàng định chế tài chính tăng trưởng 9,3% so với năm 2021.

Với khách hàng định chế là các tổ chức tín dụng, năm 2022 VNDIRECT đã thiết lập được quan hệ với gần 60 ngân hàng trong và ngoài nước. Trong bối cảnh thị trường tiền tệ trong nước thắt chặt, bằng quá trình hoạt động kinh doanh ổn định và hiệu quả, VNDIRECT tiếp tục nhận được sự tin tưởng và tín nhiệm của các tổ chức tín dụng, góp phần nâng tổng hạn mức tín dụng lên đến hơn 50.000 tỷ, tăng 38% so với năm 2021.

Mở rộng năng lực huy động nguồn vốn trong điều kiện thị trường khó khăn

Năm 2022, VNDIRECT tiếp tục nâng cao năng lực huy động vốn thông qua việc gia tăng quy mô và hiệu quả của các hạn mức tín dụng trong nước và tiếp tục xây dựng quan hệ với các tổ chức tín dụng mới, có uy tín trên thị trường. Thực hiện đúng chiến lược đa dạng hóa nguồn vốn huy động trong và ngoài nước, tránh rủi ro tập trung do chính sách điều hành của Ngân hàng Nhà nước, Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh khoản, đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư và hoạt động kinh doanh hiệu quả. Trong đó, đối với các hạn mức vay vốn bằng ngoại tệ, VNDIRECT luôn linh hoạt sử dụng các chiến lược về phòng ngừa rủi ro tỷ giá và lãi suất để đảm bảo an toàn, hiệu quả.

(ii) Quản lý vốn và tài sản an toàn, hiệu quả và tăng trưởng bền vững, nâng cao khả năng huy động vốn cổ đông.

(iii) Xây dựng năng lực kinh doanh rủi ro trên đa dạng các kênh tài sản bao gồm các sản phẩm trên thị trường tiền tệ, thị trường cổ phiếu, trái phiếu và chứng khoán phái sinh.

(iv) Xây dựng mở rộng năng lực bảo lãnh phát hành và tạo lập thị trường cho các đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Hoạt động quản lý nguồn vốn

Năm 2022, Công ty tiếp tục chiến lược đa dạng hóa các nguồn vốn huy động để hạn chế rủi ro tập trung vào kênh huy động từ tín dụng ngân hàng.

Tháng 3/2023, Công ty cũng chào bán thành công 1.000 tỷ trái phiếu phát hành ra công chúng với kỳ hạn từ 1 đến 3 năm. Tháng 4/2022, VNDIRECT đã hoàn tất quá trình tăng vốn lần thứ 2 liên tiếp trong vòng 1 năm, nâng vốn chủ sở hữu lên trên 14.000 tỷ đồng và trở thành một trong các công ty chứng khoán có quy mô vốn lớn nhất thị trường. Ngoài ra Công ty tiếp tục mở rộng các kênh huy động thông qua các khoản vay trên thị trường vốn quốc tế.

Đến hết năm 2022, công ty có tổng hạn mức tín dụng lên đến hơn 50.000 tỷ, với hạn mức tín chấp gần 14.000 tỷ đồng, hạn mức với ngân hàng nước ngoài là gần 9.000 tỷ đồng. Đặc biệt có thể kể đến trong năm 2022, VNDIRECT tiếp tục ký kết thành công khoản vay hợp vốn tín chấp với trị giá 75 triệu USD với nhóm định chế tài chính đến từ Đài Loan, Singapore và Hongkong.

Ngoài ra, VNDIRECT tiếp tục bổ sung nguồn vốn của công ty thông qua việc phát hành trái phiếu ra công chúng. Năm 2022, VNDIRECT phát hành thành công 1.000 tỷ đồng kỳ hạn 1 – 3 năm cho các nhà đầu tư tổ chức lớn.

Là một trong các hoạt động kinh doanh cốt lõi, hoạt động kinh doanh trên thị trường vốn có vai trò quản lý tập trung các nguồn vốn huy động của VNDIRECT, bao gồm nguồn vốn cổ đông và các nguồn vốn huy động từ trái phiếu, tín dụng ngân hàng và các nguồn vốn huy động khác, giúp tối ưu hóa việc phân bổ nguồn vốn cho các hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.

Hoạt động kinh doanh trên thị trường vốn trong 2022 tiếp tục tập trung vào bốn mục tiêu chiến lược:

(i) Quản lý cân đối nguồn vốn cho các hoạt động kinh doanh – Kết nối quan hệ tín dụng với các định chế ngân hàng và năng lực vốn kinh doanh ngắn hạn.



STT	Nguồn vốn	2022	2021	% Tăng/giảm so với 2021
1	Vốn chủ sở hữu	14.485.200.083.066	9.603.522.660.470	50,83%
2	Vốn vay ngắn hạn	19.311.982.646.239	20.448.678.287.066	-5,56%
	• Vay trong nước	13.370.309.076.618	15.253.860.287.066	-12,35%
	• Vay quốc tế	5.941.673.569.621	5.194.818.000.000	14,38%
3	Phát hành trái phiếu	1.650.000.000.000	1.250.000.000.000	32,00%
	• Ngắn hạn	850.000.000.000	500.000.000.000	70,00%
	• Dài hạn	800.000.000.000	750.000.000.000	6,67%
4	Tỷ lệ D/E	167,65%	283,71%	

Trong bối cảnh chính sách thị trường tiền tệ thắt chặt và tiềm ẩn nhiều rủi ro đến từ các yếu tố vĩ mô, các vấn đề xung đột về địa chính trị và các sự kiện khó lường trước, Công ty đã chủ động giảm dần quy mô bảng cân đối theo đó kiểm soát trạng thái của các hoạt động kinh doanh có rủi ro, giảm tỷ lệ vay nợ trên vốn chủ sở hữu từ 207,81% (cuối tháng 6/2022) xuống 167,65% (tại cuối 12/2022) để kiểm soát thận trọng hoạt động vay nợ ở mức an toàn,

bảo toàn nguồn vốn và tài sản của công ty và tài sản của khách hàng. Bên cạnh các nguồn huy động từ thị trường nợ, Công ty chủ động kế hoạch huy động các nguồn vốn mới từ phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu cùng các nguồn vốn khác để đảm bảo các mục tiêu đáp ứng nhu cầu vốn của các hoạt động kinh doanh của công ty, dự phòng thanh khoản.

Chuyển dịch cơ cấu và phân bổ tài sản bền vững theo mô hình tháp tài sản

Năm 2022 cơ cấu tài sản được tập trung vào các tài sản thanh khoản cao gồm có Tiền mặt, Trái phiếu Chính phủ, Tiền gửi có kỳ hạn, Chứng chỉ tiền gửi tại và Trái phiếu tổ chức tín dụng lớn – chiếm tỷ trọng 45,98% tổng tài sản với mục tiêu xây dựng bộ đệm thanh khoản dự phòng cho các biến động lớn và rủi ro tài chính.

chọn lọc, thẩm định theo các tiêu chí và tuân thủ đầy đủ quy định về quản lý rủi ro, kiểm soát việc sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu. Các trái phiếu này VNDIRECT tham gia với vai trò từ tư vấn cấu trúc, phát hành hoặc bảo lãnh phát hành, quản lý tài sản bảo đảm, quản lý dòng tiền từ dự án.

Với danh mục đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, quy mô đầu tư tại thời điểm 31/12/2022 có sự tăng mạnh hơn 4.6 lần so với cùng kỳ 2021 chủ yếu do hoạt động phân phối trái phiếu doanh nghiệp bị tác động mạnh bởi các biến động của thị trường trái phiếu doanh nghiệp: khủng hoảng niềm tin và tâm lý của nhà đầu tư cá nhân, các thay đổi lớn về khung pháp lý và các sự kiện vi phạm liên quan đến hoạt động phát hành và chào bán trái phiếu doanh nghiệp, dẫn tới việc tắc nghẽn của các dòng vốn trên thị trường vốn. Với vai trò định chế tài chính trung gian, là kênh dẫn vốn cho nền kinh tế, VNDIRECT xác định vai trò và sứ mệnh của mình trong việc hỗ trợ và đồng hành cùng doanh nghiệp trong hoạt động huy động nguồn vốn ổn định bền vững cho hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Song song với đó với tầm nhìn trở thành định chế tài chính đầu tư chuẩn mực, tin cậy, VNDIRECT luôn nỗ lực thực hiện đầy đủ mọi cam kết với nhà đầu tư trong hoạt động chào bán và phân phối trái phiếu để đảm bảo quyền lợi, bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư. Các trái phiếu doanh nghiệp cho VNDIRECT chào bán và phân phối đã được

Với danh mục đầu tư cổ phiếu và chứng chỉ quỹ, Công ty thực hiện tái cơ cấu danh mục đầu tư cổ phiếu với mục tiêu xây dựng lại nền tảng về nguyên tắc tiếp cận đầu tư cũng như giảm thiểu rủi ro trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động khó lường do ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài. Với hoạt động đầu tư cổ phiếu chiến lược của Công ty là đầu tư cổ phiếu dài hạn, tập trung vào các doanh nghiệp có đặc điểm ngành, nghề kinh doanh hưởng lợi từ sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam, có lợi thế cạnh tranh, được quản lý minh bạch và có chiết khấu hấp dẫn so với khách hàng tiềm năng.

(Đơn vị: đồng)

STT	Tài sản	2022	2021	% tăng/giảm
1	Trái phiếu Chính Phủ	734.295.000.000	1.025.491.500.000	-28,40%
2	Chứng chỉ tiền gửi	7.313.681.253.465	5.829.340.315.747	25,46%
3	Hợp đồng tiền gửi	5.600.100.000.000	5.612.000.000.000	-0,21%
4	Trái phiếu Tổ chức tín dụng	1.715.565.017.124	1.667.843.000.682	2,86%
5	Trái phiếu doanh nghiệp	7.958.803.030.782	1.731.336.850.372	359,69%
6	Cổ phiếu, Chứng chỉ quỹ	1.207.353.105.519	2.021.285.882.333	(40,27)%
Tổng cộng		24.529.797.406.890	17.587.297.549.134	39,47%

Về hoạt động đầu tư vốn chủ sở hữu, VNDIRECT vẫn tiếp tục chiến lược tích sản qua các hoạt động đầu tư công ty và góp vốn để xây dựng các nền tảng phát

hành và quản lý chứng chỉ quỹ. Các khoản lớn trên danh mục đầu tư vốn chủ sở hữu của công ty bao gồm:

Công ty	Số vốn đầu tư gốc (tỷ đồng)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm bưu điện (PTI)	266.887.919.882
Công ty TNHH MTV quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA	160.000.000.000
Quỹ đầu tư chủ động VND	50.500.000.000
Quỹ đầu tư trái phiếu VND	105.200.000.000

Nguồn: VNDIRECT

Trong năm 2022, VNDIRECT cùng một số nhóm cổ đông liên quan đã hoàn tất việc tăng tỷ lệ sở hữu tại Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Bưu Điện (PTI) và trở thành cổ đông lớn nhất tại PTI với tỷ lệ sở hữu hơn 42% (tính tới thời điểm 31/12/2022). Việc nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại PTI nằm trong tầm nhìn và chiến lược dài hạn của VNDIRECT trở thành một hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ đầu tư với đa dạng và đầy đủ sự lựa chọn cho khách hàng trong hành trình xây dựng tháp tài sản phát triển thịnh vượng và bền vững.

Về kết quả, năm 2022, doanh thu từ hoạt động Thị trường vốn đạt 1.238 tỷ đồng, giảm 23% so với năm 2021 do công ty chủ động giảm quy mô hoạt động, ưu tiên cho việc đảm bảo thanh khoản.



3.2 Thông tin nổi bật về tài chính:

Thông tin nổi bật về tài chính

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	735	1.089	1.495	1.054	12.616	19.062
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	2.258	5.371	5.548	3.266	5.312	5.618
Các khoản cho vay	3.131	2.582	2.887	4.706	15.474	9.061
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	748	387	783	2.963	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	304	801	526	1.230	3.226	4.930
Tài sản dài hạn	876	304	338	1.757	467	200
TỔNG TÀI SẢN	8.051	10.535	11.577	14.976	37.095	38.871
Vay ngân hàng	4.352	6.012	6.554	9.458	20.449	19.312
Trái phiếu phát hành	320	1.227	1.104	704	1.250	1.650
Nợ phải trả khác	873	313	671	995	5.574	3.394
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	5.545	7.552	8.329	11.157	27.273	24.356
VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.507	2.983	3.249	3.819	9.822	14.515

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2022, Công ty đã hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 12.178 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu tăng gấp 1,5 lần so với thời điểm cuối năm 2021, đạt 14.515 tỷ đồng, tính đến 31/12/2022 VNDIRECT là công ty chứng khoán có quy mô vốn lớn thứ 2 trên thị trường. Quy mô tổng tài sản của Công ty đạt 38.871 tỷ đồng, tăng 4,8% so với thời điểm cuối năm 2021, trong đó: dư nợ cho vay ký quỹ đạt 9.061 tỷ đồng, giảm 41%, và tài sản tài chính đạt 19.062 tỷ đồng, tăng 51% so với thời điểm cuối năm 2021. Danh

mục tài sản tài chính bao gồm danh mục cổ phiếu, trái phiếu và các chứng chỉ tiền gửi với cơ cấu tỷ lệ lần lượt là 7%, 55%, 39%; chủ yếu phục vụ cho các hoạt động kinh doanh nguồn vốn và phân phối trên thị trường bán lẻ.

Cùng với đó, Công ty luôn tuân thủ các quy định liên quan đến an toàn vốn và đảm bảo sức khỏe tài chính doanh nghiệp được ổn định và bền vững.

Năm 2022 Công ty luôn duy trì tỷ lệ đòn bẩy tài chính (Tổng nợ trên Vốn chủ sở hữu) thấp hơn rất nhiều so với mức quy định dưới 5 lần vốn chủ, đồng thời tỷ lệ an

toàn tài chính cũng luôn ở mức cao là 336% so với mức quy định tối thiểu là 180%, tại Thông tư 121/2020/TT-BTC về hướng dẫn hoạt động của Công ty chứng khoán.

Công ty	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Hoàn thành 2022
Lợi nhuận trước thuế	3.605	1.728	47,93%
Lợi nhuận sau thuế	2.884	1.366	47,36%

(*) Kết quả hoạt động của Công ty mẹ

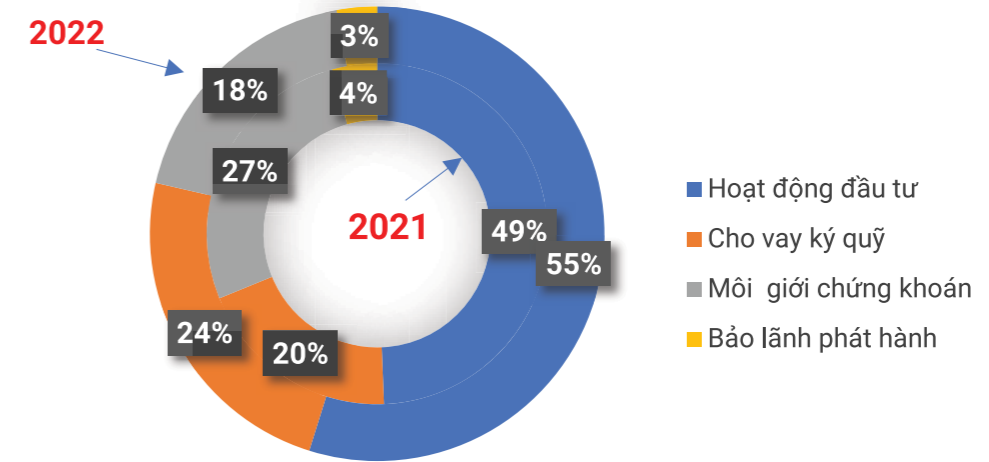
Tại Đại hội đồng Cổ đông năm 2022, Công ty đưa ra kế hoạch lợi nhuận trước thuế đạt 3.605 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 2.884 tỷ đồng, tương đương 132% kết quả hoạt động kinh doanh thực tế của năm 2021, nhưng năm 2022 là một năm cực kỳ khó khăn và bất lợi của thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng nên trên thực tế Công ty chỉ hoàn thành được 48% kế hoạch kinh

doanh của năm, với mức Lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty mẹ lần lượt đạt 1.728 tỷ đồng và 1.366 tỷ đồng. Mặc dù không đạt được kế hoạch lợi nhuận như kỳ vọng nhưng Công ty vẫn là Công ty chứng khoán đạt mức lợi nhuận đứng thứ 3 thị trường.

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty qua các năm như sau:

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2017	2018	2019	2020	2021	2022	CAGR
TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG	1.240	1.538	1.502	2.135	6.039	6.829	33%
Lãi từ hoạt động đầu tư	512	544	691	1.212	2.961	3.692	39%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	344	435	408	361	1.167	1.600	29%
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	344	520	335	478	1.615	1.249	24%
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	11	18	24	35	255	192	61%
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	256	610	302	543	2.325	3.826	57%
CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	260	305	309	358	300	379	6%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	571	438	480	862	2.980	1.535	18%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	472	373	383	693	2.383	1.220	17%
Thu nhập trên tài sản bình quân (ROAA)	7%	4%	3%	5%	9%	3%	
Thu nhập trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	21%	14%	12%	20%	35%	10%	

Cơ cấu doanh thu hoạt động



Năm 2022, mặc dù tình hình thị trường có nhiều biến động phức tạp và tiêu cực gây ảnh hưởng bất lợi rất lớn tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty vẫn duy trì các nền tảng kinh doanh chính cốt lõi bao gồm hoạt động đầu tư, hoạt động cho vay ký quỹ, dịch vụ môi giới chứng khoán.

() Doanh thu từ hoạt động đầu tư bao gồm phần chênh lệch Lãi - Lỗ từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL), Lãi từ đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán.*



3.3 Quản trị nguồn nhân lực

Thông tin Ban điều hành:



Ông NGUYỄN VŨ LONG (QUYỀN) TỔNG GIÁM ĐỐC - THÀNH VIÊN EXCO

Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2021
Ngày, tháng, năm sinh:	27/11/1987
Quốc tịch:	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	260 cổ phiếu tương ứng với 0,00002%
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Kinh tế

THÀNH TỰU NỔI BẬT:

- Ông Nguyễn Vũ Long tốt nghiệp Thạc sĩ trường Đại học New South Wales chuyên ngành Kinh tế và đã có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư - tài chính.
- Ông Long đã gắn bó với VNDIRECT trong 8 năm và trải qua nhiều vị trí quan trọng của công ty như Trưởng phòng kinh doanh tiền tệ, Giám đốc Nguồn Vốn, Giám đốc Khối Thị trường vốn. Đồng hành với VNIRECT trong suốt thời gian qua, ông đã và đang đóng góp không nhỏ trong những bước tiến phát triển vượt bậc của công ty và trở thành một trong những lãnh đạo trẻ tiêu biểu trong những năm gần đây.



Bà VŨ NAM HƯƠNG GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH - THÀNH VIÊN EXCO

Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2017
Ngày, tháng, năm sinh:	21/12/1983
Quốc tịch:	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	728.000 cổ phiếu tương ứng với 0,06%
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân ngành Ngân hàng Tài chính

THÀNH TỰU NỔI BẬT:

- Hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Xây dựng đội ngũ kinh doanh nguồn vốn và quan hệ kinh doanh với các định chế tài chính ngân hàng, giúp VNDIRECT mở rộng được mảng kinh doanh tài chính với các định chế ngân hàng trên thị trường.
- Bà cũng là một trong những đội ngũ lãnh đạo trẻ xây dựng sự nghiệp và sự thành công tập thể ở VNDIRECT.



Ông ĐIỀU NGỌC TUẤN GIÁM ĐỐC QUẢN TRỊ - THÀNH VIÊN EXCO

Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2022
Ngày, tháng, năm sinh:	02/01/1978
Quốc tịch:	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	10.000 cổ phiếu tương ứng 0,0008%
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Luật – Chứng chỉ hành nghề Luật sư

THÀNH TỰU NỔI BẬT:

- Ông Tuấn là Luật sư và có tấm bằng Thạc sĩ Luật học Đại học Luật Hà Nội - Đại học Paris II.
- Ông có gần 20 năm công tác trong lĩnh vực tư vấn pháp luật, quản trị doanh nghiệp, tài chính. Cho tới nay, ông Tuấn đã gắn bó và đồng hành với Công ty trong suốt 13 năm. Với kinh nghiệm, kiến thức và hiểu biết chuyên sâu về pháp luật, quản trị, tài chính, ông Tuấn đã có những đóng góp quan trọng vào sự trưởng thành và phát triển vững mạnh của VNDIRECT.

Các thay đổi trong Ban Điều hành:

Ngày 31/10/2022 Công ty thông qua quyết định bổ nhiệm Ông Điều Ngọc Tuấn giữ chức danh Giám đốc quản trị công ty để đảm trách nhiệm vụ điều hành chiến lược quản trị Công ty.

Chính sách nhân sự:

Ngay từ những ngày đầu thành lập, VNDIRECT đã xác định Con người – Công nghệ - Chuỗi giá trị là nền tảng vững chắc cấu thành nên năng lực tổ chức. Chính vì vậy, VNDIRECT tin rằng, bằng cách gia tăng chất lượng chính sách nhân sự sẽ là cách tốt nhất giúp mỗi thành viên cảm thấy hài lòng với công việc và nuôi dưỡng động lực phát triển hơn nữa cùng với chiến lược của Công ty.

VNDIRECT tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách nhân sự nhằm thu hút, tinh lọc và giữ chân nhân tài để bắt kịp với xu hướng của thị trường tài chính trong từng thời kỳ.

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

Trong những năm qua, VNDIRECT tiếp tục kiên định với mục tiêu phát triển đội ngũ nhân sự làm nghề chuyên nghiệp, với các chiến lược để một mặt đáp ứng được nguồn lực ngắn hạn trước sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường, đồng thời cũng xây dựng được thể hệ đội ngũ lãnh đạo kế cận trong tương lai

- Đối với đội ngũ trẻ tiềm năng và tạo nguồn: xây dựng các chương trình trải nghiệm thực tế để cọ sát và trưởng thành trong công việc.
- Đối với đội ngũ tư vấn, chuyên gia môi giới, chuyên gia quản lý tài sản: nâng cao năng lực và kỹ năng làm nghề thông qua các chương trình thi đua, các chính sách thúc đẩy và phát triển kinh doanh.
- Đối với đội ngũ công nghệ: Tạo sân chơi và cơ hội phát triển thông qua các dự án, sản phẩm nền tảng số.

3.4 Hoạt động Vận hành – Công nghệ

Vận hành

Trong suốt quá trình 16 năm phát triển VNDIRECT luôn giữ các nguyên tắc vận hành sau:

1. Đặt khách hàng làm trung tâm, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ hướng đến khách hàng.
2. Nền tảng hệ thống và con người sẵn sàng đáp ứng đủ các yêu cầu kinh doanh đồng thời kiểm soát được các rủi ro vận hành và đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của các cơ quan quản lý.
3. Liên tục chuyển đổi số, cải tiến các luồng vận hành nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ.

Với định hướng đem lại giá trị Sức khỏe tài chính – Bảo an thịnh vượng – Phát triển bền vững cho những người làm nghề, khách hàng, đối tác và cộng đồng, năm 2022 là năm VNDIRECT củng cố năng lực vận hành, quản trị vận hành và xây dựng nền tảng lõi để thực hiện sứ mệnh Phụng sự Sức khỏe tài chính, Bảo an thịnh vượng và Điều kiện tiếp cận hệ sinh thái đầu tư toàn diện, tin cậy và cực kỳ đơn giản. Các quy trình vận hành sản phẩm dịch vụ tiếp tục được hoàn thiện để đáp ứng tải dịch vụ và khắc phục các lỗi vận hành. Các luồng chăm sóc khách hàng được thiết kế để có đủ các điểm chạm với khách hàng.

Công nghệ

Với phương châm xây dựng năng lực cốt lõi về công nghệ là kiến tạo các nền tảng số đáp ứng mô hình kinh doanh của VNDIRECT trong hiện tại và tương lai, liên tục vận hành đảm bảo tiêu chí “An toàn - Ổn định - Kịp thời”, trong năm 2022 VNDIRECT tiếp tục tập trung nguồn lực để hoàn thiện sản phẩm tiện ích, hệ thống hạ tầng phục vụ khách hàng với mức chi phí cạnh tranh nhất thị trường. Đi từ hệ thống nội bộ, VNDIRECT chú trọng xây dựng những công cụ tiện ích giúp cán bộ nhân viên quản lý khách hàng và hoạt động vận hành nhằm tăng hiệu quả, chất lượng dịch vụ và tối ưu hóa thời gian. Trong đó, CA Platform được phát triển trở thành hệ sinh thái nền tảng cho đội ngũ kinh doanh làm việc, kiện toàn và phát triển toàn bộ công cụ và nền tảng thông tin tri thức hỗ trợ đội ngũ chuyên gia tư vấn trong quá trình khởi nghiệp, phát triển năng lực tư vấn khách hàng và công cụ quản lý khách hàng để đảm bảo chất lượng cung cấp dịch vụ.

Song song Hệ sinh thái công nghệ sản phẩm của VNDIRECT đã có nhiều bước tiến cải thiện nâng cao trải nghiệm của khách hàng, tập trung như sau:

1. DGO Platform - Nền tảng sản phẩm dịch vụ đầu tư giúp kiến tạo năng lực đầu tư bền vững theo tháp nhu cầu HEALTH - WEALTH – GROWTH

VNDIRECT cung cấp sản phẩm dịch vụ cho khách hàng dựa trên nguyên tắc Hiểu – Đồng hành – Phù hợp. Ngoài việc số hóa luồng đăng ký sản phẩm dịch vụ và tối ưu trải nghiệm người dùng trên nền tảng số, DGO Platform còn xây dựng La bàn đầu tư để giúp khách hàng lựa chọn các sản phẩm dịch vụ phù hợp với điều kiện đầu tư của mình; đồng thời giúp khách hàng cập nhật thông tin thị trường ảnh hưởng tới tài sản đang nắm giữ, nhận diện rủi ro và cơ hội với từng điều kiện thị trường để ra các quyết định đầu tư phù hợp thông qua La bàn thị trường.

Trong những năm vừa qua, VNDIRECT vẫn tiếp tục phát triển nhằm hoàn thiện và cải thiện phù hợp với nhu cầu của các nhà đầu tư và nâng cao trải nghiệm của khách hàng. Năm 2022 đã đánh dấu nhiều bước phát triển đột phá:

- Số hóa sản phẩm Tích sản mục tiêu, giúp khách hàng có thể tạo các kế hoạch tích sản cho các mục tiêu trọng yếu trên đường đời.
- Ứng dụng eContract giúp giảm thời gian giao dịch, hạn chế thủ tục và đơn giản hóa quá trình đăng ký sản phẩm dịch vụ.
- Hoàn thiện hệ thống báo cáo tài khoản giúp khách hàng có bức tranh tổng quan về tài sản và có thể quản trị được hiệu quả đầu tư của mình khi giao dịch tại VNDIRECT.
- Ngoài hệ sinh thái sản phẩm đầu tư, VNDIRECT cung cấp cho khách hàng nhiều lựa chọn về các gói dịch vụ đồng hành phù hợp với nhu cầu qua trang My DGO.
- Dựa trên Điều kiện đầu tư của khách hàng để khuyến nghị các kênh tài sản phù hợp và cập nhật thông tin thị trường ảnh hưởng lên các cổ phiếu khách hàng đang nắm giữ, giúp khách hàng có thông tin để ra quyết định phù hợp.

2. DSTOCK - Hệ sinh thái Dịch vụ giao dịch chứng khoán toàn diện

Theo định hướng “lấy người dùng làm trung tâm (Customer centric) sau quá trình nghiên cứu người dùng và nghiên cứu thị trường kỹ lưỡng, VNDIRECT ra mắt ứng dụng DSTOCK với tầm nhìn trở thành hệ sinh thái Dịch vụ giao dịch chứng khoán toàn diện và đủ sự lựa chọn giúp khách hàng có góc nhìn toàn diện về sức khỏe cổ phiếu và tiện ích giao dịch như dân nhà nghề để gia tăng tốc độ tăng trưởng tài sản. DSTOCK cung cấp đầy đủ các nền tảng giao dịch và tra cứu thông tin để đáp ứng đầy đủ nhu cầu giao dịch và đầu tư của mọi nhà đầu tư từ giai đoạn mới tham gia thị trường đến giai đoạn đầu tư chuyên nghiệp.

Ngoài ra, nền tảng thông tin toàn diện về sức khỏe cổ phiếu - sức khỏe thị trường cùng bộ chỉ số đánh giá sức khỏe doanh nghiệp chuyên sâu Drating duy nhất trên thị trường đã xây dựng trong nhiều năm qua. Trước đây, khi nói đến việc đầu tư cổ phiếu, mỗi nhà đầu tư sẽ được tiếp cận với rất nhiều thông tin trên các khía cạnh khác nhau từ sức khỏe doanh nghiệp, báo cáo tài chính hay các đánh giá phân tích của các chủ thể tham gia trên thị trường. Việc hệ thống hóa và chuẩn hóa tất cả các thông tin trên thành một phương pháp đánh giá cổ phiếu là một bước tiến lớn của VNDIRECT trong việc giúp khách hàng có góc nhìn đầy đủ và toàn diện về tài sản đầu tư của mình để có khả năng đưa ra các quyết định phù hợp trong đầu tư.

Ra mắt ứng dụng vào tháng 7/2022, chỉ sau 2 tháng, DSTOCK đạt 35 nghìn lượt tải và liên tục nằm trong top ứng dụng giao dịch chứng khoán hàng đầu Việt Nam.

3. Stockbook – Cộng đồng đầu tư

Với tầm nhìn Empowering Investors - Trở thành sự lựa chọn tin cậy của mọi doanh nghiệp, nhà đầu tư và các chuyên gia tài chính, Stockbook gây dựng được cộng đồng đầu tư văn minh và uy tín hơn các nền tảng xã hội khác. Bên cạnh đó, Stockbook cũng giúp nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận tới các sản phẩm tài chính chất lượng nhờ thương hiệu và lượng khách hàng lớn tại VNDIRECT.

Hiện nay, Stookbook ra mắt nền tảng website và app phiên bản nâng cấp giúp cải thiện trải nghiệm người dùng và thân thiện hơn với các nhà đầu tư ưa thích công nghệ. Đồng thời, Tích hợp CA profiles lên Stockbook giúp nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận thông tin, chất lượng tư vấn của các chuyên gia chăm sóc, từ đó tăng sự hài lòng khi đăng kí dịch vụ chuyên gia tại VNDIRECT.



3.5 Hoạt động Quản trị rủi ro

Điểm sáng năm 2022

Trải qua một năm khó khăn, lập trường vững chắc về định hướng phát triển lâu dài và quy chế quản trị rủi ro chuyên nghiệp càng được khẳng định rõ nét. Mặc dù Công ty ghi nhận tăng số dư tổn thất dự kiến từ gần 25 tỷ năm 2021 lên 161 tỷ năm 2022, nhưng tỷ lệ so

với dư nợ giao dịch ký quỹ rất thấp chỉ là 1,84%. Đồng thời, số dư đệm cho dự phòng rủi ro là 69 tỷ. Đây là phần dự phòng chung mà Công ty đã tự động trích lập thêm, được xác định bằng 0,75% tổng dư nợ cho vay (không bao gồm dư nợ đã trích lập dự phòng cụ thể).

Công ty	Chi phí trích lập năm 2022 (triệu đồng)	Số dư tại 31/12/2022 (triệu đồng)
Dự phòng cụ thể	136.336	161.216
Dự phòng chung	(46.700)	69.165
TỔNG CỘNG	89.636	230.381

VNDIRECT hiện tuân thủ tuyệt đối với nguyên tắc cho vay ký quỹ (margin) theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước: Cho vay trên một cổ phiếu không vượt 50% (tương đương tỷ lệ ký quỹ ban đầu không thấp hơn 50%) giá tham chiếu hàng ngày. Công ty cũng đã xây

dựng và triển khai các mô hình định lượng rủi ro để quyết định mức cho vay phù hợp, đặc biệt với những cổ phiếu có giá trị nội tại yếu kém chỉ cho vay mức 20% - 30%.

CƠ CẤU TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Hội Đồng Quản Trị là đơn vị chịu trách nhiệm cao nhất đối với hoạt động quản trị rủi ro (QTRR) tại VNDIRECT; được tham mưu bởi Hội Đồng QTRR và các hội đồng liên quan; phê duyệt và ban hành chính sách QTRR và hạn mức rủi ro; giám sát việc tổ chức thực hiện triển khai QTRR của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành.

VNDIRECT tổ chức hệ thống QTRR theo mô hình 03 tuyến phòng thủ độc lập nhằm đảm bảo phân định rõ ràng, nhất quán về chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể của các cá nhân, đơn vị trong hệ thống VNDIRECT, hạn chế các xung đột lợi ích và nâng cao hiệu quả QTRR:

Tuyến phòng thủ thứ nhất:

Các đơn vị kinh doanh, các bộ phận hỗ trợ và tác nghiệp kinh doanh có chức năng xây dựng và ban hành các quy trình nội bộ, thực hiện nhận dạng, đo lường và xây dựng các hạn mức rủi ro tại chính đơn vị mình;

Tuyến phòng thủ thứ hai:

Bộ phận QTRR có chức năng xây dựng chính sách QTRR và tổ chức hoạt động QTRR bao gồm công tác nhận dạng, đo lường, theo dõi và quản trị rủi ro thống nhất và độc lập với tuyến thứ nhất;

Tuyến phòng thủ thứ ba:

Bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ dưới sự giám sát và chỉ đạo của Ban Kiểm soát, định kỳ hoặc đột xuất thực hiện các chuyên đề Kiểm Toán Nội Bộ nhằm đánh giá tổng quan hiệu quả hoạt động QTRR của Công ty.

CHIẾN LƯỢC QTRR

Chiến lược QTRR được xây dựng cho tất cả các loại rủi ro trọng yếu căn cứ trên chiến lược kinh doanh và kế hoạch tài chính của Công ty từng thời kỳ, đảm bảo:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi tình huống và tuân thủ các chính sách, quy định QTRR của VNDIRECT;
- Xây dựng và phát triển văn hóa rủi ro vững mạnh trên toàn hệ thống VNDIRECT;
- Áp dụng các chuẩn mực tiên tiến và thông lệ quốc tế trong QTRR.

Chiến lược QTRR phải được xây dựng song song với quá trình xây dựng chiến lược kinh doanh và kế hoạch tài chính. Theo đó, từng chỉ số và kế hoạch kinh doanh và tài chính phải được hỗ trợ bởi các chỉ số và kế hoạch QTRR tương ứng.

QUY TRÌNH QTRR

a. Nhận diện

Nhận diện rủi ro được thực hiện ở tất cả các tuyến phòng thủ và tại tất cả các đơn vị kinh doanh, phòng ban nghiệp vụ tại VNDIRECT. Việc nhận diện rủi ro trước tiên được thực hiện tại các bộ phận kinh doanh, bộ phận sản phẩm và bộ phận phát sinh nghiệp vụ theo chức năng nghiệp vụ thuộc tuyến phòng thủ thứ nhất. Tiếp đến, tuyến phòng thủ thứ hai thực hiện nhận diện rủi ro theo các mảng nghiệp vụ rủi ro chuyên môn.

Việc nhận diện rủi ro không chỉ dừng lại ở một rủi ro riêng lẻ mà cần nhận diện tác động liên đới của các loại rủi ro, đặc biệt là các loại rủi ro trọng yếu, làm cơ sở cho việc đo lường, theo dõi và kiểm soát được thực hiện đầy đủ.

Việc nhận diện rủi ro được thực hiện bởi nhiều phương pháp như thông qua thống kê, phân tích SWOT, bảng câu hỏi khảo sát, thảo luận giữa bộ phận QTRR, kiểm toán nội bộ và các bộ phận nghiệp vụ liên quan.

b. Đo lường và đánh giá

Đo lường rủi ro được thực hiện trên cơ sở phân tích tác động ngắn hạn và trung dài hạn của rủi ro đối với thu nhập, mức độ an toàn vốn, khả năng đạt được mục tiêu kinh doanh và tính tương thích quy mô hoạt động của VNDIRECT từng thời kỳ.

Việc đo lường rủi ro phải đảm bảo đánh giá được mức độ trọng yếu và tác động tiềm tàng tới Công ty, được thực hiện thông qua bộ chỉ tiêu đo lường tương thích với từng loại rủi ro cụ thể, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- Xác định trạng thái rủi ro:** Trạng thái cho vay, trạng thái danh mục, trạng thái thanh toán theo đối tác/sản phẩm, trạng thái khe hở thanh khoản, trạng thái chênh lệch rủi ro lãi suất theo các kỳ tái định giá, quy mô đệm thanh khoản.
- Xác định xác suất xảy ra sự cố:** PD, mô hình BSM, thống kê các lỗi vận hành.
- Xác định tổn thất, mức độ rủi ro tiềm tàng:** Độ biến động, PV01, VAR, PnL.

Các phương pháp khác phù hợp: Phương pháp định tính, phương pháp định lượng dựa trên xác suất thống kê.

c. Theo dõi

Việc theo dõi rủi ro được thực hiện định kỳ nhằm đánh giá kịp thời và đưa ra cảnh báo sớm các nguy cơ tiềm ẩn đối với hoạt động kinh doanh;

VNDIRECT xây dựng hệ thống báo cáo quản trị nội bộ với tần suất phù hợp với mức độ chi tiết và cấp thiết của nội dung báo cáo, tính trọng yếu của loại rủi ro và khả năng đáp ứng về nguồn lực con người. Hệ thống báo cáo cần được gửi tới các cá nhân, bộ phận thích hợp cho việc tiếp nhận và ra quyết định chỉ đạo kịp thời, phù hợp với diễn biến rủi ro và định hướng của nghiệp vụ kinh doanh.

d. Kiểm soát

Kiểm soát rủi ro được thực hiện dựa trên khẩu vị rủi ro và các hạn mức rủi ro đã được phê duyệt tương ứng với từng nghiệp vụ kinh doanh;

VNDIRECT xây dựng các biện pháp phòng ngừa, giảm

thiểu và xử lý kịp thời với các rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, các hạn mức rủi ro và có cơ chế giám sát, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp này. Tất cả các cá nhân, bộ phận trong hệ thống VNDIRECT đều có trách nhiệm thực hiện kiểm soát rủi ro theo chức năng, nhiệm vụ cụ thể được quy định tại hệ thống văn bản quản trị nội bộ của Công ty từng thời kỳ.

3.6 Báo cáo phát triển bền vững

Xuất phát từ tầm nhìn trở thành một định chế tài chính đầu tư chuẩn mực và tin cậy, đem lại giá trị Sức khỏe tài chính – Bảo an thịnh vượng – Phát triển bền vững cho những người làm nghề, khách hàng, đối tác và cộng đồng, chiến lược kinh doanh cũng như việc thực thi các hoạt động kinh doanh tại VNDIRECT có liên quan chặt chẽ với chiến lược về phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội của VNDIRECT.

VNDIRECT xác định mọi hoạt động của công ty đều có liên quan và ảnh hưởng tới các đối tượng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp gồm có: Khách hàng, Người lao động, Cổ đông/Nhà đầu tư, Cơ quan quản lý, Thị trường. VNDIRECT cam kết việc triển khai các hoạt động kinh doanh, xây dựng chiến lược dài hạn đều đánh giá đầy đủ mức độ ảnh hưởng và đảm bảo lợi ích đối với các bên liên quan.



3.6.1 Với khách hàng

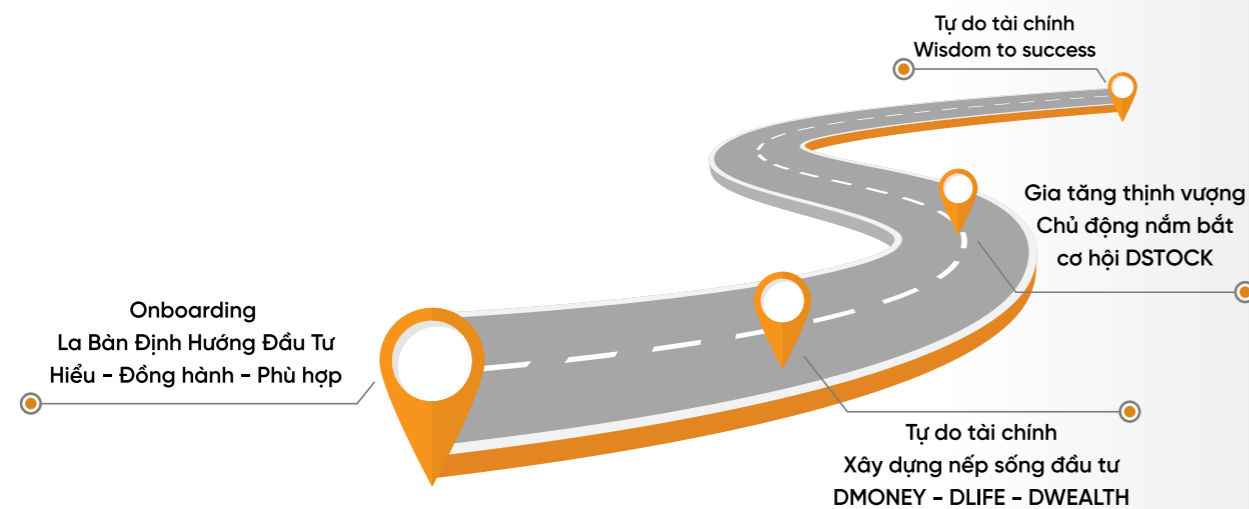
Khách hàng là trung tâm trong chuỗi giá trị tạo ra sản phẩm, dịch vụ của VNDIRECT

VNDIRECT cung cấp nền tảng sản phẩm dịch vụ đầu tư tài chính đa dạng với đầy đủ sự lựa chọn cho khách hàng cá nhân, khách hàng tổ chức, định chế và doanh nghiệp không chỉ trong nước và nước ngoài với tầm nhìn trở thành hệ sinh thái dịch vụ đầu tư cực kỳ đơn giản cho tất cả mọi người ở tất cả mọi nơi.

Nhận diện được nhu cầu đầu tư ngày càng trở nên thiết yếu và là kỹ năng cần có trong điều kiện kinh tế xã hội đang và sẽ thay đổi rất nhanh chóng, VND lựa chọn sứ mệnh của mình là giúp khách hàng xây dựng được kế hoạch tài chính và hành trình đầu tư hướng tới sự tự do

về tài chính. Theo đó ngoài nền tảng sản phẩm dịch vụ tài chính đầu tư đa dạng, được thiết kế linh hoạt và phù hợp cho từng đối tượng khách hàng, VND còn quan tâm chú trọng tới việc chia sẻ, cung cấp tri thức đầu tư cho không chỉ các khách hàng hiện hữu của VND mà còn các khách hàng tiềm năng nhằm mục đích kiến tạo một cộng đồng đầu tư thịnh vượng và bền vững.

Với sứ mệnh giúp Khách hàng xây hành trình đầu tư tài chính vững chắc và cực kỳ dễ dàng, VNDIRECT đã thiết kế chặng đường đầu tư DGO giúp nhà đầu tư có thể đi đến **An tâm đầu tư và bảo an tài chính bền vững!**



3.6.2 Đầu tư nguồn lực con người

Chính sách phát triển nguồn nhân lực hướng tới phát triển bền vững

Tại VNDIRECT các mục tiêu quản trị và phát triển nguồn nhân lực luôn được gắn cùng với mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Tại VNDIRECT, Người lao động được trao các cơ hội làm nghề chân chính, cơ hội rộng mở để thử thách bản thân. Mỗi cá nhân sẽ đều được tạo điều kiện công bằng để được học tập, đào tạo phát triển năng lực bản thân. Dựa trên nguyên tắc **People centric**: tập trung triển khai xây dựng hệ thống quản lý công việc và hiệu suất để nâng cao năng lực quản trị của hệ thống và giúp cho người lao động làm chủ công việc, nâng cao trách nhiệm, tăng cường khả năng sáng tạo và hướng tới việc làm chủ thời gian, không gian làm việc.

Cùng với đó, mỗi cá nhân làm việc tại VNDIRECT đều được quan tâm, đào tạo và định hướng để tìm ra con

đường phát triển sự nghiệp của bản thân, khẳng định giá trị của mình trong chuỗi giá trị mang lại cho Khách hàng và Công ty. Đội ngũ lao động là một nhân tố trong chuỗi giá trị mà VNDIRECT tạo ra mang lại lợi ích cho khách hàng. Chính vì vậy, VNDIRECT tập chung chuẩn hóa đội ngũ kinh Doanh và dịch vụ khách hàng chuyên nghiệp để phù hợp hơn với **định hướng Customer Centric**.

Từ đó, việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được VNDIRECT xác định là một yếu tố vô cùng quan trọng và được VNDIRECT tập trung nguồn lực đầu tư. VNDIRECT thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo để cung cấp, liên tục trau dồi và nâng cao tri thức nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ lao động.

Phát triển kỹ năng mềm – giúp cân bằng cuộc sống.

Bên cạnh việc phát triển về chuyên môn và nghiệp vụ, VNDIRECT còn đầu tư phát triển các chương trình nuôi dưỡng tâm hồn và chăm sóc thân tâm trong các năm vừa qua. Những chương trình về "Life Skills" giúp các bộ nhân viên được rèn luyện nuôi dưỡng Tâm – Thân – Trí thông qua chuỗi hoạt động sinh hoạt IPAM, hay được rèn luyện sức khỏe với các hoạt động ngoại khóa.

gặp gỡ và trao đổi yêu thương của những cộng sự luôn chấp nhận và yêu thương nhau.

Điểm lại một số sự kiện nổi bật:

- VNDIRECT DAY với chủ đề "CÒN BIẾT ƠN LÀ CÒN HẠNH PHÚC": các VNDIRECTOR cùng có mặt cho nhau trong giây phút "tri ân" và "hạnh phúc", nơi

- Chương trình "MÙA TRẮNG YÊU THƯƠNG" - TRUNG THU 2022 giúp cán bộ nhân viên cùng gia đình tận hưởng những phút giây bên nhau cùng với nhiều hoạt động bổ ích.

- Chương trình VNDIRECTOR HIỂU VNDIRECT được mở 3 đợt vào năm 2022 với mục đích là cập nhật và theo dõi mức độ hiểu biết chung của đội ngũ nhân sự đối với công ty, từ đó xây dựng các chương trình và hình thức đào tạo phù hợp dành cho đội ngũ.

3.6.3 Báo cáo tác động liên quan tới môi trường, xã hội:

Hoạt động vì môi trường



Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực tài chính, các sản phẩm của chúng tôi không có nhiều tác động đến môi trường, tuy nhiên, chúng tôi hiểu rằng việc bảo vệ môi trường phát triển bền vững đến từ những hoạt động của cuộc sống hàng ngày. Chính vì vậy, chúng tôi đẩy mạnh nếp sống thuận tự nhiên và giảm thiểu mọi tác động tiêu cực lên đất mẹ thiên nhiên trong mọi hoạt động của cán bộ nhân viên tại công ty.

Bữa trưa an lành thuận tự nhiên

Những bữa ăn đến từ những nguyên liệu thực dưỡng, thuận tự nhiên được chúng tôi lựa chọn kỹ lưỡng, đồng thời áp dụng chính sách hỗ trợ chi để thúc đẩy nhân viên sử dụng mà vẫn đảm bảo bữa trưa an lành, thuần sạch và đủ dinh dưỡng.

Sử dụng nguyên vật liệu không gây hại cho môi trường trên toàn Công ty



Chúng tôi ưu tiên sử dụng và cung cấp miễn phí cho nhân viên sử dụng tại văn phòng các đồ dùng với chất liệu không gây hại cho môi trường như nước rửa bát và rửa tay thuần chay, bát và cốc giấy từ nguyên liệu dễ phân hủy.

Xây dựng văn phòng với tiêu chuẩn thân thiện với môi trường

Cây xanh và vật liệu thân thiện với môi trường không chỉ là yếu tố bắt buộc trong kiến trúc văn phòng mà trong các tiêu chí đánh giá văn phòng, bàn làm việc của nhân viên trên khắp cả nước, chúng tôi ưu tiên đánh giá tiêu chí thân thiện, nhằm tạo động lực cho nhân viên tăng cường sử dụng cây xanh tại văn phòng.

Tiết kiệm điện, giấy, nước



Điện, giấy, nước là các yếu tố phục vụ vận hành trong mọi văn phòng công sở. Tại VNDIRECT, chúng tôi luôn có những quy định và truyền thông rộng khắp đến từng nhân viên về việc sử dụng điện, giấy, nước một cách tiết kiệm và hiệu quả.

Hoạt động thiện nguyện



Đặt mục tiêu phát triển kinh doanh song hành cùng những đóng góp cho xã hội, chúng tôi không quên có những chương trình đóng góp từ thiện cho học sinh nghèo vượt khó và người dân vùng sâu vùng xa.

3.6.4 Trách nhiệm với thị trường chứng khoán và nền kinh tế

Trong 24 năm hình thành và phát triển chứng khoán Việt Nam, VNDIRECT luôn hoàn thành tốt mọi nghĩa vụ với tư cách là thành viên của các thị trường giao dịch và công ty đại chúng niêm yết, đồng thời là thành viên tích cực và tiên phong tham gia vào quá trình phát triển thị trường, đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng các sản phẩm dịch vụ mới, đóng góp ý kiến sửa đổi quy định pháp luật về chứng khoán, đóng góp cho sự phát triển bền vững của thị trường vốn.

Với vai trò là một Định chế tài chính trung gian, là kênh dẫn vốn cho nền kinh tế, VNDIRECT xác định sứ mệnh là kênh kết nối các doanh nghiệp trong nước tiếp cận với thị trường vốn trong nước và nước ngoài, hỗ trợ và đồng hành cùng sự phát triển của các doanh nghiệp đa dạng hóa các nguồn vốn hỗ trợ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, qua đó góp phần hình thành kênh dẫn vốn và huy động nguồn vốn dài hạn cho nền kinh tế, khơi thông nguồn lực và thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Trong năm 2022, VNDIRECT đã vinh dự nhận được giải thưởng Công ty vượt trội nhất Việt Nam trong lĩnh vực dịch vụ tài chính năm 2022" theo cuộc bình chọn "AsiaMoney Asia's Outstanding Companies Poll" của AsiaMoney, tạp chí uy tín hàng đầu Châu Á về kinh tế - tài chính - ngân hàng, vinh danh các công ty niêm yết có thành tựu xuất sắc ở các khía cạnh tài chính, đội ngũ lãnh đạo, hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR) và các sáng kiến trách nhiệm xã hội (CSR).

Nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và những xu hướng phát triển mới, VNDIRECT đang liên tục kiến tạo và hoàn thiện chuỗi giá trị sản phẩm dịch vụ bao gồm:

dịch vụ quản lý tài sản cho các khách hàng cá nhân (Wealth Business), dịch vụ thị trường vốn cho các khách hàng doanh nghiệp (Capital Market) và nền tảng công nghệ tài chính (Fintech). Thông qua đó, người dùng có thể tìm kiếm được các dịch vụ đầu tư đa tài sản trên cùng một nền tảng cũng như các giải pháp tích sản hưởng tới xây dựng nền tảng tài chính cá nhân hiệu quả, bền vững.

Vào nửa cuối năm 2022, thị trường tài chính Việt Nam cũng như thế giới đã phải trải qua giai đoạn khó khăn đầy biến động, nhiều tin đồn về các công ty được đề cập và xuất hiện nhiều trên truyền thông đại chúng gây hoang mang cho nhà đầu tư, trong đó có VNDIRECT. Lãnh đạo VNDIRECT cùng các cán bộ nhân viên bình tĩnh và lên kế hoạch đối diện với những khó khăn, bác bỏ kịp thời tin đồn, trấn tĩnh nhà đầu tư vì mục đích phát triển thị trường chứng khoán minh bạch. Song song, diễn đàn Dinsight được tổ chức thường xuyên nhằm chia sẻ về thông tin thị trường của các chuyên gia kinh tế và lãnh đạo doanh nghiệp và đại diện các cơ quan Nhà nước nhằm cung cấp thông tin và góc nhìn đa chiều về nền kinh tế vĩ mô.

Từ lúc mới thành lập đến nay, VNDIRECT đã trải nghiệm những thách thức đến những thành công vượt trội, nhưng dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, chúng tôi cũng không ngừng cố gắng phấn đấu cho sự phát triển lành mạnh của thị trường chứng khoán Việt Nam, cho sự an tâm sử dụng dịch vụ của mỗi khách hàng tại VNDIRECT và cho sự trưởng thành của mỗi thành viên trong Công ty. Tập thể của chúng tôi tiếp tục nối con đường phụng sự Khách hàng, Cổ đông và đóng góp vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế và tài chính của đất nước.



Chương 04

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- | | |
|---|----|
| 1. Hội đồng Quản trị (HĐQT) | 54 |
| 2. Ban Kiểm soát (BKS) | 59 |
| 3. Đào tạo về quản trị công ty | 60 |
| 4. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ
và người liên quan của người nội bộ | 61 |
| 5. Đánh giá của Hội đồng quản trị
về hoạt động của Công ty | 62 |
| 6. Báo cáo đánh giá của Ban TGD | 63 |



IV. BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

4.1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

Thông tin về thành viên HĐQT



BÀ PHẠM MINH HƯƠNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chức vụ hiện nay	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	11/11/2006, bổ nhiệm lại ngày 25/4/2022
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Điện tử

Bà Phạm Minh Hương có gần 30 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Từng giữ cương vị Giám đốc kinh doanh vốn và tài chính tại Citibank N.A, bà là một trong những thành viên đầu tiên đóng góp vào sự phát triển hoạt động của Ngân hàng. Bà cũng đã đóng góp rất lớn trong việc xây dựng nền móng và phát triển Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn SSI, từ một công ty hoạt động môi giới với quy mô vốn 20 tỷ đồng trở thành một trong những định chế ngân hàng đầu tư lớn nhất ở Việt Nam.

Với vai trò là cổ đông lớn, Bà đã tích lũy được rất nhiều kinh nghiệm để làm nền tảng thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Mang khát vọng xây một công ty công nghệ số trong lĩnh vực tài chính, bà Hương đã dành tâm sức để xây dựng VNDIRECT thành một công ty chứng khoán có dịch vụ khách hàng cá nhân uy tín nhất trên thị trường Việt Nam hiện nay.

Dưới sự lãnh đạo của Bà, VNDIRECT thực sự đã được thử thách qua nhiều những thăng trầm kinh doanh của một thị trường non trẻ như Việt Nam. Bà cũng là một nhà lãnh đạo có tầm nhìn xa và là người tiên phong trong việc đưa sản phẩm mới tới thị trường. Sự đóng góp của Bà với cộng đồng chứng khoán có ảnh hưởng rất lớn và uy tín hoạt động cá nhân đã giúp cho Bà luôn là một nhà lãnh đạo có uy tín lớn trên thị trường tài chính Việt Nam.



ÔNG MAI HỮU ĐẠT

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chức vụ hiện nay	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	25/04/2022
Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ Luật

Ông Mai Hữu Đạt tốt nghiệp Tiến sĩ Luật tại Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật. Ông có gần 30 năm kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực như pháp luật, sản xuất, dịch vụ và tài chính.

Ông Đạt lần đầu đến với VNDIRECT là vào năm 2010 với vai trò Phó Tổng giám đốc Công ty. Ông là một doanh nhân, luật sư và đã từng là lãnh đạo tại nhiều doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch và tài chính. Ông Đạt chính thức được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị tại VNDIRECT tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 25/04/2022. Vào ngày 21/07/2022, ông Đạt được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT.



ÔNG VŨ HIỀN

Thành viên Hội đồng Quản trị

Chức vụ hiện nay	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	26/3/2009, bổ nhiệm lại ngày 25/4/2022
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Hàng hải

Ông Hiền là một doanh nhân thành đạt, nhà quản trị doanh nghiệp và nhà đầu tư có kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực. Với gần 20 năm kinh nghiệm đầu tư – tài chính và nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ thương mại, ông Hiền đã lãnh đạo IPA Investments thành một tập đoàn đầu tư đa lĩnh vực bao gồm năng lượng, thực phẩm, dược, bất động sản và tài chính.

Ông Hiền cũng là thành viên HĐQT của một số công ty có uy tín hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và du lịch. Ông là một doanh nhân có rất nhiều đóng góp trong công tác xã hội tạo thêm giá trị nhân văn và môi trường lành mạnh cho cộng đồng.



ÔNG NGUYỄN VŨ LONG

Thành viên Hội đồng Quản trị

Chức vụ hiện nay	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	25/04/2022
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Tài chính

Ông Long tốt nghiệp thạc sĩ trường Đại học New South Wales chuyên ngành Tài chính. Ông Long có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư – tài chính.

Ông Long đã gắn bó với VNDIRECT trong 8 năm và trải qua nhiều vị trí quan trọng của công ty như Trưởng phòng kinh doanh tiền tệ, Giám đốc Nguồn vốn. Đồng hành với VNDIRECT trong suốt thời gian qua, ông đã và đang đóng góp không nhỏ trong những bước tiến phát triển vượt bậc của công ty và trở thành một trong những lãnh đạo trẻ tiêu biểu trong những năm gần đây.

Ông Long chính thức đảm nhận chức vụ Quyền Tổng giám đốc tại VNDIRECT từ ngày 22/11/2021 và được bầu cử làm Thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 25/04/2022.



ÔNG VŨ VIỆT ANH

Thành viên Hội đồng Quản trị

Chức vụ hiện nay	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	25/04/2022
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kỹ thuật Điện và Thạc sĩ Viễn thông

Ông Vũ Việt Anh tốt nghiệp Thạc sĩ Kỹ thuật Điện tại trường Đại học Columbia và Thạc sĩ Viễn thông tại trường Télécom Paris. Ông có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ. Ông hiện đang nắm vị trí Giám đốc tại Công ty Cổ phần OCTECH, một công ty công nghệ chuyên về lập trình.

Ông từng làm việc với vai trò là lập trình viên Java tại Tervela Inc và Đại học Columbia. Ông chính thức được bầu cử làm thành viên Hội đồng quản trị tại VNDIRECT tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 25/04/2022.

Các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1.	Phạm Minh Hương	10	100%	
2.	Vũ Hiền	10	100%	
3.	Đỗ Ngọc Quỳnh	2	100%	Hết nhiệm kỳ ngày 25/04/2022
4.	Pekka Mikael Nastamo	2	100%	Hết nhiệm kỳ ngày 25/04/2022
5.	Phạm Lê Nhật Quang	2	100%	Hết nhiệm kỳ ngày 25/04/2022
6.	Nguyễn Vũ Long	8	100%	Bầu TVHĐQT ngày 25/04/2022
7.	Mai Hữu Đạt	8	100%	Bầu TVHĐQT ngày 25/04/2022
8.	Vũ Việt Anh	8	100%	Bầu TVHĐQT ngày 25/04/2022

1. Thôi giữ chức danh Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 22/11/2021;
2. Giữ chức danh Phó chủ tịch HĐQT từ ngày 22/11/2021.
3. Giữ chức danh Phó chủ tịch HĐQT từ ngày 21/7/2022, Trưởng ban kiểm toán nội bộ từ ngày 16/11/2022

Hoạt động giám sát của HĐQT với Ban Tổng giám đốc

Căn cứ vào Điều lệ và Quy chế Quản trị của Công ty, HĐQT VNDIRECT trong năm 2022 đã thực hiện đầy đủ và thường xuyên việc giám sát hoạt động điều hành Công ty của Ban Điều hành và Ban Tổng Giám đốc, đặc biệt trong các vấn đề liên quan đến quá trình triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) và Hội đồng quản trị, đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế Quản trị của Công ty, Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị đã thông qua việc bổ nhiệm các nhân sự thuộc thẩm quyền; chủ động giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.

Thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, HĐQT đã đưa ra những ý kiến đóng góp với Ban Tổng Giám đốc và Ban Điều hành nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát và quản lý doanh nghiệp. Ban Tổng Giám đốc trong năm 2022 đã có nhiều nỗ lực trong việc quản lý điều hành và tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh, ứng phó linh hoạt và nhanh chóng trong giai đoạn hết sức khó khăn của thị trường chứng khoán nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng để hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2022.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT

Ban Kiểm toán nội bộ: Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này; Đánh giá việc tuân thủ các hoạt động kinh doanh đối với chính sách và quy trình nội bộ; Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với hoạt động đã ủy quyền; Tham mưu thiết lập chính sách và quy trình nội bộ; Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản; Đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh; Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền; Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh; Đánh giá hiệu quả của các hoạt động; Đánh giá việc tuân thủ cam kết trong hợp đồng; Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin; Điều tra các vi phạm trong nội bộ công ty; Thực hiện kiểm toán nội bộ công ty; Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành.

Hội đồng Quản trị rủi ro: Tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến Quản trị rủi ro của Công ty; Nghiên cứu, phát triển, ban hành chiến lược và chính sách, quy chế, quy trình quản trị rủi ro trong hoạt động của Công ty; Kiểm tra, đánh giá sự phù hợp hiệu quả và hiệu lực của Bộ phận quản trị rủi ro và của cả hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty. Ban hành các chính sách, hạn mức rủi ro, quy định nguyên tắc, bộ tiêu chí, phân quyền quản lý và phê duyệt rủi ro, các tham số và mô hình quản trị rủi ro; Thực hiện các quyền hạn và

nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết/Quy chế của HĐQT hoặc Quyết định của HĐQT.

Hội đồng nhân sự: Tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị nhân sự của Công ty; Quyết định các vấn đề về chiến lược nhân sự của Công ty trong từng thời kỳ; Phê duyệt cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Công ty; Phê duyệt các chế độ chính sách nhân sự, cơ chế lương thưởng, chế độ phúc lợi dành cho cán bộ nhân viên của Công ty; Thay mặt HĐQT quyết định việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT; Thay mặt HĐQT quyết định việc kỷ luật lao động đối với các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT hoặc các cán bộ nhân viên khác của Công ty khi thấy cần thiết; Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ và Nghị quyết/Quy chế do HĐQT hoặc Quyết định của Hội đồng quản trị.

Hội đồng đầu tư: Tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư, bảo lãnh phát hành, cho vay đối với các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT được quy định tại Điều lệ; Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các chính sách, quy định liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh nguồn vốn của Công ty; Thay mặt HĐQT phê duyệt các nguyên tắc phân bổ vốn, kinh doanh nguồn vốn của Công ty; Thay mặt HĐQT thẩm định, phê duyệt việc góp vốn hoặc mua bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp của niêm yết/đăng ký giao dịch hoặc chứng khoán đã niêm yết/đăng ký giao dịch nhưng không phải là hoạt động kinh doanh/tự doanh ngắn hạn thông thường. Quyết định, phê duyệt các giao dịch, hoạt động đầu tư không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ hoặc của HĐQT mà chưa được phân quyền cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc Ban Tổng Giám đốc thấy cần thiết có ý kiến của các thành viên HĐQT; Thực hiện các các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ và Nghị quyết/Quy chế do HĐQT hoặc Quyết định của Chủ tịch HĐQT.



Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

Trong năm 2022, Chủ tịch HĐQT của Công ty đã thay mặt HĐQT ban hành các Nghị quyết, Quyết định sau đây trên cơ sở các cuộc họp được tổ chức dưới các hình thức phù hợp với quy định của pháp luật và/hoặc các ủy quyền của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	201/2022/NQ-HĐQT	17/03/2022	Thông qua việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty.	100%
2.	201-3/2022/NQ-HĐQT	17/03/2022	Thông qua việc thực hiện cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán.	100%
3.	201-5/2022/NQ-HĐQT	17/03/2022	Thông qua báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và định hướng kế hoạch kinh doanh năm 2022.	100%
4.	245/2022/NQ-HĐQT	14/4/2022	Thông qua kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	100%
5.	270/2022/NQ-HĐQT	25/4/2022	Thông qua việc bầu Chủ tịch HĐQT công ty nhiệm kỳ 2022-2027.	100%
6.	272/2022/NQ-HĐQT	25/4/2022	Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ Công ty và sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty.	100%
7.	327/2022/NQ-HĐQT	16/5/2022	Thông qua việc đóng cửa Phòng giao dịch Đào Duy Anh và thành lập Chi nhánh Đào Duy Anh của Công ty.	100%
8.	328/2022/NQ-HĐQT	16/5/2022	Thông qua việc phê duyệt, ủy quyền và giao một số công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị cho Chủ tịch HĐQT.	100%
9.	325/2022/NQ-HĐQT	16/5/2022	Thông qua việc trả cổ tức cho cổ đông.	100%
10.	528-2/2022/NQ-HĐQT	21/07/2022	Thông qua việc bầu Ông Mai Hữu Đạt làm Phó chủ tịch HĐQT của Công ty.	100%
11.	528-3/2022/NQ-HĐQT	21/07/2022	Thông qua kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2022 và định hướng kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022.	100%
12.	697-1/2022/NQ-HĐQT	16/9/2022	Thông qua việc chào bán chứng quyền có bảo đảm.	100%
13.	852-6/2022/NQ-HĐQT	03/11/2022	Thông qua kết quả kinh doanh Quý 3/2022 và định hướng kế hoạch kinh doanh Quý 4/2022.	100%
14.	982/2022/NQ-HĐQT	21/12/2022	Thông qua việc hỗ trợ đầu tư của Công ty	100%

4.2. BAN KIỂM SOÁT (BKS)

Thông tin về thành viên BKS



BÀ HOÀNG THÚY NGA

Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ hiện nay Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS 29/5/2017, bổ nhiệm lại ngày 25/4/2022

Trình độ chuyên môn Cử nhân ngành Tài chính ngân hàng – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân



BÀ HUỲNH THANH BÌNH MINH

Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ hiện nay Thành viên

Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS 29/5/2017, bổ nhiệm lại ngày 25/4/2022

Trình độ chuyên môn Cử nhân ngành Kế toán tổng hợp



BÀ NGUYỄN THỊ MINH HẠNH

Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ hiện nay Thành viên

Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS 29/5/2017, bổ nhiệm lại ngày 25/4/2022

Trình độ chuyên môn Thạc sỹ kinh tế



Cuộc họp của BKS

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1.	Hoàng Thúy Nga	04	100%	100%	
2.	Huỳnh Thanh Bình Minh	04	100%	100%	
3.	Nguyễn Thị Minh Hạnh	04	100%	100%	

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

BKS thực hiện hoạt động giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh cũng như sự tuân thủ của Công ty đối với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Hoạt động của HĐQT công ty đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Điều lệ của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đúng chức năng, nhiệm vụ và phân cấp của Hội đồng quản trị, tích cực triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Trong các đợt kiểm tra, đánh giá trực tiếp của BKS đối với tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty, BKS thường xuyên phối hợp, đưa ra các yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức làm việc trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý Công ty nhằm có đầy đủ thông tin, dữ liệu cần thiết để thực hiện công việc. Trong năm 2022 HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định cho Ban Kiểm soát. Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu, đồng thời Ban Kiểm soát đã có ý kiến phản hồi và trao đổi nhằm đảm bảo quá trình điều hành thực hiện đúng định hướng theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Hoạt động khác của BKS

BKS Công ty cũng dành thời gian quan sát, đánh giá các hoạt động khác của Công ty trong năm 2022, đặc biệt là các chiến dịch kinh doanh, chương trình tìm kiếm giải pháp, dự án phát triển của Công ty.

4.3 ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Với chính sách chú trọng tới hoạt động quản trị Công ty nhằm xây dựng và phát triển Công ty ngày càng vững mạnh, thành viên HĐQT, thành viên điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty được khuyến khích tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty. Một số thành viên HĐQT, BKS và cán bộ quản lý đã được cấp Chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SRTC) tổ chức như:

- Bà Phạm Minh Hương - Chủ tịch HĐQT
- Ông Vũ Hiền - Thành viên HĐQT
- Bà Hoàng Thúy Nga - Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Lê Thị Hương Mai - Giám đốc Nhân sự

4.4 GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1.	Vũ Hiền	Người nội bộ	180	0,00004%	504	0,00004%	Thực hiện quyền mua cổ phiếu do Công ty chào bán cho cổ đông hiện hữu và cổ phiếu thưởng.
2.	Phạm Minh Hương	Người nội bộ	12.828.918	2,95%	35.920.970	2,95%	Thực hiện quyền mua cổ phiếu do Công ty chào bán cho cổ đông hiện hữu và cổ phiếu thưởng.
3.	Nguyễn Vũ Long	Người nội bộ	93	0,00002%	260	0,00002%	Thực hiện quyền mua cổ phiếu do Công ty chào bán cho cổ đông hiện hữu và cổ phiếu thưởng.
4.	Điêu Ngọc Tuấn	Người nội bộ	3.300	0,0008%	10.000	0,0008%	Thực hiện quyền mua cổ phiếu do Công ty chào bán cho cổ đông hiện hữu và cổ phiếu thưởng.
5.	Vũ Nam Hương	Người nội bộ	260.000	0,06%	728.000	0,06%	Thực hiện quyền mua cổ phiếu do Công ty chào bán cho cổ đông hiện hữu và cổ phiếu thưởng.
6.	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	TV HĐQT đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan	112.376.708	25,84%	314.654.782	25,84%	Thực hiện quyền mua cổ phiếu do Công ty chào bán cho cổ đông hiện hữu và cổ phiếu thưởng.

4.5 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kết quả giám sát

Kết quả kinh doanh năm 2022 với các chỉ số tài chính cơ bản như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	% Thay đổi	Kế hoạch 2022	% Hoàn thành 2022
Dịch vụ chứng khoán	1.261	1.631	-23%	1.963	64%
Dịch vụ đầu tư tài chính	210	375	-44%	598	35%
Dịch vụ Ngân hàng đầu tư	193	263	-27%	371	52%
Dịch vụ Đầu tư nguồn vốn	1.600	1.823	-12%	2.463	65%
LNTT	1.728	2.734	-36.8%	3.605	48%
LNST	1.366	2.178	-37%	2.884	47%
ROAE	11%	32%		22%	Không đạt
ROAA	4%	8%		7%	Không đạt

Kết quả Bảng cân đối tài sản năm 2022 với các chỉ số tài chính cơ bản như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	% Thay đổi	Kế hoạch 2022	% Hoàn thành 2022
Tổng tài sản	38.770	36.850	5,21%	50.925	76%
Vốn chủ sở hữu	14.485	9.604	51%	16.884	86%
Tỷ lệ Nợ/VCSH	1,7	2,8		2,0	Đạt
Tỷ lệ ATTC	336%	413%		365%	Không đạt

Căn cứ điều lệ, các chính sách và quy trình đã được ban hành, HĐQT ủy quyền cho Ban Điều hành quản lý các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty và tổ chức thực hiện các quyết định, chiến lược theo kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHCĐ giao. Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá rằng Ban Điều hành đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định pháp luật hiện hành, cũng như Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHCĐ. Bên cạnh đó HĐQT đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp và liêm chính đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông. Trong điều kiện thị trường không thuận lợi, Ban Điều hành đã nỗ lực để đạt được các kết quả kinh doanh khả quan so với ngành – nằm trong TOP 3 các công ty chứng khoán về lợi nhuận trước thuế của cả năm 2022, thực hiện tốt công tác quản trị công ty, nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro.

4.6 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TGD

Đối mặt với những khó khăn thách thức của biến động xấu của thị trường, Ban Điều hành một mặt bám sát với Tâm nhìn – Sứ mệnh và các chiến lược đã được HĐQT phê duyệt, tập trung tối đa nguồn lực cho các hoạt động kinh doanh cốt lõi, một mặt chủ động, linh hoạt, kịp thời đưa ra những định hướng trong việc thực thi kế hoạch kinh doanh một cách thận trọng để Công ty giữ vững vị thế là một định chế tài chính đầu tư chuẩn mực và tin cậy, đem lại giá trị Sức khỏe tài chính – Bảo an thịnh vượng – Phát triển bền vững, đồng hành và bảo vệ các lợi ích của các đối tác, khách hàng.

Ban Điều hành đã tổ chức thực hiện các chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động mà HĐQT và ĐHCĐ đặt ra, thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý và đột xuất theo yêu cầu của HĐQT về kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Điều hành đã thực hiện đầy đủ các quyền và trách nhiệm được giao theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHCĐ.



Chương 05

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2023

- | | |
|---|----|
| 1. Phân tích và nhận định thị trường năm 2023 | 66 |
| 2. Định hướng hoạt động 2023 | 71 |
| 3. Mục tiêu năng lực quản trị | 72 |
| 4. Mục tiêu phát triển về vận hành và công nghệ | 73 |
| 5. Mục tiêu về hoàn thiện chuỗi giá trị sản phẩm dịch vụ hướng tới khách hàng | 74 |



V. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2023

5.1. PHÂN TÍCH VÀ NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2023

TRIỂN VỌNG VĨ MÔ VIỆT NAM 2023: MỘT NĂM VỚI HAI GAM MÀU KHÁC BIỆT

Dự báo tăng trưởng GDP năm 2023 giảm tốc xuống 6,2% svck trong kịch bản cơ sở

GDP của Việt Nam tăng trưởng chậm lại và đạt 6,2% trong 2023

Chúng tôi dự báo GDP Việt Nam tăng 6,2% svck trong năm 2023 (+/-0,3 điểm %), giảm so với mức tăng trưởng 8,0% trong năm 2022. Đà tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam được dự báo chậm lại trong năm 2023 do sự giảm tốc ngành sản xuất và xuất khẩu trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế toàn cầu suy yếu. Bên cạnh đó, Việt Nam vẫn phải đối mặt với những thách thức từ môi trường lãi suất cao, lạm phát thể giới giảm nhưng vẫn ở mức cao, thanh khoản thắt chặt và gia tăng áp lực nợ xấu ở lĩnh vực BĐS.

Về ba trụ cột chính của nền kinh tế, chúng tôi dự báo tăng trưởng ngành công nghiệp và xây dựng đạt 5,6%

svck, giảm từ mức 7,8% trong năm 2022 do đơn đặt hàng mới cho hoạt động sản xuất giảm trong bối cảnh tăng trưởng toàn cầu suy yếu. Trong khi đó, chúng tôi dự báo tăng trưởng ngành dịch vụ đạt 7,5% svck trong năm 2023 (so với mức 10,0% trong năm 2022), được dẫn dắt bởi sự phục hồi của khách du lịch quốc tế. Đồng thời, chúng tôi dự báo tăng trưởng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 3,1% svck trong năm 2023 (so với mức 3,4% trong năm 2022)

Nhìn chung, Việt Nam vẫn nằm trong nhóm những quốc gia tăng trưởng hàng đầu trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương trong năm 2023.

Hình 22: Các dự báo chính cho giai đoạn 2022-2023

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022	2023 (dự báo)
Tăng trưởng GDP	%svck	7,1	7,0	2,9	2,6	8,0	6,2
Tăng trưởng xuất khẩu	%svck	13,3	8,4	6,5	18,9	10,5	5,0
Tăng trưởng nhập khẩu	%svck	11,8	6,9	3,6	26,7	7,8	4,9
Cán cân thương mại	tỷ USD	6,9	10,9	18,9	3,3	12,4	13,4
Cán cân thanh toán	tỷ USD	5,8	12,8	12,7	-7,2	-3,0	6,2
Thặng dư cán cân thanh toán trên GDP	%GDP	1,9	3,8	3,7	-2,0	-0,8	1,4
Dự trữ ngoại hối	tỷ USD	55,1	78,3	94,8	109,4	89,9	102,0
Dự trữ ngoại hối trên GDP	%GDP	17,9	23,8	27,8	29,9	22,6	23,5
Số tháng nhập khẩu	tháng	2,8	3,7	4,3	3,9	3,0	3,3
Lạm phát bình quân	%svck	3,5	2,8	3,2	1,8	3,2	3,8
Tăng trưởng tín dụng	% từ đầu năm	13,9	13,7	12,1	13,6	14,0	11,5
Dư nợ tín dụng trên GDP	%GDP	103,9	107,1	115,7	124,3	126,5	130,4
Tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán	% từ đầu năm	12,4	14,8	14,7	10,7	8,0	10,2
Lãi suất tái cấp vốn	%	6,3	6,0	4,0	4,0	6,0	6,0
Lãi suất huy động 12 tháng (cuối năm)	%	6,9	7,0	5,6	5,6	7,8	8,3
Lợi suất trái phiếu Chính phủ 10 năm (cuối năm)	%	5,1	3,4	2,4	2,1	2,1	5,0
Tỷ giá (USD/VND)	%svck	22.853	23.173	23.103	22.826	22.633	23.800
Thâm hụt ngân sách	%GDP	2,2	2,7	3,4	3,4	4,0	3,9
Nợ công	%GDP	47	43	45	43	42	43

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, TCTK, NHNN, Bộ Tài chính

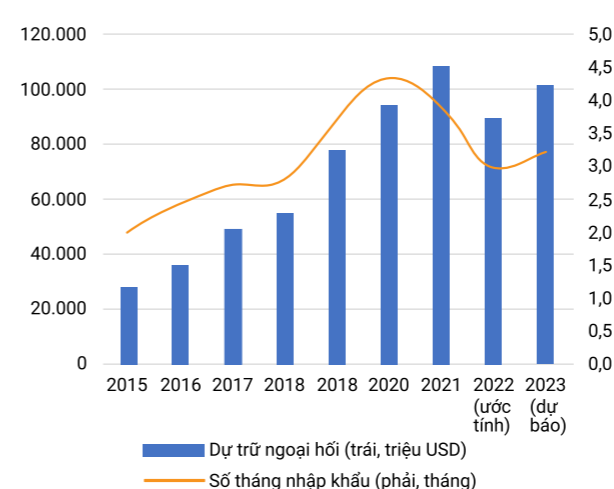
Đà tăng của lãi suất tiền gửi có thể chậm lại trong nửa đầu năm 2023

Chúng tôi cho rằng lãi suất tiền gửi tiếp tục chịu áp lực tăng trong nửa đầu năm 2023 do (1) hạn chế thanh khoản trong bối cảnh khủng hoảng niềm tin trên thị trường TPDN, (2) nhu cầu huy động vốn của các ngân hàng tăng mạnh để đảm bảo các chỉ tiêu an toàn vốn cũng như đáp ứng nhu cầu vay tăng cao của nền kinh tế, và (3) tăng trưởng tiền gửi đã chậm hơn nhiều so với tăng trưởng tín dụng kể từ đầu năm 2022, do đó các ngân hàng phải tăng lãi suất huy động để thu hút thêm tiền gửi.

Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng lãi suất tiền gửi giảm nhẹ trong nửa cuối năm 2023 nhờ (1) áp lực tỷ giá giảm cho phép NHNN bơm thanh khoản vào hệ thống và ổn định mặt bằng lãi suất, (2) lạm phát trong nước được kiểm soát và đáp ứng mục tiêu của Chính phủ là giữ lạm phát trung bình năm 2023 dưới 4,5%, (3) Chính phủ xem xét ban hành các chính sách hỗ trợ và củng cố niềm tin của nhà đầu tư vào thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

Do đó, chúng tôi dự báo lãi suất huy động có thể tăng nhẹ 50 điểm cơ bản trong năm 2023, thấp hơn đáng kể so với mức tăng khoảng 230 điểm cơ bản trong năm 2022. Chúng tôi nhận thấy lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các NHTM có thể tăng lên mức 8,0-8,5%/năm (bình quân) vào cuối năm 2023.

Hình 23: Dự trữ ngoại hối và số tháng nhập khẩu của Việt Nam



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

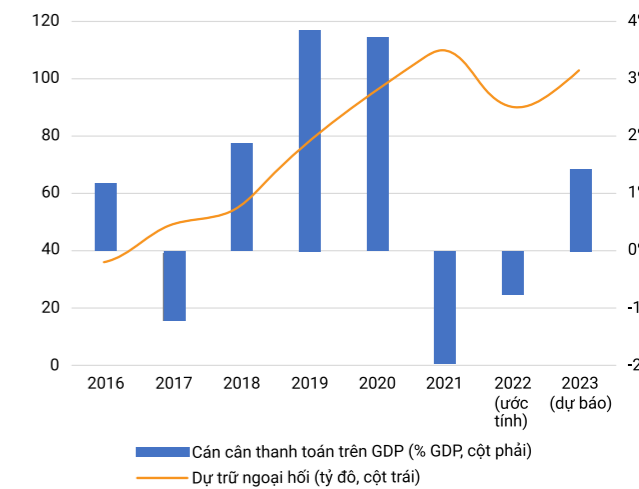
Dự trữ ngoại hối của Việt Nam có thể được cải thiện

Năm 2022, NHNN gặp nhiều khó khăn trong việc cân bằng ba mục tiêu chính là kiểm soát lạm phát, ổn định tỷ giá và mặt bằng lãi suất để hỗ trợ tăng trưởng. Trong 10T22, NHNN đã phải bán một lượng lớn dự trữ ngoại hối để ổn định tỷ giá (ước khoảng 20% dự trữ ngoại hối). Điều này đã khiến dự trữ ngoại hối của Việt Nam giảm xuống dưới mức khuyến nghị của IMF (thấp hơn 3 tháng nhập khẩu).

Trong năm 2023, chúng tôi kỳ vọng thặng dư thương mại đạt mức 13,4 tỷ USD, từ mức thặng dư thương mại 12,4 tỷ USD trong năm 2022. Chúng tôi cũng kỳ vọng tài khoản vãng lai chuyển sang thặng dư ở mức 1,4% GDP vào năm 2023 từ mức thâm hụt dự kiến là 0,8% GDP trong năm 2022. Do đó, chúng tôi kỳ vọng dự trữ ngoại hối của Việt Nam sẽ phục hồi lên mức 3,3 tháng nhập khẩu và đạt 102 tỷ USD vào cuối năm 2023 từ mức hiện tại là 90 tỷ trong năm 2022.

Rủi ro chính cho dự báo của chúng tôi bao gồm: lạm phát cao hơn dự kiến, đồng USD mạnh hơn dự kiến có thể gây thêm áp lực lên VND; các đối tác thương mại lớn của Việt Nam suy thoái mạnh hơn dự kiến.

Hình 24: Tài khoản vãng lai và dự trữ ngoại hối của Việt Nam



Nguồn: NHNN, VNDIRECT RESEARCH

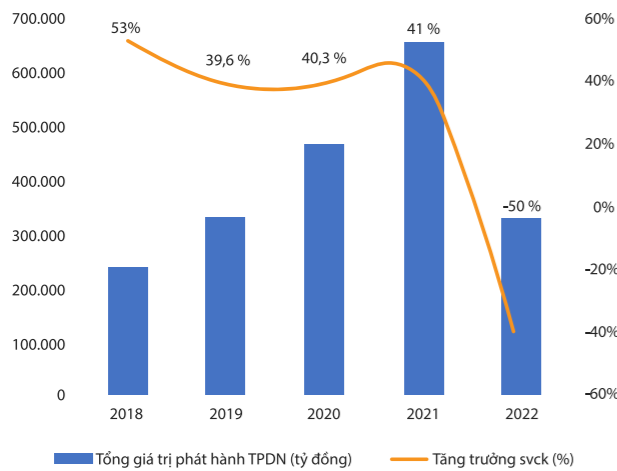
TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG 2023: BỨC TRANH VỚI HAI GAM MÀU KHÁC BIỆT
Trái phiếu doanh nghiệp: Lùi lại để tiến lên vững chắc hơn

Quy định chặt chẽ hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và minh bạch

Thị trường TPDN Việt Nam bùng nổ trong giai đoạn 2020-21, tuy nhiên những rủi ro đầu tư và pháp lý đã bộc lộ qua một số sai phạm xảy ra đầu năm 2022. Nghị định 65, có hiệu lực từ ngày 16/9, đặt ra các điều kiện và yêu cầu nghiêm ngặt hơn đối với việc phát hành trái phiếu riêng lẻ.

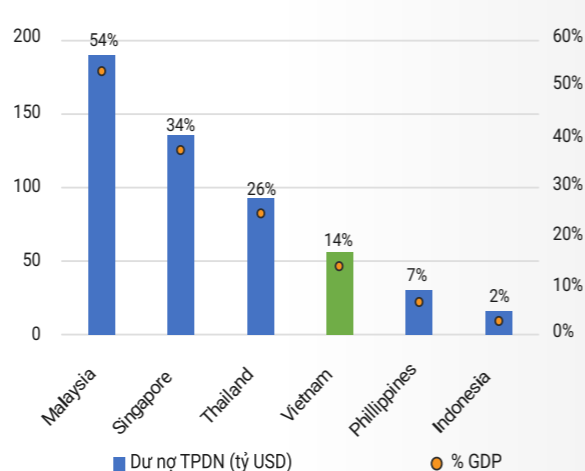
Theo đó, tổ chức phát hành được phép cơ cấu lại nợ song vẫn phải đảm đúng mục đích sử dụng theo phương án phát hành. Xếp hạng tín nhiệm được yêu cầu bắt buộc trong một số trường hợp nhất định, chẳng hạn tổng giá trị trái phiếu vượt quá một ngưỡng hoặc tỷ lệ trái phiếu/vốn chủ sở hữu vượt quá một tỷ lệ nhất định. Ngoài ra, quy định mới cũng nâng cao những tiêu chí công nhận nhà đầu tư chuyên nghiệp khi thời gian gần đây nhiều nhà đầu tư đã bị thiệt hại do thực hiện các khoản đầu tư TPDN có rủi ro cao và không có đánh giá cẩn thận. Vì vậy, thị trường TPDN trở nên trầm lắng với giá trị phát hành giảm khoảng 50% svck trong 10T/22.

Hình 25: Giá trị phát hành TPDN giảm 50% svck trong 10T/22



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 26: Tỷ lệ thâm nhập TPDN hiện tại của Việt Nam tương đối thấp



Dữ liệu vào cuối Q3/22. Nguồn: ADB Bond, VNDIRECT RESEARCH

Áp lực đáo hạn trái phiếu riêng lẻ gia tăng vào năm 2023

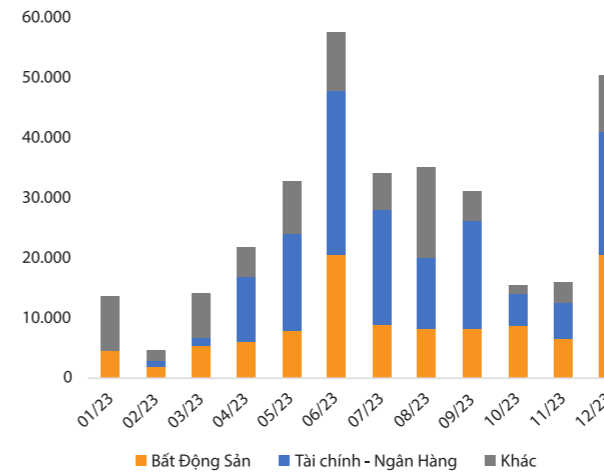
Với sự bùng nổ phát hành trái phiếu trong giai đoạn 2019 – 2021, tổng giá trị trái phiếu riêng lẻ đáo hạn năm 2023 vào khoảng 300.000 tỷ đồng, (+90% svck). Trong đó bất động sản và tài chính - ngân hàng lần lượt chiếm 30% và 40%. Trong bối cảnh chính sách tiền tệ thắt chặt, chi phí tài chính gia tăng và thắt chặt phát hành trái phiếu, một số tổ chức phát hành có ít cơ hội tiếp cận nguồn vốn nhằm tái cơ cấu tài chính và đáp ứng nghĩa vụ nợ ngắn hạn. Rủi ro về khả năng thanh toán tập trung ở một số lĩnh vực có tỷ lệ đòn bẩy cao và hay biến động theo chu kỳ như lĩnh vực bất động sản.

Những lo ngại về năng lực thanh toán ngày càng tăng khi một số vụ bất giữ liên quan đến các vi phạm phát hành và kinh doanh TPDN của một số nhà phát triển BĐS lớn như

Tân Hoàng Minh và Vạn Thịnh Phát. Niềm tin của nhà đầu tư cá nhân vào TPDN đã suy giảm xuống mức thấp đến mức nhiều người đã vội vàng bán trái phiếu của bất kỳ tổ chức phát hành nào bằng mọi giá để thu tiền về tiền mặt. Lưu ý rằng nhà đầu tư cá nhân chiếm khoảng 1/3 khối lượng giao dịch TPDN.

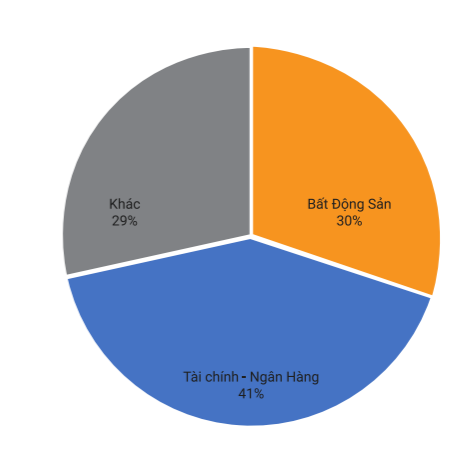
Từ đó đến nay, các cơ quan chức năng đã đưa ra nhiều thông điệp nhằm xoa dịu tâm lý hoang mang của thị trường nhưng các giải pháp tháo gỡ khó khăn cụ thể vẫn chưa được triển khai. Tuy nhiên, thông tin có phần tích cực hơn là theo báo cáo của Bộ Tài chính, nhiều DN đã chủ động mua lại trái phiếu trước hạn với tổng giá trị mua lại vào khoảng 152.000 tỷ đồng trong 10T/22, phần nào giảm bớt áp lực đáo hạn và tâm lý tiêu cực của thị trường.

Hình 27: Ước tính giá trị đáo hạn TPDN riêng lẻ năm 2023 (tỷ đồng)



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, HNX

Hình 28: Cơ cấu kỳ hạn TPDN riêng lẻ theo ngành năm 2023 (%)



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, HNX

Tìm kiếm giải pháp tháo gỡ khó khăn cho TPDN trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết

Chúng tôi cho rằng cần thêm thời gian để các thành viên tham gia thị trường (nhà phát hành, tổ chức bảo lãnh/tư vấn và nhà đầu tư) thích ứng với các quy định mới. Trong bối cảnh chi phí tài chính gia tăng, lực cầu nội địa yếu đi, thị trường BĐS trầm lắng, các DN đang có xu hướng hoãn, hoặc hủy kế hoạch mở rộng kinh doanh, dẫn đến giảm nhu cầu vốn. Vì vậy, chúng tôi cho rằng thị trường TPDN sẽ tương đối im lìm trong nửa đầu năm 2023.

Khối lượng phát hành sẽ phục hồi đáng kể trong nửa cuối năm 2023 từ mức nền thấp của 2022, nhờ lợi nhuận của DN khởi sắc hơn, lãi suất ổn định và cơ chế thị trường tốt

hơn. Hiện quy mô TPDN trên GDP của Việt Nam là 15%; và 13% đối với TPDN phát hành riêng lẻ, tương đối thấp so với các nước trong khu vực. Chính phủ đang đặt mục tiêu quy mô thị trường TPDN đạt 20% GDP vào năm 2025 và 30% vào năm 2030. Mới đây, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã đưa ra một số biện pháp để tháo gỡ thể khó của TPDN, bao gồm: đẩy nhanh quy trình pháp lý để doanh nghiệp có quyền sử dụng đất, đề nghị NHNN giảm chi phí đi vay cho các công ty và tham gia tái cơ cấu các nghĩa vụ trả nợ, cải thiện niềm tin của nhà đầu tư, đảm bảo các tổ chức phát hành cung cấp thông tin chính xác và đảm bảo thanh toán trái phiếu đúng hạn để củng cố niềm tin của nhà đầu tư.

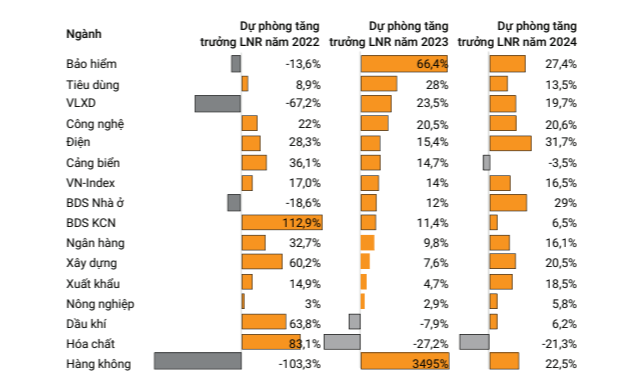
Lợi nhuận của các DN niêm yết sẽ tăng 14% svck trong năm 2023

Lợi nhuận toàn thị trường tăng 21,4% svck trong 9T22, tuy nhiên, chúng tôi nhận nhiều thách thức nổi lên như: xuất khẩu yếu, biên lợi nhuận giảm, gánh nặng chi phí lãi vay gia tăng và lỗ tỷ giá. Do đó, chúng tôi kỳ vọng LN ròng thị trường sẽ chậm lại đáng kể trong Q4/22 và chỉ tăng 17% trong năm 2022.

Sang năm 2023, LN ròng toàn thị trường dự kiến sẽ tăng nhẹ 5% svck trong nửa đầu năm, sau đó cải thiện hơn

trong nửa cuối năm 2023, đưa mức tăng trưởng cả năm lên 14%. Trong đó Ngành Hàng không sẽ có mức tăng trưởng LN ròng nổi bật nhờ sự phục hồi gần như hoàn toàn của các chuyến bay quốc tế. Ngành VLXD sẽ có mức tăng trưởng lợi nhuận đáng kể nhờ giá nguyên liệu đầu vào (than, quặng sắt) giảm. Mặt khác, ngành Dầu khí và Hóa chất có thể có tăng trưởng LN ròng giảm trong năm 2023 từ mức nền cao trong năm 2022.

Hình 29: Dự báo LN ròng của các nhóm ngành và toàn thị trường trong giai đoạn 2022-24



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 30: Tăng trưởng doanh thu và LN ròng theo quý svck (Q1/19-Q4/23)



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Chúng tôi kỳ vọng VN-Index sẽ đạt 1.300-1.350 điểm trong nửa cuối 2023

Chúng tôi cho rằng năm 2023 cả nền kinh tế cũng như TTCK sẽ có hai nửa diễn biến tương đối khác nhau. Trong những tháng đầu năm 2023, chúng tôi cho rằng nguyên nhân thị trường tăng phần lớn do định giá các tài sản đã quá hấp dẫn, song đà tăng sẽ khá mong manh và không ổn định trong bối cảnh thanh khoản thấp, áp lực lãi suất, tỷ giá và bài kiểm tra năng lực thanh toán cho TPDN đáo hạn vẫn còn đó.

Tuy nhiên, chúng tôi tự tin hơn từ giữa 2023 và kỳ vọng đà tăng sẽ vững chãi nhờ các yếu tố:

Như đã đề cập ở trên, chúng tôi không kỳ vọng Fed sẽ cắt giảm lãi suất trong năm 2023, thay vào đó sớm nhất rơi vào Q1/24. Chúng tôi cho rằng khi các NHTW trở nên “bớt điều hòa” sẽ kích hoạt một đợt định giá lại tài sản mới. TTCK, đặc biệt là các TTCK mới nổi, sẽ phản ánh câu chuyện giảm lãi suất từ cách đó 4-6 tháng

Chúng tôi nhận thấy tăng trưởng LN ròng toàn thị trường sẽ khởi sắc hơn trong nửa cuối 2023 nhờ: lãi suất giảm, đồng VND mạnh lên, giá nguyên vật liệu đầu vào giảm và việc Trung Quốc mở cửa trở lại sẽ tạo thêm động lực. Đà tăng trưởng LN ròng của các doanh nghiệp tích cực sẽ là tín hiệu tốt cho sự phục hồi của TTCK

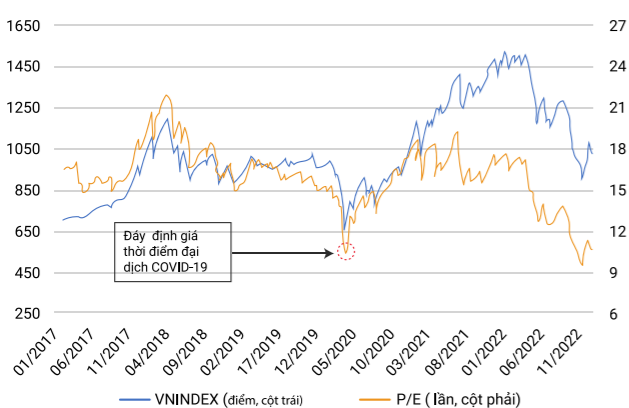
Chúng tôi cho rằng tín hiệu đạt đỉnh của cả lạm phát toàn cầu lẫn lãi suất của Mỹ sẽ kích thích khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư nước ngoài tìm kiếm câu chuyện tăng trưởng cao từ những thị trường mới nổi. Ngoài ra, việc thất thế gần đây của các cổ phiếu công nghệ tại đã dẫn đến sự chuyển hướng đầu tư sang các hoạt động kinh doanh truyền thống, đây cũng là bản chất của TTCK Việt Nam, nơi ngân hàng, bất động sản, điện lực, tiêu dùng chiếm ưu thế về vốn hóa.

Chúng tôi dự báo index sẽ quay trở lại mức 1.300 – 1.350 điểm, trên cơ sở lợi nhuận DN niêm yết tăng 14% và định giá P/E 12 – 12,5 lần.

Tại ngày 30/12/2022, VN-index đang giao dịch ở mức 10,5 lần P/E trượt, thấp hơn 40% từ đỉnh 2022 và thấp hơn 34% so với trung bình định giá 5 năm (16,0 lần P/E). Chúng tôi cho rằng Việt Nam vẫn khá hấp dẫn so với các thị trường khu vực trong tương quan tăng trưởng lợi nhuận giai đoạn 2023-24.

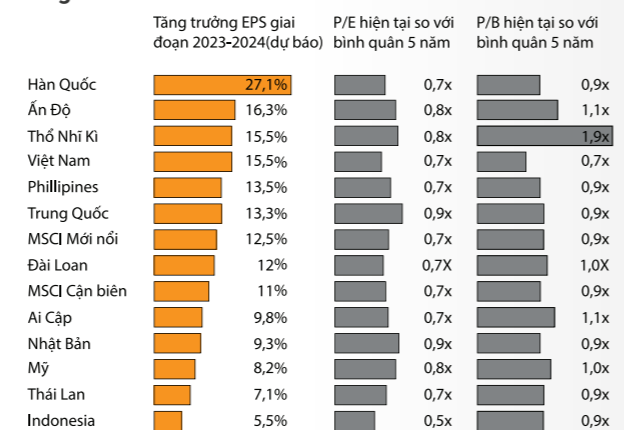
Rủi ro chủ yếu của thị trường vẫn là lạm phát không thể giảm xuống mức đủ để các NHTW nới lỏng. Ngược lại, thị trường sẽ khởi sắc hơn khi các chính sách tháo gỡ cho TPDN được thực thi quyết liệt, hay Việt Nam được nâng hạng sớm hơn dự kiến.

Hình 31: P/E của VN-Index đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ năm 2012 (dữ liệu ngày 30/12/2022)



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 32: Trong số các nước trong khu vực, Việt Nam nổi bật lên nhờ định giá thấp so với tiềm năng tăng trưởng trong 2022-24



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

5.2 ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2023

Với những đánh giá thị trường năm 2023 vẫn còn rất nhiều biến động về môi trường vĩ mô trong nước và thế giới, VNDIRECT lựa chọn cách tiếp cận thận trọng trong việc phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh, tập trung quay vào bên trong kiện toàn năng lực tổ chức, hoàn thiện các chuẩn mực về quy trình nghiệp vụ, năng lực quản trị rủi ro nhằm tạo tiền đề cho những động lực tăng trưởng trong tương lai.

Về hoạt động kinh doanh dịch vụ chứng khoán, Công ty tiếp tục thực thi chiến lược chuyển dịch từ mô hình phí giao dịch sang mô hình phí dịch vụ bằng việc tập trung vào việc thiết kế, đóng gói và ra mắt các gói dịch vụ đi kèm với các sản phẩm giao dịch chứng khoán, xây dựng và hoàn thiện nền tảng hệ sinh thái toàn diện cho nhóm khách hàng giao dịch với mục tiêu gia tăng trải nghiệm đầu tư cho khách hàng.

Mảng dịch vụ Ngân hàng đầu tư và thị trường vốn vẫn tiếp tục là một mảng hoạt động kinh doanh cốt lõi gắn với tầm nhìn và sứ mệnh của VNDIRECT định hướng trong 2023 Công ty vẫn tiếp tục tập trung vào năng lực sẽ thận trọng hơn trong việc mở rộng quy mô, trạng thái bảo lãnh phát hành. Ngoài ra, Công ty vẫn tiếp tục mở rộng cho hoạt động quản lý dòng tiền (Cash management account) cho các khách hàng doanh nghiệp, hỗ trợ khách hàng tối ưu hiệu quả dòng tiền.

Với mảng dịch vụ Quản lý tài sản – đây là hoạt động mà VNDIRECT tiếp tục tập trung vào việc xây dựng các năng lực thiết kế, số hóa sản phẩm dịch vụ, hoàn thiện các nền tảng về quản lý tài sản và xây dựng đội ngũ tư vấn quản lý tài sản. Với lợi thế về năng lực chuỗi giá trị cung cấp cho khách hàng từ sản phẩm với đa dạng sự lựa chọn cùng với các nền tảng giao dịch, quản lý đa tài sản và điều kiện từ thị trường thuận lợi khi có ngày càng nhiều thể hệ nhà đầu tư tham gia thị trường và có hiểu biết về các kênh đầu tư, sẵn sàng đón nhận các sản phẩm, dịch vụ mới, chúng tôi

đánh giá trong thời gian tới mảng dịch vụ quản lý tài sản sẽ có những bước phát triển mạnh mẽ. Trong năm 2023, VNDIRECT sẽ tiếp tục hoàn thiện và cho ra mắt các sản phẩm, các giải pháp mới về quản lý tài sản theo mô hình tháp tài sản DGO và kiện toàn các tính năng hỗ trợ nhà đầu tư. Với phân khúc khách hàng mass, cách tiếp cận của VNDIRECT là tập trung vào việc số hóa các nền tảng đầu tư quản lý tài sản theo hướng đơn giản và dễ hiểu, dễ tiếp cận nhất, bổ sung các tính năng phân bổ tài sản, đầu tư tự động cho khách hàng, số hóa toàn bộ quy trình từ lên kế hoạch đầu tư, phân bổ tài sản, quy trình thanh toán và hệ thống báo cáo tài sản. Với phân khúc khách hàng cao cấp, VNDIRECT tập trung vào việc kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ tư vấn quản lý tài sản, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn, chất lượng báo cáo phân tích và các công cụ hỗ trợ, cảnh báo trong suốt hành trình đầu tư của khách hàng. Đối với hoạt động Khách hàng doanh nghiệp, công ty vẫn tiếp tục kiện toàn hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ để có thể cung cấp giải pháp tài chính toàn diện để có thể đồng hành với các khách hàng trên hành trình tiếp cận và xây dựng được thương hiệu huy động vốn trên thị trường. Bên cạnh các dịch vụ tư vấn ngân hàng đầu tư đang dần xác định rõ được hướng đi, công ty cũng tiếp tục hoàn thiện các sản phẩm như tư vấn doanh nghiệp về quản lý nguồn vốn, dịch vụ quan hệ cổ đông, tư vấn về hoạt động quản trị tài chính doanh nghiệp... Với những sản phẩm dịch vụ này, VNDIRECT có thể hiện thực hoá được tầm nhìn với mô hình kinh doanh của một “merchant bank” trong tương lai.

Với hoạt động hợp tác với các Định chế tài chính, VNDIRECT tiếp tục mở rộng các hợp tác với các định chế tài chính ngân hàng và phi ngân hàng trong nước với các lĩnh vực kinh doanh số, kết nối các nền tảng công nghệ để bán chéo sản phẩm dịch vụ. Bên cạnh đó, VNDIRECT vẫn tiếp tục triển khai chiến lược mở rộng hoạt động trên thị trường vốn quốc tế thông qua hợp tác với các định chế tài chính nước ngoài trong các hoạt động huy động vốn, ngân hàng đầu tư, để đa dạng hóa các nguồn vốn hoạt động cho chính VNDIRECT cũng như hỗ trợ cho hoạt động tư vấn cho khách hàng của Công ty.

Kế hoạch kinh doanh 2023

	2023 - kế hoạch	2022 - thực hiện	Tăng trưởng
1. Dịch vụ Ngân hàng đầu tư	200	193	4%
2. Dịch vụ chứng khoán	860	1.261	-32%
3. Dịch vụ đầu tư tài chính	1.620	1.600	1%
4. Đầu tư nguồn vốn	480	210	129%
5. Chi phí hoạt động	(790)	(1.163)	-32%
6. Chi phí quản lý	(370)	(372)	-1%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	2.000	1.729	16%
ROAA	3,90%	3,61%	
ROAE	10,44%	11,33%	

5.3 MỤC TIÊU NĂNG LỰC QUẢN TRỊ

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, yếu tố “Quản trị” đóng vai trò quan trọng giúp Doanh nghiệp sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm đạt được những mục tiêu của Doanh nghiệp. Năm 2022-2023, VNDIRECT đề cao nâng cao phát triển hệ thống quản trị nội bộ giúp cân bằng giữa lợi ích kinh tế và rủi ro.

1. Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ mới:

Trong năm 2022, VNDIRECT đã thiết lập lại cơ cấu tổ chức mới với điểm nhấn đặc biệt là việc thành lập Khối quản trị doanh nghiệp, nơi thực hiện nhiệm vụ tập trung giám sát các hoạt động của công ty về nhân sự, tài chính trong đó, bộ phận “Quản trị vận hành” là ban hành và giám sát tuân thủ các nguyên tắc trong hoạt động vận hành kinh doanh, phát triển công nghệ của công ty với nhiều vai trò quan trọng:

- Chuẩn hóa lại hệ thống các bộ nguyên tắc, chuẩn mực liên quan đến hoạt động vận hành đảm bảo theo nguyên tắc **make – check – validate** nhằm hạn chế phát sinh lỗi thấp nhất từ con người.
- Hoàn thiện lại các chuỗi giá trị kết hợp từ sản phẩm, vận hành, đội ngũ kinh doanh nhằm thiết lập được những chuẩn mực về thiết kế và tổ chức thực thi hoạt động kinh doanh xuyên suốt trong tổ chức.

Song song với đó, các bộ phận chuyên môn: dịch vụ khách hàng, phát triển sản phẩm, hỗ trợ kinh doanh và vận hành đã được giao nhiệm vụ xây dựng, thực thi quy trình quản trị của bộ phận mình dựa trên các quy tắc chung nhằm nâng cao khả năng quản lý, quản trị rủi ro.

2. Phát triển hệ thống nội bộ

Bên cạnh yếu tố con người, công nghệ là công cụ hỗ trợ hiệu quả và yếu tố không thể thiếu để hoàn thiện quy trình quản trị nội bộ trong công ty nhằm giảm thiểu những sai sót cho người tạo ra, quản lý hệ thống. Trong năm 2022, các hệ thống được khởi tạo và cải thiện liên tục phù hợp với tình hình hoạt động của công ty, một số dự án nổi bật:

- Triển khai hệ thống quản trị quy trình mới DPM: Thay thế hệ thống cũ, VNDIRECT tự chủ được công nghệ quản lý quy trình và áp dụng được giải pháp hạ tầng cho nhiều mục tiêu biz khác nhau, biểu hiện được trên nhiều tiện ích khác nhau, đồng thời, cũng thiết lập mặc định nhiều nguyên tắc.
- I-lead: giúp các bộ đội ngũ có công cụ tổ chức nhiệm vụ và giám sát quá trình thực thi để phối hợp và cộng tác hướng tới mục tiêu: cải thiện chất lượng teamwork, quản trị chất lượng và kết quả hướng tới khách hàng.
- Xây dựng quy trình quản trị dữ liệu: chuẩn hóa thông tin sản phẩm, thông tin giao dịch nội bộ, đưa lên hệ thống.

Năm 2023, VNDIRECT tiếp tục phát triển và chuyển đổi hạ tầng công nghệ gồm hoàn thiện hạ tầng an ninh thông tin, chuyển đổi số, tự động hóa các quy trình triển khai, vận hành, giám sát hệ thống.

5.4 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VỀ VẬN HÀNH VÀ CÔNG NGHỆ

Vận hành

Năm 2023 khối DGO Service của VNDIRECT sẽ cung cấp đội ngũ Chuyên viên dịch vụ DGO để đồng hành cùng tất cả các khách hàng của VNDIRECT trên hành trình thiết lập nếp đầu tư DGO, xây dựng tháp tài sản để kiến tạo sức khỏe đầu tư.

Với nhiệm vụ cung cấp dịch vụ đồng hành trong suốt hành trình đầu tư của khách hàng tại VNDIRECT, các Chuyên viên dịch vụ DGO là những con người đáp ứng đầy đủ đạo đức hành nghề cũng như các yêu cầu chuyên môn để có thể hiểu điều kiện đầu tư của khách hàng từ đó đồng hành và hỗ trợ khách hàng hiểu được định vị của bản thân, duy trì kế hoạch rèn luyện sức khỏe đầu tư và kỷ luật phân bổ

tài chính đầu tư theo các mục tiêu bền vững của DGO và tháp nhu cầu **HEALTH – WEALTH – GROWTH**.

Các công cụ số hóa sẽ tiếp tục được nâng cấp để khách hàng có thêm nhiều tiện ích và trải nghiệm thân thiện hơn trong việc tương tác với đội ngũ Chuyên viên dịch vụ DGO và đội ngũ Chuyên gia của VNDIRECT cũng như trong việc giao dịch và quản lý tài sản của mình. Bên cạnh đó, hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ cũng được mở rộng, đa dạng các sản phẩm theo các tầng tháp để khách hàng có cơ hội lựa chọn sản phẩm phù hợp. Các luồng vận hành giao dịch được thiết kế thân thiện, hướng đến khách hàng.

Công nghệ

Nền tảng công nghệ sẽ tiếp tục được phát triển trong năm 2023 nhằm tiếp tục nâng cao trải nghiệm khách hàng (UX), sản phẩm của VNDIRECT sẽ thân thiện để dùng giúp mọi khách hàng tiếp cận được tới các cơ hội đầu tư:



1. DGO platform

Trong 2023, VNDIRECT luôn đặt việc nâng cao trải nghiệm khách hàng lên cao nhất, DGO platform liên tục hoàn thiện từ số hóa luồng mở tài khoản; đăng ký dịch vụ đến công cụ thiết lập kế hoạch tích sản và xây dựng kế hoạch quản lý tài chính cá nhân. Đồng thời, bổ sung nhiều thông tin bổ ích về đầu tư như: báo cáo về thị trường tiền tệ, thị trường vốn và các chương trình đào tạo, giúp khách hàng có thể lên kế hoạch và ra quyết định hiệu quả hơn.



2. Dstock - hệ sinh thái Dịch vụ giao dịch chứng khoán toàn diện

Trên nền tảng hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ và nền tảng thông tin về sức khỏe cổ phiếu và sức khỏe thị trường đã xây dựng trong nhiều năm, Dstock dự kiến tiếp tục làm phong phú hệ sinh thái Dstock với các nền tảng sản phẩm dịch vụ của VNDIRECT để xây dựng trải nghiệm đầu tư hoàn thiện cho khách hàng. Hiểu được rằng, mỗi nhà đầu tư có sức khỏe tài chính và khẩu vị rủi ro riêng, Dstock tiếp tục cá nhân hóa trải nghiệm đầu tư – giao dịch của mỗi khách hàng theo hành trình DGO, trao quyền chủ động cho mỗi khách hàng trong việc lựa chọn dịch vụ, nền tảng, tiện ích và gói dịch để phù hợp với mỗi điều kiện đầu tư khác nhau.



3. Stockbook – Cộng đồng đầu tư

Tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái Stockbook với định vị trở thành marketplace cho mọi nhà đầu tư. Năm 2023 công ty tiếp tục hoàn thiện nền tảng hỗ trợ giao dịch các tài sản như trái phiếu doanh nghiệp, nền tảng giúp các khách hàng có thể tìm kiếm, tiếp cận được đội ngũ chuyên gia tư vấn đầu tư phù hợp với nhu cầu của mình.

5.5 MỤC TIÊU VỀ HOÀN THIỆN CHUỖ GIÁ TRỊ SẢN PHẨM DỊCH VỤ HƯỚNG TỚI KHÁCH HÀNG

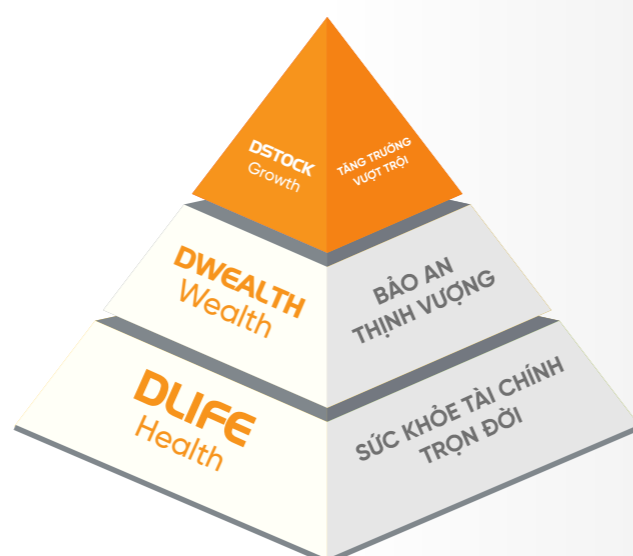
VNDIRECT hướng đến việc tiếp tục hoàn thiện nền tảng sản phẩm cung cấp đa dạng, đầy đủ sự lựa chọn cho khách hàng, phù hợp với điều kiện tài chính, điều kiện đầu tư và khẩu vị rủi ro của mỗi khách hàng. Các sản phẩm được thiết kế đơn giản và dễ dàng tiếp cận với mọi khách hàng.

Đối với nền tảng dịch vụ, công ty tiếp tục cải thiện gia tăng điểm chạm và nâng cao trải nghiệm khách hàng trong mọi quá trình từ onboarding tiếp cận với nền tảng sản phẩm của VNDIRECT tới định hướng, tích lũy kiến thức đầu tư, đồng hành và hỗ trợ khách hàng kiến tạo hành trình đầu tư xây dựng sức khỏe tài chính và sự thịnh vượng.

a. Nền tảng sản phẩm

VNDIRECT hướng đến việc tiếp tục hoàn thiện nền tảng sản phẩm cung cấp đa dạng, đầy đủ sự lựa chọn cho khách hàng, phù hợp với điều kiện tài chính, điều kiện đầu tư và khẩu vị rủi ro của mỗi khách hàng. Các sản phẩm được thiết kế đơn giản và dễ dàng tiếp cận với mọi khách hàng.

- **DLIFE** là danh mục sản phẩm giúp nhà đầu tư thực hành tiết kiệm đầu tư để tích lũy cho tương lai, từ đó xây dựng sức khỏe tài chính – an tâm đầu tư sau khi nghỉ hưu. Nhà đầu tư có thể đầu tư tích lũy tài sản thông qua tích sản hưu trí hay hình thức tiết kiệm đầu tư định kỳ.
- **DWEALTH** là danh mục sản phẩm phù hợp cho các nhà đầu tư cá nhân và doanh nghiệp có tiền nhàn rỗi ngắn hạn, có kỳ hạn linh hoạt, dễ dàng chuyển đổi thành tiền với lãi suất ổn định và hấp dẫn thông qua các sản phẩm lãi suất, cũng như đang tìm kiếm kênh đầu tư an toàn với lợi nhuận vượt trội trong dài hạn thông qua việc phân bổ đa dạng vào các loại tài sản như trái phiếu, cổ phiếu và chứng chỉ quỹ.
- **DSTOCK** dành cho Nhà đầu tư lựa chọn hình thức đầu tư chứng khoán, có rủi ro cao và lợi nhuận kỳ vọng cũng cao hơn các loại hình đầu tư tài chính khác. Nhà đầu tư được lựa chọn các gói tài khoản phù hợp với nhu cầu, nền tảng giao dịch vượt trội cùng chính sách dịch vụ hấp dẫn.



b. Nền tảng dịch vụ:

Với vai trò người dẫn đường và kết nối khách hàng với hệ giá trị sản phẩm và dịch vụ của VNDIRECT, giúp khách hàng tìm kiếm chuyên gia đồng hành và tiếp cận được với trí tuệ tập thể của một đội ngũ làm nghề có lý tưởng phụng sự của người có Đạo đức, có bản lĩnh của những người quân tử nói là làm, và có phẩm chất của những người làm nghề tài chính chuyên nghiệp. Cùng với sự phát triển của nền tảng công nghệ, thông qua các công cụ Dlink, Stockbook, các kênh cộng đồng và truyền thông, đội ngũ Dlink đã triển khai, hỗ trợ kịp thời mọi khách hàng trong giai đoạn nhiều biến động của năm 2022 và 2023 sẽ là năm Dlink tiếp tục hỗ trợ các trục SPDV để Tất cả KH có thể tiếp cận VNDIRECT dễ dàng nhất ngay từ giai đoạn Onboarding và trong suốt hành trình sử dụng dịch vụ tại VNDIRECT.

c. La bàn đầu tư DGO

Trung tâm tư vấn La bàn đầu tư DGO được thành lập với nhiệm vụ cung cấp dịch vụ tư vấn hỗ trợ định hướng đầu tư theo các điều kiện thị trường. Với những nền tảng dữ liệu và bộ nguyên tắc lọc danh mục cổ phiếu, cùng với đó là kinh nghiệm nhận diện điều kiện biến động của thị trường, La bàn DGO đang được số hoá để giúp khách hàng có thể tự thiết lập các cảnh báo phù hợp và theo dõi biến động thị trường. DGO advisory cũng là môi trường học và làm nghề của đội ngũ chuyên gia tập sự và các bạn muốn thăng tiến trên con đường sự nghiệp làm đầu tư.

d. Đội ngũ chuyên gia Dcareby

VNDIRECT vốn luôn tự hào có một đội ngũ chuyên gia môi giới có kinh nghiệm và phẩm chất làm nghề của những chuyên gia giao dịch uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Kể từ năm 2021, với sự bổ sung đội ngũ chuyên gia tư vấn đầu tư WA – Wealth Advisors, VNDIRECT đã cung cấp một đội ngũ kịp thời cho thị trường tài chính Việt Nam một đội ngũ tư vấn có Đạo đức, có chuyên môn vững vàng, với lý tưởng của một Bác sỹ tài chính gia đình, đã giúp nhiều khách hàng hàng phân bổ, cơ cấu tài sản trong điều kiện khó khăn trong năm 2022. Đội ngũ chuyên gia đầu tư của VNDIRECT cũng đang dần tích lũy kinh nghiệm để có thể cung cấp một đội ngũ chuyên gia đầu tư và quản lý tài sản để có thể cung cấp dịch vụ quản lý đầu tư theo SMA (tài khoản riêng biệt) cho nhóm khách hàng có tài sản cần dịch vụ chuyên biệt riêng.

e. Đội ngũ chuyên gia Investment Banking

VNDIRECT đã xây dựng được một đội ngũ chuyên gia Investment Banking có khả năng tiếp cận và đánh giá rủi ro, cung cấp các giải pháp cấu trúc tài chính để giúp Doanh Nghiệp hiện thực hoá được tầm nhìn và cơ hội kinh doanh bền vững, từ đó tạo ra được những hàng hoá có chất lượng cho thị trường vốn và nhà đầu tư cá nhân có cơ hội lựa chọn và tin tưởng đầu tư tích sản.

Chương 06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Thông tin chung	78
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	80
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	82
4. Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	84
5. Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	87
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	90
7. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất	96
8. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	98



VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP THÔNG TIN CHUNG

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0103014521 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 11 năm 2006, Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 7 ngày 05 tháng 05 năm 2022, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 11 năm 2006 và các Giấy phép điều chỉnh, Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán (Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 42/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 05 năm 2022).

Hoạt động chính của Công ty trong năm bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán, hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, ứng trước tiền bán chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là **12.178.440.090.000 đồng**
Công ty có trụ sở chính tại số 01 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các chi nhánh tại Đào Duy Anh – Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vinh – Nghệ An, Cần Thơ, Bình Dương, Quảng Ninh, Nam Định, Thanh Hóa và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên

Bà Phạm Minh Hương
Ông Mai Hữu Đạt
Ông Vũ Hiền

Chức vụ

Chủ tịch

Phó Chủ tịch
Thành viên

Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm

Bổ nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2006,
Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022
Bổ nhiệm ngày 21 tháng 07 năm 2022
Bổ nhiệm ngày 26 tháng 03 năm 2009,
Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022
Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2022
Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2022
Hết nhiệm kỳ ngày 25 tháng 04 năm 2022
Hết nhiệm kỳ ngày 25 tháng 04 năm 2022
Hết nhiệm kỳ ngày 25 tháng 04 năm 2022

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

THÔNG TIN CHUNG

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014521 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 11 năm 2006, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102065366 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 05 tháng 05 năm 2022, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 11 năm 2006 và các Giấy phép điều chỉnh, Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán (Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 42/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 05 năm 2022).

Hoạt động chính của Công ty trong năm bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán, hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, ứng trước tiền bán chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là **12.178.440.090.000 đồng** (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: **4.349.446.870.000 đồng**).

Công ty có trụ sở chính tại số 01 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các chi nhánh tại Đào Duy Anh – Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vinh – Nghệ An, Cần Thơ, Bình Dương, Quảng Ninh, Nam Định, Thanh Hóa và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có một (01) công ty con.

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Phạm Minh Hương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2006, Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022
Ông Mai Hữu Đạt	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 07 năm 2022
Ông Vũ Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 03 năm 2009, Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022
Ông Nguyễn Vũ Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2022
Ông Vũ Việt Anh	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2022
Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	Phó Chủ tịch thường trực	Hết nhiệm kỳ ngày 25 tháng 04 năm 2022
Ông Phạm Lê Nhật Quang	Thành viên độc lập	Hết nhiệm kỳ ngày 25 tháng 04 năm 2022
Ông Pekka Mikael Nastamo	Thành viên độc lập	Hết nhiệm kỳ ngày 25 tháng 04 năm 2022

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Hoàng Thúy Nga	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2013, Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2015, Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2012, Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022

Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Vũ Long	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2021
Bà Vũ Nam Hương	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 07 năm 2017
Ông Điều Ngọc Tuấn	Giám đốc Quản trị	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2022
Ông Nguyễn Duy Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 08 năm 2021, Miễn nhiệm ngày 11 tháng 08 năm 2022
Ông Nguyễn Duy Linh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 07 năm 2022, Miễn nhiệm ngày 11 tháng 08 năm 2022
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 09 năm 2021

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là Bà Phạm Minh Hương, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Bà Vũ Nam Hương, chức danh Giám đốc Tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Trách nhiệm của ban tổng giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Công bố của ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Bà Vũ Nam Hương
Giám đốc Tài chính

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2023
Số tham chiếu: 61607706/22987873-HN/3112

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (“Công ty”) và công ty con, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 72, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1S

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2023



Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3847-2021-004-1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		38.670.054.790.553	36.627.504.409.064
110	I. Tài sản tài chính		38.570.066.191.687	36.524.155.665.328
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	2.556.722.528.720	2.701.561.356.636
111.1	1.1 Tiền		1.877.509.173.088	2.094.329.942.266
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		679.213.355.632	607.231.414.370
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	7.1	19.062.140.089.556	12.616.026.565.345
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	7.2	5.618.100.000.000	5.312.000.000.000
114	4. Các khoản cho vay	7.3	9.060.815.751.079	15.473.544.807.182
116	5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp	8	(230.380.869.042)	(145.344.993.816)
117	6. Các khoản phải thu		2.246.125.433.720	395.065.318.368
117.1	6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính	9	1.652.324.432.880	91.278.191.000
117.2	6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	9	593.801.000.840	303.787.127.368
117.4	6.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		593.801.000.840	303.787.127.368
118	7. Trả trước cho người bán	9	10.202.544.779	14.596.208.764
122	8. Các khoản phải thu khác	9	252.172.384.304	162.323.074.278
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(5.831.671.429)	(5.616.671.429)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	10	99.988.598.866	103.348.743.736
131	1. Tạm ứng		2.167.497.895	1.869.783.194
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn		17.156.494.171	9.595.972.182
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		80.664.606.800	84.091.517.160
135	4. Thuế GTGT được khấu trừ		-	10.408.700
137	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	7.781.062.500

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		200.549.712.553	467.270.064.831
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		29.539.479.928	341.861.291.200
212	1. Các khoản đầu tư	11	36.220.280.000	341.861.291.200
212.1	1.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	318.000.000.000
212.4	1.2 Đầu tư dài hạn khác		36.220.280.000	23.861.291.200
213	2. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn		(6.680.800.072)	-
220	II. Tài sản cố định		77.709.397.249	56.652.975.515
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	50.562.587.741	29.807.357.278
222	1.1 Nguyên giá		162.297.809.446	123.476.029.440
223a	1.2 Giá trị khấu hao lũy kế		(111.735.221.705)	(93.668.672.162)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	27.146.809.508	26.845.618.237
228	1.1 Nguyên giá		122.933.811.359	114.457.812.245
229a	1.2 Giá trị khấu hao lũy kế		(95.787.001.851)	(87.612.194.008)
240	III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	8.946.501.017	2.490.919.207
250	IV. Tài sản dài hạn khác		84.354.334.359	66.264.878.909
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		7.686.396.806	4.984.688.266
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	15	31.976.876.334	14.169.678.436
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	16	20.000.000.000	20.000.000.000
255	4. Tài sản dài hạn khác	17	15.000.000.000	15.000.000.000
256	5. Lợi thế thương mại	19	9.691.061.219	12.110.512.207
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		38.870.604.503.106	37.094.774.473.895

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		24.355.935.574.377	27.272.291.634.249
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		23.529.065.436.639	26.361.375.576.158
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	20	19.311.982.646.239	20.448.678.287.066
312	1.1 Vay ngắn hạn		19.311.982.646.239	20.448.678.287.066
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	21	850.000.000.000	500.000.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	22	888.308.885.785	1.110.406.844.383
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn		16.695.755.375	6.151.126.805
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		17.729.368.098	30.293.534.231
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	23	203.885.550.785	222.439.403.897
323	7. Phải trả người lao động		19.124.660.577	47.240.893.263
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		3.773.640.259	8.602.348.300
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	24	217.587.708.089	98.108.180.904
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	26	1.852.723.702.440	3.878.535.023.086
331	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	26	147.253.518.992	10.919.934.223
340	II. Nợ phải trả dài hạn		826.870.137.738	910.916.058.091
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	21	800.000.000.000	750.000.000.000
356	2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	25	26.870.137.738	160.916.058.091
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		14.514.668.928.729	9.822.482.839.646
410	I. Vốn chủ sở hữu	27.2	14.514.668.928.729	9.822.482.839.646
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		12.178.029.987.590	5.852.916.394.577
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		12.178.440.090.000	4.349.446.870.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông		12.178.440.090.000	4.349.446.870.000
411.2	1.2 Thặng dư vốn cổ phần		14.508.178	1.503.603.955.187
411.5	1.3 Cổ phiếu quỹ		(424.610.588)	(134.430.610)
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		849.818.470	221.639.395.172
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		849.818.470	192.337.668.169
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối	27.1	2.334.939.304.199	3.555.589.381.728
417.1	4.1 Lợi nhuận đã thực hiện		2.041.950.290.400	2.804.798.749.555
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		292.989.013.799	750.790.632.173
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		38.870.604.503.106	37.094.774.473.895

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm (Trình bày lại)	Số đầu năm
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	Nợ khó đòi đã xử lý		101.986.716.060	101.986.716.060
006	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	27.4	1.217.821.331	434.942.782
007	Cổ phiếu quỹ (số lượng)	27.4	22.678	1.905
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD") của CTCK	28.1	964.198.960.000	505.738.630.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	28.2	68.480.000	57.504.330.000
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK	28.3	822.766.200.000	1.038.839.533.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	28.4	9.998.510.010.000	4.465.344.767.255
014	Chứng quyền (số lượng)		-	7.127.100
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư		73.167.630.394.000	49.111.642.592.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		62.313.340.151.000	37.988.364.268.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		600.877.230.000	305.662.850.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		9.243.938.580.000	8.638.087.340.000
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		143.330.320.000	240.237.200.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		866.144.113.000	1.939.290.934.000
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư		824.951.660.000	6.694.882.530.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		713.765.500.000	6.660.311.330.000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		111.186.160.000	34.571.200.000
023	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	28.5	1.017.542.409.456	4.947.725.151.100
024b	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư		36.731.410.000	6.731.410.000
026	Tiền gửi của khách hàng	28.6	4.725.832.753.120	10.299.863.922.049
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28.6	3.592.290.483.625	4.951.308.330.880
027.1	Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	28.6	214.654.363.586	369.895.010.719
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	28.6	918.224.838.830	4.908.172.436.100

■ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm (Trình bày lại)	Số đầu năm
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		118.490.698	3.984.675.350
029.1	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		81.134.149	1.096.686.267
029.2	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		37.356.549	2.887.989.083
030	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	28.7	544.576.381	66.503.469.000
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28.8	4.725.288.176.739	10.231.815.948.742
031.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		4.117.111.805.843	9.358.227.609.465
031.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		393.522.007.310	503.693.328.558
031.3	Phải trả Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD		214.654.363.586	369.895.010.719
032	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	28.9	38.310.000	66.503.469.000
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	28.10	506.266.381	1.544.504.307

Bà Vũ Thanh Hằng
Người lập

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2023

Bà Trần Thị Hồng Nhung
Kế toán Trưởng

Bà Vũ Nam Hương
Giám đốc Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		3.293.773.407.670	2.477.549.237.902
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	29.1	1.701.946.051.825	990.754.218.648
01.2	1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	29.2	787.201.088.574	1.161.038.794.349
01.3	1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	29.3	771.499.211.271	205.127.557.785
01.4	1.4 Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành		33.127.056.000	120.628.667.120
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	29.3	399.264.210.448	427.299.168.789
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	29.3	1.600.137.224.585	1.167.152.851.770
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	29.3	-	55.913.709.530
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		1.249.419.587.849	1.614.985.731.066
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		192.387.023.171	255.051.214.227
08	7. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		-	5.486.917.039
09	8. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		67.585.240.286	14.915.715.472
10	9. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		4.086.250.000	5.435.963.829
11	10. Thu nhập hoạt động khác		22.570.809.724	15.442.140.662
20	Cộng doanh thu hoạt động		6.829.223.753.733	6.039.232.650.286
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		2.640.515.927.427	1.092.324.105.853
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	29.1	1.189.990.052.504	680.790.575.404
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	29.2	1.403.571.915.923	314.880.204.980
21.3	1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		1.041.429.400	2.581.826.009
21.4	1.4 Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành		45.912.529.600	94.071.499.460

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	30	89.850.875.226	73.997.595.421
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh	31	19.255.974.932	26.146.956.177
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	31	713.595.563.319	890.023.647.172
28	5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	31	14.992.784.816	27.351.780.706
29	6. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	31	1.399.187.158	1.026.654.887
30	7. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	31	25.854.350.328	18.517.082.913
31	8. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	19.151.613.455	13.964.019.238
32	9. Chi phí dịch vụ khác	31	301.338.094.785	181.317.478.132
40	Cộng chi phí hoạt động		3.825.954.371.446	2.324.669.320.499
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		30.940.543.004	-
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		22.106.606.663	12.139.808.815
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		53.047.149.667	12.139.808.815
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		139.336.323.994	32.118.001.899
52	2. Chi phí lãi vay		958.802.609.293	413.711.647.501
54	3. Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2.080.800.072	-
55	4. Chi phí tài chính khác		41.390.499.918	-
60	Cộng chi phí tài chính		1.141.610.233.277	445.829.649.400
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ	32	379.193.285.229	300.306.150.662
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		1.535.513.013.448	2.980.567.338.540

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		443.156.627	310.758.202
72	2. Chi phí khác		678.986.202	657.454.451
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(235.829.575)	(346.696.249)
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		1.535.277.183.873	2.980.220.642.291
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		2.164.433.484.822	2.107.504.885.262
92	2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		(629.156.300.949)	872.715.757.029
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")	33	314.997.392.580	597.297.057.102
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	449.043.312.933	430.901.949.324
100.2	2. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	33.2	(134.045.920.353)	166.395.107.778
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		1.220.279.791.293	2.382.923.585.189
300	XI. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN		-	-
400	Tổng thu nhập toàn diện		1.220.279.791.293	2.382.923.585.189
500	XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		924	3.598
501	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	34	924	3.598

Bà Vũ Thanh Hằng
Người lập

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2023

Bà Trần Thị Hồng Nhung
Kế toán Trưởng

Bà Vũ Nam Hương
Giám đốc Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN	1.535.277.183.873	2.980.220.642.291
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:	1.102.265.883.808	543.589.323.907
03	Khấu hao TSCĐ	28.025.690.373	22.529.535.908
04	Các khoản dự phòng	89.850.875.226	73.997.595.421
05	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	23.167.257.928	30.931.094.089
06	Chi phí lãi vay	958.802.609.293	413.711.647.501
09	Các khoản điều chỉnh khác	2.419.450.988	2.419.450.988
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	1.451.565.245.595	408.951.704.440
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lỗ đánh giá lại phải trả chứng quyền	1.449.484.445.523	408.951.704.440
16	Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.080.800.072	-
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	(820.328.144.574)	(1.281.667.461.469)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lãi đánh giá lại phải trả chứng quyền	(820.328.144.574)	(1.281.667.461.469)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.268.780.168.702	2.651.094.209.169
31	Tăng tài sản tài chính FVTPL		(7.104.514.898.960)	(462.158.100.027)
32	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư HTM		11.900.000.000	(833.800.000.000)
33	(Tăng)/giảm các khoản cho vay		6.412.729.056.103	(10.767.591.025.726)
34	Tăng tài sản tài chính AFS		-	(7.290.573.999.171)
35	(Tăng)/giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(1.561.046.241.880)	11.854.068.392
36	Tăng phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính		(290.013.873.472)	(134.809.044.721)
39	Tăng các khoản phải thu khác		(85.741.971.771)	(111.419.202.828)
40	(Tăng)/giảm các tài sản khác		5.048.549.619	(4.787.158.834)
41	Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(15.844.440.543)	19.941.900.597
42	Tăng chi phí trả trước		(19.735.557.361)	(9.151.835.423)
43	Thuế TNDN đã nộp	23	(436.688.268.563)	(372.575.721.130)
44	Lãi vay đã trả		(824.534.988.272)	(383.144.374.016)
45	Tăng/(giảm) phải trả cho người bán		(11.827.943.537)	23.914.257.024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
46	Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		2.531.206.550	2.722.300.265
47	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(30.172.588.200)	68.599.486.829
48	Tăng/(giảm) phải trả người lao động		(27.900.353.686)	29.639.723.777
50	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác và phải trả chứng quyền		(2.267.923.676.755)	4.202.759.758.361
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(88.180.911.998)	-
60	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(3.063.136.734.024)	(13.359.484.757.462)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(57.696.934.951)	(29.034.338.692)
63	2. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		(18.100.000.000)	(10.870.280.000)
64	3. Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		12.625.646.807	-
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(63.171.288.144)	(39.904.618.692)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		4.349.444.780.000	3.112.926.543.000
72	2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành		(274.571.800)	615.842.274.050
73	3. Tiền vay gốc		80.100.985.020.249	164.528.566.498.797
73.2	<i>Tiền vay khác</i>		<i>80.100.985.020.249</i>	<i>164.528.566.498.797</i>
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(80.859.764.230.697)	(153.022.654.211.731)
74.3	<i>Tiền chi trả gốc vay khác</i>		<i>(80.859.764.230.697)</i>	<i>(153.022.654.211.731)</i>
76	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(608.921.803.500)	(107.257.259.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.981.469.194.252	15.127.423.845.116
90	IV. TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(144.838.827.916)	1.728.034.468.962
101	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	2.701.561.356.636	973.526.887.674
101.1	Tiền		2.094.329.942.266	887.704.080.066
101.2	Các khoản tương đương tiền		607.231.414.370	85.822.807.608
103	VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	2.556.722.528.720	2.701.561.356.636
103.1	Tiền		1.877.509.173.088	2.094.329.942.266
103.2	Các khoản tương đương tiền		679.213.355.632	607.231.414.370

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		448.816.187.928.246	559.150.193.677.944
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(448.820.054.112.898)	(559.146.494.382.950)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng (nộp/(rút) số kỳ trước)		(5.502.661.587.351)	4.952.856.143.896
14	4. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		15.989.431.915.612	9.479.639.754.790
15	5. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(16.056.935.312.538)	(9.415.568.584.817)
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		(5.574.031.168.929)	5.020.626.608.863
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		10.299.863.922.049	5.279.237.313.186

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		10.299.863.922.049	5.279.237.313.186
32	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		4.951.308.330.880	2.925.509.462.557
32.1	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD		369.895.010.719	150.166.621.638
33	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		4.908.172.436.100	2.201.299.041.600
34	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		3.984.675.350	285.380.356
35	Tiền gửi của Tổ chức phát hành		66.503.469.000	1.976.807.035
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		4.725.832.753.120	10.299.863.922.049
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm		4.725.832.753.120	10.299.863.922.049
42	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28.6	3.592.290.483.625	4.951.308.330.880
42.1	Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	28.6	214.654.363.586	369.895.010.719
43	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	28.6	918.224.838.830	4.908.172.436.100
44	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		118.490.698	3.984.675.350
44	Tiền gửi của Tổ chức phát hành	28.7	544.576.381	66.503.469.000

Bà Vũ Thanh Hằng
Người lập

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2023

Bà Trần Thị Hồng Nhung
Kế toán Trưởng

Bà Vũ Nam Hương
Giám đốc Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2021	Ngày 01 tháng 01 năm 2022	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.819.244.557.510	9.822.482.839.646	6.081.149.596.239	(77.911.314.103)	9.048.815.147.671	(4.356.629.058.588)	9.822.482.839.646	14.514.668.928.729
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.124.147.577.527	5.852.916.394.577	3.527.058.262.708	201.710.554.342	7.828.535.356.378	(1.503.421.763.365)	5.852.916.394.577	12.178.029.987.590
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	27.2	2.204.301.690.000	4.349.446.870.000	2.145.145.180.000	-	7.828.993.220.000	-	4.349.446.870.000	12.178.440.090.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		121.220.121.529	1.503.603.955.187	1.382.383.833.658	-	15.608.178	(1.503.605.055.187)	1.503.603.955.187	14.508.178
1.3. Cổ phiếu quỹ		(201.374.234.002)	(134.430.610)	(470.750.950)	201.710.554.342	(473.471.800)	183.291.822	(134.430.610)	(424.610.588)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		136.055.521.001	221.639.395.172	85.583.874.171	-	(220.789.576.702)		221.639.395.172	849.818.470
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		106.753.793.998	192.337.668.169	85.583.874.171	-	(191.487.849.699)		192.337.668.169	849.818.470
4. Lợi nhuận chưa phân phối		1.452.287.664.984	3.555.589.381.728	2.382.923.585.189	(279.621.868.445)	1.220.279.791.293	(2.440.929.868.822)	3.555.589.381.728	2.334.939.304.199
4.1. Lợi nhuận đã thực hiện	27.1	1.378.037.442.204	2.804.798.749.555	1.676.602.935.938	(249.841.628.587)	1.715.390.171.889	(2.478.238.631.044)	2.804.798.749.555	2.041.950.290.400
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	27.1	74.250.222.780	750.790.632.173	706.320.649.251	(29.780.239.858)	(495.110.380.596)	37.308.762.222	750.790.632.173	292.989.013.799
TỔNG CỘNG	27.2	3.819.244.557.510	9.822.482.839.646	6.081.149.596.239	(77.911.314.103)	9.048.815.147.671	(4.356.629.058.588)	9.822.482.839.646	14.514.668.928.729

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2021	Ngày 01 tháng 01 năm 2022	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC		-	-	-	-	-	-	-	-
1. Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS		-	-	-	-	-	-	-	-
III. TỔNG CỘNG (III=I+II)	27.2	3.819.244.557.510	9.822.482.839.646	6.081.149.596.239	(77.911.314.103)	9.048.815.147.671	(4.356.629.058.588)	9.822.482.839.646	14.514.668.928.729

Bà Vũ Thanh Hằng
Người lập

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2023

Bà Trần Thị Hồng Nhung
Kế toán Trưởng

Bà Vũ Nam Hương
Giám đốc Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014521 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 11 năm 2006, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102065366 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 05 tháng 05 năm 2022, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 11 năm 2006 và các Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán (Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 42/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 05 năm 2022).

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán, hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, ứng trước tiền bán chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ của công ty là 12.178.440.090.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 4.349.446.870.000 đồng).

Công ty có trụ sở chính tại số 01 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Công ty có các chi nhánh tại Đào Duy Anh – Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vinh – Nghệ An, Cần Thơ, Bình Dương, Quảng Ninh, Nam Định, Thanh Hóa và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 1.558 người (31 tháng 12 năm 2021: 1.521 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Công ty là 12.178.440.090.000 đồng, vốn chủ sở hữu là 14.514.668.928.729 đồng và tổng tài sản là 38.870.604.503.106 đồng.

Hạn chế đầu tư

- Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:
- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ các quy định trên.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có một (01) công ty con, chi tiết như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/UBCK-GP ngày 04 tháng 03 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 02/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 03 năm 2017 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102703178 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 02 tháng 07 năm 2021	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100 tỷ đồng	100%

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi nhuận kế toán hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 của Công ty là 1.220.279.791.293 đồng, giảm 48,79% (tương ứng mức giảm 1.162.643.793.896 đồng) so với năm 2021 do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Quy mô giao dịch của thị trường có sự sụt giảm mạnh, doanh thu nghiệp vụ môi giới giảm 22,64%, tương ứng với mức giảm 365.566.143.217 đồng, trong khi chi phí nghiệp vụ môi giới giảm tương ứng với giá trị là 176.428.083.853 đồng.
- Mặc dù, doanh thu lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ trong năm tăng 32,94%, tương ứng với giá trị tăng là 816.224.169.768 đồng, trong khi chi phí tương ứng tăng tới 141,73%, tương ứng giá trị tăng là 1.548.191.821.574 đồng.
- Doanh thu từ nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán giảm 24,57% tương ứng với mức giảm là 62.664.191.056 đồng.
- Chi phí tài chính trong năm tăng 156,06% tương ứng 695.780.583.877 đồng.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty và công ty con là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (Công ty mẹ) và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa Công ty mẹ và công ty con hoặc giữa công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, trừ các thay đổi sau:

Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 114")

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114 với các thay đổi chủ yếu như sau:

- Quy định việc xác định trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi sẽ được công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành.
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2022. Áp dụng các thay đổi của Thông tư 114, trong năm, Công ty đã thực hiện bổ sung vốn điều lệ từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (Thuyết minh số 27.2).

Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư số 24") ngày 07 tháng 04 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư số 48") ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Thông tư số 24 có hiệu lực từ ngày 25 tháng 05 năm 2022 sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng lập dự phòng, theo đó, đối tượng lập dự phòng là các loại chứng khoán do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành theo quy định của pháp luật, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, đang được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước, được tự do mua bán trên thị trường và giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính nằm thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán.

Đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán và công ty con, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

"Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục

4.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Tài sản tài chính HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng được trích lập cho các tài sản tài chính HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.5 CÁC KHOẢN CHO VAY

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Công ty thực hiện trích lập dự phòng chung đối với các khoản cho vay với tỷ lệ 0,75%/tổng dư nợ cho vay, không bao gồm dư nợ cho vay đã trích lập dự phòng cụ thể. Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.6 GIÁ TRỊ HỢP LÝ/GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với các chứng khoán của công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC"), căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất của tổ chức phát hành tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư 48/2019/TT-BTC (sau đây gọi chung là "Thông tư 48").

4.7 NGỪNG GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.8 PHÂN LOẠI LẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào thời điểm ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI SẢN TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư được lập riêng cho từng khoản đầu tư có tổn thất, và được xem xét vào cuối năm tài chính. Công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư vào các công ty nếu khoản đầu tư bị tổn thất do các công ty được đầu tư bị lỗ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

4.10 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN GHI NHẬN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ ĐEM ĐI THỂ CHẤP

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.11 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.13 KHẤU HAO VÀ HAO MÒN

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
Công cụ quản lý	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm
Phần mềm	3 - 10 năm

4.14 HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở

hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

4.15 THUÊ TÀI SẢN

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.16 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.17 CÁC KHOẢN VAY VÀ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU KHÔNG CHUYỂN ĐỔI

Các khoản vay và trái phiếu không chuyển đổi được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.18 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Phải trả chứng quyền

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá thực hiện, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giữa giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

Khi phân phối chứng quyền, Công ty ghi tăng phải trả chứng quyền đồng thời theo dõi ngoại bảng số chứng quyền còn được phép phát hành. Cuối năm, Công ty thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm xuống, phần chênh lệch ghi nhận vào "Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL" (chi tiết "Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành"). Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành tăng, phần chênh lệch được ghi nhận vào "Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL" (chi tiết "Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành").

Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh. Lãi/Lỗ khi mua lại chứng quyền, khi đáo hạn chứng quyền hoặc khi chứng quyền bị thu hồi được ghi vào khoản mục "Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL" hoặc "Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL" tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Công ty theo dõi chi tiết chứng khoán phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm. Cuối năm, giá trị của chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro được đánh giá lại và ghi nhận việc đánh giá lại tương tự như đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL.

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



4.19 LỢI ÍCH CỦA NHÂN VIÊN

4.19.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17% lương cơ bản hàng tháng từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 và bằng 17,5% từ 01/07/2022, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.19.2 Trợ cấp thôi việc

Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm.

Khoản 5 Điều 8 Nghị định 145/2020/NĐ-CP quy định tiền lương để tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân của 06 tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động thôi việc. Nếu hợp đồng lao động cuối cùng bị tuyên vô hiệu (vì có nội dung tiền lương thấp hơn mức tối thiểu vùng hoặc mức trong thỏa ước lao động tập thể) thì tiền lương tính trợ cấp sẽ do các bên thỏa thuận nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu vùng hoặc mức lương theo thỏa ước lao động tập thể.

4.19.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Theo Nghị quyết 116/NQ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2021, Công ty được giảm mức đóng từ 1% xuống bằng 0% quỹ tiền lương tháng của những người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp trong 12 tháng, kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2022.

4.20 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.21 HỢP ĐỒNG PHÁI SINH TIỀN TỆ

Công ty tham gia vào các giao dịch tiền tệ với các Ngân hàng cung cấp dịch vụ (giao dịch mua bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ,...) cho mục đích phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro về tỷ giá, lãi suất và dòng tiền trong tương lai. Lãi/Lỗ phát sinh từ giao dịch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

4.22 CỔ PHIẾU QUỸ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.23 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu. Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.24 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

4.25 PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ VỐN CHỨNG KHOÁN TỰ DOANH BÁN RA

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.26 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.27 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến phần đánh giá tăng so với giá gốc của tài sản tài chính FVTPL của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của Công ty ngoài các khoản đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông

4.28 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty là các khoản lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ sau khi được điều chỉnh bởi cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, những khoản chênh lệch phát sinh do thanh toán cổ phiếu ưu đãi và những tác động tương tự của cổ phiếu ưu đãi đã được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu.

Số lượng cổ phiếu phổ thông được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ hiện tại và tất cả các kỳ trình bày phải được điều chỉnh cho các sự kiện (Trừ việc chuyển đổi cổ phiếu phổ thông tiềm năng) tạo ra sự thay đổi về số lượng cổ phiếu phổ thông mà không dẫn đến thay đổi về nguồn vốn.

4.29 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.30 THÔNG TIN BỘ PHẬN

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các dịch vụ được cung cấp cho nhà đầu tư. Ban Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

4.31 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4.32 CÁC KHOẢN MỤC KHÔNG CÓ SỐ DƯ

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền	1.877.509.173.088	2.094.329.942.266
• Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của CTCK	1.787.570.991.793	2.036.882.022.335
• Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	89.938.181.295	57.447.919.931
Các khoản tương đương tiền	679.213.355.632	607.231.414.370
• Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	679.213.355.632	607.231.414.370
Tổng cộng	2.556.722.528.720	2.701.561.356.636

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

Đơn vị tính: VND

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (triệu VND)
a. Của Công ty	2.040.821.013	73.260.950
• Cổ phiếu	171.136.295	5.397.704
• Trái phiếu	542.059.702	59.842.946
• Chứng khoán khác	1.327.625.016	8.020.300
b. Của Nhà đầu tư	34.411.320.060	1.715.130.174
• Cổ phiếu	32.069.643.550	748.536.328
• Trái phiếu	42.196.495	4.331.621
• Chứng khoán khác	2.299.480.015	962.262.225
Tổng cộng	36.452.141.073	1.788.391.124

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/ giá trị thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại Thuyết minh số 4.6.

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục "Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp" trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (“FVTPL”)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ (“CCQ”) niêm yết	664.190.896.310	878.473.869.710	1.154.018.271.325	1.888.508.720.239
PTI	383.265.595.000	659.481.144.500	458.356.484.000	932.518.364.000
HSG	161.881.817.580	108.782.381.400	689.778.080	734.386.400
FUEIP100	41.018.362.500	28.880.000.000	41.018.362.500	45.000.000.000
MWG	1.233.565.024	1.178.119.800	62.097.746.277	83.522.088.140
NLG	933.284.420	947.422.000	87.187.163.650	184.624.626.600
Cổ phiếu khác	75.858.271.786	79.204.802.010	504.668.736.818	642.109.255.099
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	-	-	117.102.777.369	124.213.121.791
VHM	-	-	21.550.639.454	24.816.950.245
STB	-	-	17.467.590.266	19.333.205.255
MSN	-	-	12.775.037.624	14.326.437.649
MWG	-	-	8.651.774.247	11.636.722.660
TCB	-	-	12.052.901.297	11.611.900.438
Cổ phiếu khác	-	-	44.604.834.481	42.487.905.544
Cổ phiếu, CCQ chưa niêm yết	405.930.554.525	367.071.570.629	299.099.033.271	349.293.056.787
LTG	115.283.997.500	60.164.831.200	110.792.106.100	86.049.852.000
C4G	109.815.107.420	99.639.577.600	1.907.420	948.000
VNDBF	105.200.000.000	118.831.279.578	85.500.000.000	93.491.468.606
VNDAF	50.500.000.000	63.325.700.000	50.500.000.000	80.497.100.000
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	25.131.449.605	25.110.182.251	52.305.019.751	89.253.688.181
Trái phiếu chính phủ	734.295.000.000	734.295.000.000	1.025.491.500.000	1.025.491.500.000
Trái phiếu tổ chức tín dụng	1.715.565.017.124	1.715.565.017.124	1.667.843.000.682	1.667.843.000.682
Trái phiếu doanh nghiệp	8.053.053.378.628	8.053.053.378.628	1.731.336.850.372	1.731.336.850.372
Chứng chỉ tiền gửi	7.313.681.253.465	7.313.681.253.465	5.829.340.315.474	5.829.340.315.474
Tổng cộng	18.886.716.100.052	19.062.140.089.556	11.824.231.748.493	12.616.026.565.345

7.2 CÁC ĐẦU TƯ NẪM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (“HTM”)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm	5.618.100.000.000	5.312.000.000.000

7.3 CÁC KHOẢN CHO VAY

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (1)	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (1)
Cho vay hoạt động ký quỹ	8.752.302.732.306	8.591.087.099.621	14.418.161.051.359	14.393.281.044.525
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	308.513.018.773	308.513.018.773	1.055.383.755.823	1.055.383.755.823
Tổng cộng	9.060.815.751.079	8.899.600.118.394	15.473.544.807.182	15.448.664.800.348

(1) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng cụ thể suy giảm giá trị các khoản cho vay.

7.4 TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Các loại tài sản tài chính	Chênh lệch đánh giá			Giá trị đánh giá lại
	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022				
FVTPL				
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	664.190.896.310	290.514.154.903	(76.231.181.503)	878.473.869.710
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	405.930.554.525	26.463.261.216	(65.322.245.112)	367.071.570.629
Trái phiếu chính phủ	734.295.000.000	-	-	734.295.000.000
Trái phiếu tổ chức tín dụng	1.715.565.017.124	-	-	1.715.565.017.124
Trái phiếu doanh nghiệp	8.053.053.378.628	-	-	8.053.053.378.628
Chứng chỉ tiền gửi	7.313.681.253.465	-	-	7.313.681.253.465
Tổng cộng	18.886.716.100.052	316.977.416.119	(141.553.426.615)	19.062.140.089.556
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021				
FVTPL				
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	1.154.018.271.325	753.402.392.163	(18.911.943.249)	1.888.508.720.239
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	117.102.777.369	9.709.007.530	(2.598.663.108)	124.213.121.791
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	299.099.033.271	74.958.686.834	(24.764.663.318)	349.293.056.787
Trái phiếu chính phủ	1.025.491.500.000	-	-	1.025.491.500.000
Trái phiếu tổ chức tín dụng	1.667.843.000.682	-	-	1.667.843.000.682
Trái phiếu doanh nghiệp	1.731.336.850.372	-	-	1.731.336.850.372
Chứng chỉ tiền gửi	5.829.340.315.474	-	-	5.829.340.315.474
Tổng cộng	11.824.231.748.493	838.070.086.527	(46.275.269.675)	12.616.026.565.345

8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	230.380.869.042	140.744.993.816
• Dự phòng cụ thể	161.215.632.685	24.880.006.834
• Dự phòng chung	69.165.236.357	115.864.986.982
Dự phòng suy giảm các khoản đầu tư dài hạn	-	4.600.000.000
Tổng cộng	230.380.869.042	145.344.993.816

9. CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	1.652.324.432.880	91.278.191.000
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	593.801.000.840	303.787.127.368
Trong đó: các khoản dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	593.801.000.840	303.787.127.368
3. Trả trước cho người bán	10.202.544.779	14.596.208.764
4. Các khoản phải thu khác	252.172.384.304	162.323.074.278
5. Dự phòng phải thu khó đòi	(5.831.671.429)	(5.616.671.429)
Tổng cộng	2.502.668.691.374	566.367.929.981

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:

Đơn vị tính: VND

	Giá trị phải thu khó đòi tại đầu năm	Số dự phòng tại đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số dự phòng tại cuối năm	Giá trị phải thu khó đòi tại cuối năm
Phải thu cán bộ nhân viên đã nghỉ việc	1.963.775.333	1.963.775.333	-	-	1.963.775.333	1.963.775.333
Phải thu từ khách hàng và đối tác	3.652.896.096	3.652.896.096	215.000.000	-	3.867.896.096	3.867.896.096
Khách hàng Công ty TNHH tư vấn đầu tư phát triển GDĐT Phương Nam	728.387.096	728.387.096	-	-	728.387.096	728.387.096
Khách hàng Nguyễn Thị Bạch Tuyết	584.100.000	584.100.000	-	-	584.100.000	584.100.000
Khách hàng Công ty TNHH tư vấn quản lý C&A	550.000.000	550.000.000	-	-	550.000.000	550.000.000
Phải thu của các khách hàng khác	1.790.409.000	1.790.409.000	215.000.000	-	2.005.409.000	2.005.409.000
Tổng cộng	5.616.671.429	5.616.671.429	215.000.000	-	5.831.671.429	5.831.671.429

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	2.167.497.895	1.869.783.194
Chi phí trả trước ngắn hạn	17.156.494.171	9.595.972.182
• Chi phí thuê văn phòng	9.222.117.361	4.139.291.429
• Chi phí phần mềm	4.728.834.577	5.313.341.345
• Chi phí sửa chữa và cải tạo văn phòng	334.485.110	-
• Chi phí khác	2.871.057.123	143.339.408
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn (*)	80.664.606.800	84.091.517.160
Thuế GTGT được khấu trừ	-	10.408.700
Tài sản ngắn hạn khác	-	7.781.062.500
Tổng cộng	99.988.598.866	103.348.743.736

(*) Trong đó có khoản tiền đặt cọc theo dự án mua bất động sản cho mục đích làm văn phòng trụ sở chính của Công ty.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	318.000.000.000
• Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 1 năm	-	318.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	36.220.280.000	23.861.291.200
Tổng cộng	36.220.280.000	341.861.291.200

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”) HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật liệu kiến trúc	Dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	22.312.126.483	101.163.902.957	-	123.476.029.440
Tăng trong năm	-	32.361.599.066	6.460.180.940	38.821.780.006
Số dư cuối năm	22.312.126.483	133.525.502.023	6.460.180.940	162.297.809.446
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số dư đầu năm	16.325.533.509	77.343.138.653	-	93.668.672.162
Khấu hao trong năm	2.394.637.190	15.299.207.215	372.705.138	18.066.549.543
Số dư cuối năm	18.720.170.699	92.642.345.868	372.705.138	111.735.221.705
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	5.986.592.974	23.820.764.304	-	29.807.357.278
Số dư cuối năm	3.591.955.784	40.883.156.155	6.087.475.802	50.562.587.741

Các thông tin khác về TSCĐ hữu hình:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	43.774.635.078	36.951.098.804

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”) VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy vi tính
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	114.457.812.245
Tăng trong năm	22.108.379.902
Giảm trong năm	(13.632.380.788)
Số dư cuối năm	122.933.811.359
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	87.612.194.008
Hao mòn trong năm	9.959.140.830
Giảm trong năm	(1.784.332.987)
Số dư cuối năm	95.787.001.851
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	26.845.618.237
Số dư cuối năm	27.146.809.508

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	84.696.652.620	72.451.458.870

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phát triển phần mềm	7.896.285.600	2.490.919.207
Chi phí xây dựng cơ bản khác	1.050.215.417	-
Tổng cộng	8.946.501.017	2.490.919.207

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	21.978.119.112	7.109.972.947
• Chi phí cải tạo sửa chữa văn phòng	14.210.266.313	5.704.295.383
• Chi phí phần mềm	5.368.562.147	1.005.846.334
• Chi phí khác	2.399.290.652	399.831.230
Chi phí trả trước công cụ dụng cụ	9.998.757.222	7.059.705.489
Tổng cộng	31.976.876.334	14.169.678.436

16. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”).

Theo quy định hiện hành của VSD, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSD và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

17. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh		
• Tiền nộp ban đầu	15.000.000.000	15.000.000.000

18. CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẦM CỐ, THẾ CHẤP

Tại thời điểm lập báo cáo, các tài sản sau đã được Công ty sử dụng làm tài sản cầm cố cho các khoản vay:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm	Mục đích đảm bảo
Ngắn hạn			
Tài sản tài chính ngắn hạn	12.220.220.000.000	13.254.200.000.000	Vay ngắn hạn
Dài hạn	-	300.000.000.000	Vay ngắn hạn
Tài sản tài chính dài hạn			
Tổng cộng	12.220.220.000.000	13.554.200.000.000	

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc		
Số dư đầu năm	24.194.509.882	24.194.509.882
Số dư cuối năm	24.194.509.882	24.194.509.882
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	12.083.997.675	9.664.546.687
Phân bổ trong năm	2.419.450.988	2.419.450.988
Số dư cuối năm	14.503.448.663	12.083.997.675
Giá trị ghi sổ		
Số dư đầu năm	12.110.512.207	14.529.963.195
Số dư cuối năm	9.691.061.219	12.110.512.207

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Lãi suất vay %/năm	Số đầu năm	Số vay trong năm	Số đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	Từ 1,8% trở lên	20.448.678.287.066	133.667.982.656.911	(134.826.761.867.359)	22.083.569.621	19.311.982.646.239
• Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		3.274.364.987.066	59.544.089.218.983	(59.376.753.887.491)	-	3.441.700.318.558
• Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam		1.859.995.300.000	8.573.000.000.000	(8.033.995.300.000)	-	2.399.000.000.000
• Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		1.757.000.000.000	11.714.628.055.299	(12.988.628.055.299)	-	483.000.000.000
• Vay hợp vốn (Ngân Hàng Cathay United Bank Việt Nam đại diện)		-	2.272.720.000.000	-	30.813.596.445	2.303.533.596.445
• Vay hợp vốn (Ngân hàng Taipei Fubon Commercial Bank Co., Ltd và Maybank Securities Pte. Ltd đại diện)		-	1.864.900.000.000	-	-	1.864.900.000.000
• Các ngân hàng, đối tượng khác		13.557.318.000.000	49.698.645.382.629	(54.427.384.624.569)	(8.730.026.824)	8.819.848.731.236
Tổng cộng (*)		20.448.678.287.066	133.667.982.656.911	(134.826.761.867.359)	22.083.569.621	19.311.982.646.239

(*) Các khoản vay được thực hiện cho mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty.

21. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	850.000.000.000	500.000.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn	800.000.000.000	750.000.000.000
Tổng cộng	1.650.000.000.000	1.250.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các trái phiếu do Công ty phát hành có kỳ hạn gốc từ 12 tháng đến 36 tháng và chịu lãi suất 8,0%/năm đến 8,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 7,50%/năm).

22. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán và VSD	19.854.829.277	37.482.712.090
Phải trả mua các tài sản tài chính (*)	868.454.056.508	1.053.710.758.293
Phải trả chứng quyền	-	19.213.374.000
Tổng cộng	888.308.885.785	1.110.406.844.383

(*) Phải trả ngày T0 liên quan đến giao dịch mua chứng khoán tại thời điểm cuối năm.

23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Giảm do chuyển nhượng vốn công ty con	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	343.119.275	1.319.701.018	(1.315.527.092)	-	347.293.201
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 33.1)	119.075.247.114	449.043.312.933	(436.688.268.563)	(417.484.855)	131.012.806.629
Thuế thu nhập cá nhân	102.597.249.510	721.264.103.326	(753.385.723.380)	(318.824.427)	70.156.805.029
• Của người lao động	21.067.759.506	115.473.230.843	(125.094.032.707)	(318.824.427)	11.128.133.215
• Của nhà đầu tư	81.529.490.004	605.790.872.483	(628.291.690.673)	-	59.028.671.814
Các loại thuế khác	423.787.998	19.566.720.790	(17.621.862.862)	-	2.368.645.926
• Thuế nhà thầu	423.787.998	19.548.720.790	(17.603.862.862)	-	2.368.645.926
• Thuế môn bài	-	18.000.000	(18.000.000)	-	-
Tổng cộng	222.439.403.897	1.191.193.838.067	(1.209.011.381.897)	(736.309.282)	203.885.550.785

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay tổ chức tín dụng và đối tượng khác	108.461.792.770	26.576.363.532
Chi phí lãi vay trái phiếu phát hành	99.375.311.836	46.993.120.053
Chi phí phải trả khác	9.750.603.483	24.538.697.319
Tổng cộng	217.587.708.089	98.108.180.904

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”) HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

Phải trả thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ/tính thuế của các khoản mục sau đây:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL tạm thời không chịu thuế	26.678.688.422	158.358.963.371
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành tạm thời không chịu thuế	-	2.557.094.720
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do các khoản khác tạm thời không chịu thuế	191.449.316	-
Tổng cộng	26.870.137.738	160.916.058.091

26. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Nhà đầu tư (*)	1.851.492.345.557	3.875.300.452.021
Phải trả khác	1.231.356.883	3.234.571.065
Tổng cộng	1.852.723.702.440	3.878.535.023.086

(*) Phải trả các khoản tiền của Nhà đầu tư mà Công ty nhận quản lý.

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1 LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận đã thực hiện	2.041.950.290.400	2.804.798.749.555
Lợi nhuận chưa thực hiện	292.989.013.799	750.790.632.173
Tổng cộng	2.334.939.304.199	3.555.589.381.728

27.2 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Ngày 01 tháng 01 năm 2022	4.349.446.870.000	1.503.603.955.187	(134.430.610)	221.639.395.172	192.337.668.169	3.555.589.381.728	9.822.482.839.646
Phát hành cổ phiếu tăng vốn trong năm (*)	4.349.445.880.000	-	-	-	-	-	4.349.445.880.000
Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ phát sinh từ việc bán tài sản tài chính ở công ty con	-	-	-	-	-	(42.030.547.400)	(42.030.547.400)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	1.220.279.791.293	1.220.279.791.293
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(608.921.803.500)	(608.921.803.500)
Giao dịch cổ phiếu quỹ	-	15.608.178	(290.179.978)	-	-	-	(274.571.800)
Tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần (**)	1.503.603.955.187	(1.503.603.955.187)	-	-	-	-	-
Tăng vốn từ nguồn quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (**)	220.789.576.702	-	-	(220.789.576.702)	-	-	-
Tăng vốn từ nguồn quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (**)	191.487.849.699	-	-	-	(191.487.849.699)	-	-
Tăng vốn từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối (**)	1.563.665.958.412	-	-	-	-	(1.563.665.958.412)	-
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(1.100.000)	-	-	-	-	(1.100.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (***)	-	-	-	-	-	(224.514.496.766)	(224.514.496.766)
Giảm lợi nhuận do chuyển nhượng vốn công ty con	-	-	-	-	-	(1.797.062.744)	(1.797.062.744)
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	12.178.440.090.000	14.508.178	(424.610.588)	849.818.470	849.818.470	2.334.939.304.199	14.514.668.928.729

(*) Theo Nghị quyết số 245/2022/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 04 năm 2022 về việc thông qua kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

(**) Theo Quyết định số 198-1/2022/QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 03 năm 2022 về việc sử dụng các nguồn vốn để phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

(***) Theo Quyết định số 94/2022/QĐ-VNDIRECT ngày 27 tháng 01 năm 2022 về việc trích lập Quỹ khen thưởng năm 2021.

27.3 TÌNH HÌNH PHÂN PHỐI THU NHẬP CHO CỔ ĐÔNG HOẶC CÁC THÀNH VIÊN GÓP VỐN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước (tại 1/1/2022 và 1/1/2021)	2.804.798.749.555	1.378.037.442.204
2. Lỗ chưa thực hiện cuối năm (tại 31/12/2022 và 31/12/2021)	-	-
3. Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	1.715.390.171.889	1.676.602.935.938
4. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm ((4)-(1)+(2)+(3))	4.520.188.921.444	3.054.640.378.142
5. Số trích từ lợi nhuận Quỹ dự trữ vốn và điều lệ	(224.514.496.766)	(171.167.748.342)
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	(85.583.874.171)
Trích quỹ từ thiện, quỹ phúc lợi và khen thưởng	(224.514.496.766)	-
6. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	(608.921.803.500)	(107.257.259.000)
7. Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối cho Nhà đầu tư sở hữu Cổ phiếu	(16.820.038.325)	(2.837.439.550)
8. Tổng thu nhập phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	(592.101.765.175)	(104.419.819.450)

27.4 CỔ PHIẾU

Đơn vị tính: cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.217.844.009	434.944.687
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	1.217.844.009	434.944.687
- Cổ phiếu phổ thông	1.217.844.009	434.944.687
Số lượng cổ phiếu quỹ	(22.678)	(1.905)
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	(22.678)	(1.905)
- Cổ phiếu phổ thông	(22.678)	(1.905)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.217.821.331	434.942.782
- Cổ phiếu phổ thông	1.217.821.331	434.942.782

28. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

28.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	487.038.410.000	357.471.380.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	477.160.550.000	132.160.550.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	-	16.106.700.000
Tổng cộng	964.198.960.000	505.738.630.000

28.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	68.480.000	31.504.330.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	-	26.000.000.000
Tổng cộng	68.480.000	57.504.330.000

28.3 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu và chứng quyền	-	13.348.033.000
Trái phiếu	822.766.200.000	1.025.491.500.000
Tổng cộng	822.766.200.000	1.038.839.533.000

28.4 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng chỉ quỹ	146.098.350.000	136.000.000.000
Cổ phiếu	86.769.660.000	29.588.025.000
Trái phiếu	9.765.642.000.000	4.299.756.742.255
Tổng cộng	9.998.510.010.000	4.465.344.767.255

28.5 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu, trái phiếu, chứng quyền và chứng chỉ quỹ	1.017.542.409.456	4.947.725.151.100

28.6 Tiền gửi của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.592.290.483.625	4.951.308.330.880
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.198.768.476.315	4.447.615.002.322
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	393.522.007.310	503.693.328.558
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	214.654.363.586	369.895.010.719
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	918.224.838.830	4.908.172.436.100
Tổng cộng	4.725.169.686.041	10.229.375.777.699

28.7 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	544.576.381	66.503.469.000

28.8 Phải trả Nhà Đầu tư của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
Phải trả Nhà đầu tư – Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4.725.288.176.739	10.231.815.948.742
• Cửa Nhà đầu tư trong nước	4.117.111.805.843	9.358.227.609.465
• Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	393.522.007.310	503.693.328.558
• Phải trả tiền ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	214.654.363.586	369.895.010.719
Tổng cộng	4.725.169.686.041	10.231.815.948.742

28.9 Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	38.310.000	66.503.469.000

28.10 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	506.266.381	1.544.504.307

28.11 Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả phí môi giới chứng khoán		
• Phải trả phí giao dịch chứng khoán	742.568.418	770.385.824
• Phải trả khác	584.100.000	591.600.000
Tổng cộng	1.326.668.418	1.361.985.824

28.12 Phải trả vay CTCK của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nghiệp vụ margin	8.950.136.210.194	14.547.281.172.606
Phải trả gốc margin (Thuyết minh 7.3)	8.752.302.732.306	14.418.161.051.359
• Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư trong nước	8.752.302.732.306	14.418.161.051.359
• Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
• Phải trả lãi margin	197.833.477.888	129.120.121.247
• Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư trong nước	197.833.477.888	129.120.121.247
• Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán (Thuyết minh 7.3)	308.513.018.773	1.055.383.755.823
• Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	308.513.018.773	1.055.383.755.823
• Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
Tổng cộng	9.258.649.228.967	15.602.664.928.429

29. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

29.1 Lãi/(Lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND	Lãi bán chứng khoán năm trước VND
I	LÃI BÁN						
1	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	36.633.333	42.314	1.550.104.186.400	1.354.820.298.289	195.283.888.111	413.233.202.235
2	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	650.294	14.545	9.458.323.200	9.236.997.247	221.325.953	11.045.863.025
3	Trái phiếu niêm yết	206.888.982	108.442	22.435.549.174.916	22.321.643.017.897	113.906.157.019	44.885.868.936
4	Trái phiếu chứng khoán chưa niêm yết	521.957.261	311.123	162.393.069.239.257	161.219.048.933.713	1.174.020.305.544	394.043.818.677
5	Hợp đồng tương lai chỉ số					46.756.805.000	92.251.810.000
6	Hợp đồng hoán đổi lãi suất					72.290.790.098	-
7	Chứng quyền phát hành niêm yết	467.233.200	1.120	523.413.337.900	622.880.118.000	99.466.780.100	35.293.655.775
	Tổng cộng	1.233.363.070		186.911.594.261.673	185.527.629.365.146	1.701.946.051.825	990.754.218.648

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND	Lỗ bán chứng khoán năm trước VND
II	LỖ BÁN						
1	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	52.542.618	33.595	1.765.158.588.200	1.957.473.405.700	192.314.817.500	109.141.594.089
2	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	835.100	18.846	15.738.070.000	17.284.329.212	1.546.259.212	3.182.957.591
3	Trái phiếu niêm yết	72.823.062	99.862	7.272.254.989.066	7.352.421.482.698	80.166.493.632	10.803.155.222
4	Trái phiếu và chứng khoán chưa niêm yết	181.233.642	177.853	32.232.900.539.769	33.037.095.333.846	804.194.794.077	316.040.235.516
5	Hợp đồng tương lai chỉ số					36.961.820.000	71.372.540.000
6	Hợp đồng hoán đổi lãi suất					50.007.514.683	-
7	Chứng quyền phát hành niêm yết	184.982.500	2.380	440.212.678.000	415.414.324.600	24.798.353.400	170.250.092.986
	Tổng cộng	492.416.922		41.726.264.865.035	42.779.688.876.056	1.189.990.052.504	680.790.575.404

29.2 Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm
I	FVTPL					
1	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	664.190.896.310	878.473.869.710	214.282.973.400	734.490.448.914	(520.207.475.514)
2	Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	-	-	-	7.110.344.422	(7.110.344.422)
3	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	405.930.554.525	367.071.570.629	(38.858.983.567)	50.194.023.846	(89.053.007.413)
4	Trái phiếu chính phủ	734.295.000.000	734.295.000.000	-	-	-
5	Trái phiếu tổ chức tín dụng	1.715.565.017.124	1.715.565.017.124	-	-	-
6	Trái phiếu doanh nghiệp	8.053.053.378.628	8.053.053.378.628	-	-	-
7	Chứng chỉ tiền gửi	7.313.681.253.465	7.313.681.253.465	-	-	-
	Tổng cộng	18.886.716.100.052	19.062.140.089.556	175.423.989.833	791.794.817.182	(616.370.827.349)

29.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS, các khoản cho vay và phải thu

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Từ tài sản tài chính FVTPL	771.499.211.271	205.127.557.785
Từ tài sản tài chính HTM	399.264.210.448	427.299.168.789
Từ các khoản cho vay và phải thu	1.600.137.224.585	1.167.152.851.770
Từ tài sản tài chính AFS	-	55.913.709.530
Tổng cộng	2.770.900.646.304	1.855.493.287.874

30. CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỔN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI, LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	89.635.875.226	68.803.420.421
Chi phí dự phòng suy giảm các khoản đầu tư dài hạn	-	4.600.000.000
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu khó đòi	215.000.000	594.175.000
Tổng cộng	89.850.875.226	73.997.595.421

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động tự doanh	19.255.974.932	26.146.956.177
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	713.595.563.319	890.023.647.172
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	14.992.784.816	27.351.780.706
Chi nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	1.399.187.158	1.026.654.887
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	25.854.350.328	18.517.082.913
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	19.151.613.455	13.964.019.238
Chi phí dịch vụ khác	301.338.094.785	181.317.478.132
Tổng cộng	1.095.587.568.793	1.158.347.619.225

TỔNG HỢP CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THEO KHOẢN MỤC CHI PHÍ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí môi giới chứng khoán	535.658.910.841	708.008.623.453
Chi phí hoạt động lưu ký	25.854.350.328	18.104.922.985
Chi phí lương và các khoản phúc lợi	232.444.374.540	224.996.854.163
Chi phí văn phòng phẩm	242.371.805	590.614.882
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.807.776.531	1.345.726.108
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.427.927.946	2.772.797.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.355.495.001	11.931.267.032
Chi phí khác	284.796.361.801	190.596.812.766
Tổng cộng	1.095.587.568.793	1.158.347.619.225

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và các khoản phúc lợi	179.900.915.488	157.775.756.694
Chi phí thuê văn phòng	54.954.258.888	37.712.292.175
Chi phí văn phòng phẩm	779.551.453	1.434.398.308
Chi phí công cụ, dụng cụ	6.137.423.164	3.670.474.998
Chi phí khấu hao TSCĐ	26.597.762.427	19.756.738.072
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.091.841.465	60.680.658.398
Chi phí khác	15.731.532.344	19.275.832.017
Tổng cộng	379.193.285.229	300.306.150.662

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

33.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 08 năm 2014.

Bảng ước tính thuế TNDN hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	1.535.277.183.873	2.980.220.642.291
Tổng các khoản điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	709.789.380.792	(825.863.027.000)
Các khoản điều chỉnh tăng	1.543.471.922.819	485.895.210.753
• Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	45.912.529.600	94.071.499.460

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
• Chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	1.403.571.915.923	314.880.204.980
• Chi phí dự phòng các khoản cho vay	89.635.875.226	73.997.595.421
• Chi phí không được trừ thuế	1.932.151.082	526.459.904
• Phân bổ lợi thế thương mại	2.419.450.988	2.419.450.988
Các khoản điều chỉnh giảm	(833.682.542.027)	(1.311.758.237.753)
• Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN - Cổ tức	(12.418.188.265)	(25.530.519.137)
• Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(787.201.088.574)	(1.161.038.794.349)
• Chuyển lỗ của Công ty con	-	(3.905.072.515)
• Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	(33.127.056.000)	(120.628.667.120)
• Các khoản điều chỉnh giảm khác	(957.246.579)	-
• Điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	21.037.391	(655.184.632)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	2.245.066.564.665	2.154.357.615.291
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	449.013.312.933	430.901.949.324
Thuế TNDN phải trả đầu năm	119.075.247.114	59.552.157.817
Thuế TNDN đã trả trong năm	(436.688.268.563)	(372.575.721.130)
Thuế TNDN phải trả theo quyết toán thuế năm trước	30.000.000	-
Thuế TNDN phải trả giảm do chuyển nhượng vốn góp của Công ty con	(417.484.855)	-
Điều chỉnh khác	-	1.196.861.103
Thuế TNDN phải trả cuối năm	131.012.806.629	119.075.247.114

Biến động của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
Số dư đầu năm	160.916.058.091	13.015.078.715
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(131.680.274.950)	142.589.545.844
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại chứng quyền đang lưu hành	(2.557.094.719)	5.311.433.532
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do các khoản khác tạm thời không chịu thuế	191.449.316	-
Số dư cuối năm	26.870.137.738	160.916.058.091

Công ty đã ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(131.680.274.950)	161.083.674.246
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại chứng quyền đang lưu hành	(2.557.094.719)	5.311.433.532
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do các khoản khác tạm thời không chịu thuế	191.449.316	-
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	(134.045.920.353)	166.395.107.778

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế của năm 2022. Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết. 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	1.220.279.791.293	2.382.923.585.189
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu – Cổ phiếu	1.321.260.235	662.237.230
Lãi cơ bản trên cổ phiếu – VND (*)	924	3.598

(*) Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu, nếu số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên do vốn hóa, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu, Công ty điều chỉnh hồi tố “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho tất cả các kỳ báo cáo. Theo đó số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm 2021 được điều chỉnh cho số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu trong năm 2022.

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

35.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Thành viên Hội đồng Quản trị Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	Có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Thành viên HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan Phó Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Tổng giám đốc bên liên quan Giám đốc Tài chính Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện	Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan Giám đốc tài chính Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan Giám đốc Quản trị Công ty đồng thời là Giám đốc Quản trị bên liên quan
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	Thành viên HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan Phó Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Giám đốc điều hành vận hành bên liên quan
Công ty TNHH Bất động sản ANVIE	Thành viên HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch Công ty của bên liên quan

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Giám đốc bên liên quan
Công ty Cổ phần Thực phẩm HOMEFOOD	Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan
Công ty Cổ phần Ong Trung ương	Giám đốc Tài chính Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT của bên liên quan Giám đốc Quản trị Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan Thành viên Ban kiểm soát Công ty đồng thời là Kế toán trưởng bên liên quan
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	Trưởng Ban kiểm soát Công ty đồng thời là Kế toán trưởng bên liên quan Giám đốc Quản trị Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan
Công ty Cổ phần Cơ khí Ngành in	Giám đốc Quản trị của Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT của bên liên quan
Công ty Cổ phần Công nghệ IVND	Giám đốc Quản trị Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan
Bà Phạm Minh Hương	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Điều hành vận hành
Ông Vũ Hiền	Thành viên HĐQT Công ty

35.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Giao dịch	Phải thu/(Phải trả)		Doanh thu/(Chi phí)
		Số cuối năm	Số đầu năm	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.PA	Tài khoản Giao dịch chứng khoán	(462.111.568)	(3.892.855.171)	-
	Tiền gửi hỗ trợ lãi suất	(25.000.000.000)	-	-
	Chi phí thuê văn phòng	-	-	(13.325.992.521)
	Chi phí khác	-	-	(4.288.675.535)
	Phải trả khác	(94.851.864)	(1.112.602.741)	-
	Đặt cọc khác	800.000.000	-	-
	Doanh thu khác	-	-	2.370.401.112
	Trả cổ tức	-	-	(157.327.391.000)
	Mệnh giá trái phiếu nắm giữ cho mục đích kinh doanh	1.387.935.900.000	66.428.400.000	-
	Lãi trái phiếu đã nhận trong năm	-	-	152.496.524.627
Tổng Công ty Bảo hiểm Bưu điện (PTI)	Doanh thu phí	-	-	570.883.925
	Tài khoản Giao dịch chứng khoán	(12.513.359)	(30.112.346.471)	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	Doanh thu dịch vụ chứng khoán khác	-	-	700.000.000
	Tài khoản Giao dịch chứng khoán	(59.157.964)	(44.426.046)	-
	Mệnh giá trái phiếu nắm giữ cho mục đích kinh doanh	242.387.900.000	39.466.400.000	-
	Lãi trái phiếu đã nhận trong năm	-	-	20.564.090.249
Công ty TNHH Bất động sản ANVIE	Tài khoản Giao dịch chứng khoán	(89.963.978)	(89.874.316)	-
	Chi phí thuê văn phòng	-	-	(884.400.000)
	Chi phí khác	-	-	(14.907.070)
Công ty Cổ phần Thực phẩm HOMEFOOD	Chi phí hoạt động	-	-	(7.090.079.463)
	Các khoản phải trả khác	(52.188.670)	(178.614.584)	-
	Tài khoản Giao dịch chứng khoán	(528.486)	(527.967)	-

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Giao dịch	Phải thu/(Phải trả)		Doanh thu/(Chi phí)
		Số cuối năm	Số đầu năm	
Công ty Cổ phần Ong Trung ương	Đặt cọc khác	-	27.000.000	-
	Tiền gửi Hỗ trợ lãi suất	-	(1.500.000.000)	-
	Tài khoản Giao dịch chứng khoán	(1.074.088)	(14.241.426)	-
	Đặt cọc mua bất động sản	80.000.000.000	80.000.000.000	-
	Chi phí khác	-	-	(312.993.848)
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	Chi phí bảo trì phần mềm	-	-	(2.169.564.345)
	Xây dựng và phát triển phần mềm	-	-	(10.460.090.700)
	Phải trả khác	-	-	-
	Tài khoản Giao dịch chứng khoán	(669.200.700)	-	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Ngành In	Tài khoản Giao dịch chứng khoán	(655.897)	-	-
	Chi phí khác	(558.225.539)	-	-
	Chi phí thuê văn phòng	-	-	(1.133.596.273)
	Đặt cọc khác	-	-	(6.395.473.566)
	Phải thu khác	-	-	-
	Phải trả khác	500.000.000	515.400.000	-
Công ty CP Công nghệ IVND	Trả cổ tức	-	-	(3.000.000.000)
	Tài khoản Giao dịch chứng khoán	-	-	(17.062.460.750)
Bà Phạm Minh Hương		-	-	
Ông Vũ Hiền		(59.138.979)	(67.061.280)	-

Thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị và tiền lương của Ban Tổng Giám Đốc và những người quản lý khác:

Đơn vị tính: VND

Họ và tên	Chức danh	Năm nay		Năm trước	
		Tiền lương	Thù lao	Tiền lương	Thù lao
Bà Phạm Minh Hương	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Điều hành vận hành	2.487.000.000	156.000.000	1.735.000.000	84.000.000
Ông Nguyễn Vũ Long	Quyền Tổng Giám đốc	4.547.000.000	128.000.000	921.000.000	-
Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	Phó chủ tịch thường trực HĐQT (từ ngày 22/11/2021 đến ngày 24/04/2022), Quyền Tổng Giám đốc (từ ngày 01/01/2021 đến ngày 21/11/2021)	3.250.000.000	28.000.000	3.619.000.000	84.000.000
Ông Mai Hữu Đạt	Phó Chủ tịch (từ ngày 21/07/2022) Thành viên độc lập (từ ngày 25/04/2022 đến ngày 20/07/2022)	-	128.000.000	-	-
Ông Vũ Hiền	Thành viên	-	156.000.000	-	84.000.000
Ông Vũ Việt Anh	Thành viên độc lập (từ ngày 25/04/2022)	-	128.000.000	-	-
Ông Pekka Mikael Nastamo	Thành viên độc lập (đến ngày 24/04/2022)	-	28.000.000	-	84.000.000
Ông Phạm Lê Nhật Quang	Thành viên độc lập (đến ngày 24/04/2022)	-	28.000.000	-	84.000.000
Các thành viên quản lý khác		11.122.065.217	-	8.499.133.000	-
Tổng cộng		21.406.065.217	780.000.000	14.774.133.000	420.000.000

35.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Các bộ phận khác	Tổng cộng
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022					
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	2.849.556.812.434	3.293.773.407.670	399.264.210.448	339.676.472.848	6.882.270.903.400
2. Các chi phí trực tiếp	1.275.260.743.000	3.205.137.203.584	66.108.022.456	421.058.635.682	4.967.564.604.723
Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thuế phân bổ	1.574.296.069.434	88.636.204.086	333.156.187.992	(81.382.162.834)	1.914.706.298.677
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ	157.002.365.109	181.477.418.832	21.998.306.919	18.715.194.369	379.193.285.229
4. Lỗ từ kết quả hoạt động khác	-	-	-	235.829.575	235.829.575
Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thuế	1.417.293.704.325	(92.841.214.746)	311.157.881.073	(100.333.186.778)	1.535.277.183.873
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022					
1. Tài sản phân bổ	9.060.815.751.079	21.077.884.654.234	8.174.822.528.720	-	38.313.522.934.033
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	557.081.569.073	557.081.569.073
Tổng tài sản	9.060.815.751.079	21.077.884.654.234	8.174.822.528.720	557.081.569.073	38.870.604.503.106
1. Nợ phải trả bộ phận	-	888.308.885.785	23.032.294.056.768	-	23.920.602.942.553
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	435.332.631.824	435.332.631.824
Tổng nợ phải trả	-	888.308.885.785	23.032.294.056.768	435.332.631.824	24.355.935.574.377

Đơn vị tính: VND

Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Các bộ phận khác	Tổng cộng	
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021					
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	2.782.138.582.836	2.533.462.947.432	427.299.168.789	308.471.760.044	6.051.372.459.101
2. Các chi phí trực tiếp	1.168.992.904.369	1.305.121.760.736	31.480.897.912	264.903.406.882	2.770.498.969.899
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế phân bổ	1.613.145.678.467	1.228.341.186.696	395.818.270.877	43.568.353.162	3.280.873.489.202
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ	138.066.749.992	125.725.942.459	21.205.200.874	15.308.257.337	300.306.150.662
4. Lỗ từ kết quả hoạt động khác	-	-	-	346.696.249	346.696.249
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	1.475.078.928.475	1.102.615.244.237	374.613.070.003	27.913.399.576	2.980.220.642.291
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021					
1. Tài sản phân bổ	15.473.544.807.182	12.865.746.889.897	8.331.561.356.636	-	36.670.853.053.715
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	423.921.420.180	423.921.420.180
Tổng tài sản	15.473.544.807.182	12.865.746.889.897	8.331.561.356.636	423.921.420.180	37.094.774.473.895
1. Nợ phải trả bộ phận	-	1.110.406.844.383	25.675.321.491.056	-	26.785.728.335.439
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	486.563.298.810	486.563.298.810
Tổng nợ phải trả	-	1.110.406.844.383	25.675.321.491.056	486.563.298.810	27.272.291.634.249

35.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	192.918.334	9.116.455.927
Trên 1 - 5 năm	67.101.030.263	43.328.570.490
Trên 5 năm	145.887.619.469	-
Tổng cộng	213.181.568.066	52.445.026.417

35.4 Cam kết theo hợp đồng giao dịch ký quỹ

Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch ký quỹ với các Nhà đầu tư, trong đó Công ty sẽ cung cấp tiền cho Nhà đầu tư để mua chứng khoán.

35.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, chứng quyền có bảo đảm và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty và công ty con. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và công ty con và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách thỏa thuận ký hợp đồng phái sinh tiền tệ với ngân hàng và xem xét tình hình thị trường hiện hành, dự kiến khi Công ty lập kế hoạch sử dụng ngoại tệ trong tương lai.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá định kỳ dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản cho vay, phải thu chưa thu. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thường xuyên thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Nguồn vốn của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5, Thuyết minh số 7.2 và Thuyết minh số 11. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát của Công ty và đồng thời đảm bảo tuân thủ yêu cầu của Ủy ban chứng khoán.

Một số các khoản cho vay dưới đây được coi là quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (không bao gồm các hợp đồng đã được gia hạn và thanh lý trước ngày ký báo cáo này). Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 9, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính còn lại đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có thanh khoản tốt.

Đơn vị tính: VND

	Tổng cộng	Số dư đã dự phòng	Không quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			
				< 90 ngày	91-180 ngày	>180 ngày	>210 ngày
Số đầu năm	15.473.544.807.182	9.380.663.142	15.326.509.449.074	126.759.007.567	3.248.561.703	128.949.340	7.518.176.356
Số cuối năm	9.060.815.751.079	180.637.650.976	7.446.446.114.900	1.300.353.477.883	123.567.400.052	1.420.139.071	8.390.968.197

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Đơn vị tính: VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 – 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	1.877.509.173.088	679.213.355.632	-	-	2.556.722.528.720
Tài sản tài chính	1.614.369.636.179	19.370.653.108.329	12.756.033.096.127	-	36.220.280.000	33.777.276.120.635
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	19.062.140.089.556	-	-	-	19.062.140.089.556
Giữ đến ngày đáo hạn	-	-	5.618.100.000.000	-	-	5.618.100.000.000
Các khoản cho vay (không bao gồm dự phòng)	1.614.369.636.179	308.513.018.773	7.137.933.096.127	-	-	9.060.815.751.079
Sẵn sàng để bán	-	-	-	-	-	-
Góp vốn đầu tư dài hạn	-	-	-	-	36.220.280.000	36.220.280.000
Tài sản khác	5.831.671.429	2.539.324.705.709	80.664.606.800	7.686.396.806	86.655.898.266	2.720.163.279.010
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	80.664.606.800	7.686.396.806	-	88.351.003.606
Phải thu khác (không bao gồm dự phòng)	5.831.671.429	2.492.466.146.595	-	-	-	2.498.297.818.024
Tài sản khác	-	46.858.559.114	-	-	-	46.858.559.114
Tài sản cố định (bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang)	-	-	-	-	86.655.898.266	86.655.898.266
Tổng cộng	1.620.201.307.608	23.787.486.987.126	13.515.911.058.559		122.876.178.266	39.054.161.928.365

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Đơn vị tính: VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 – 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
NỢ PHẢI TRẢ						
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	19.311.982.646.239	-	-	19.311.982.646.239
Trái phiếu phát hành	-	-	850.000.000.000	800.000.000.000	-	1.650.000.000.000
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	888.308.885.785	-	-	-	888.308.885.785
Chi phí phải trả	-	-	217.587.708.089	-	-	217.587.708.089
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	203.885.550.785	-	-	-	203.885.550.785
Phải trả, phải nộp khác	-	188.078.932.086	1.851.492.345.557	-	-	2.039.571.277.643
Tổng cộng	-	1.280.273.368.656	22.231.062.699.885	800.000.000.000	-	24.311.336.068.541
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	1.620.201.307.608	22.507.213.618.470	(8.715.151.641.326)	(792.313.603.194)	122.876.178.266	14.742.825.859.824

Rủi ro thanh khoản

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty cũng sử dụng các tài sản tài chính ngắn hạn và dài hạn để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại các ngân hàng thương mại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số dư các tài sản tài chính được đảm bảo cho các khoản vay là 12.220,22 tỷ đồng.

Công ty có giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản cho vay ký quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

36. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Cho mục đích trình bày, Công ty đã thay đổi cách trình bày một số chỉ tiêu đã trình bày trên Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất cho phù hợp với cách trình bày của năm nay, dẫn đến thay đổi một số chỉ tiêu thuộc báo cáo “Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất” và “Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng”. Chi tiết như sau:

Trích từ báo cáo “Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất”:

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Số đầu năm (trước thay đổi)	Thay đổi	Số đầu năm (sau thay đổi)
026	Tiền gửi của khách hàng	9.929.968.911.330	369.895.010.719	10.299.863.922.049
027.1	Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	-	369.895.010.719	369.895.010.719
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	9.861.920.938.023	369.895.010.719	10.231.815.948.742
031.3	Phải trả Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	-	369.895.010.719	369.895.010.719
036	Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	369.895.010.719	(369.895.010.719)	-

Trích từ báo cáo “Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng”:

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Số đầu năm (trước thay đổi)	Thay đổi	Số đầu năm (sau thay đổi)
7	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng (nộp/(rút) số kỳ trước)	4.733.127.754.815	219.728.389.081	4.952.856.143.896
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong kỳ	4.800.898.219.782	219.728.389.081	5.020.626.608.863
30	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	5.135.893.499.156	143.343.814.030	5.279.237.313.186
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	5.135.893.499.156	143.343.814.030	5.279.237.313.186
32.1	Trong đó Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	-	150.166.621.638	150.166.621.638
40	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	9.929.968.911.330	369.895.010.719	10.299.863.922.049
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm	9.929.968.911.330	369.895.010.719	10.299.863.922.049
42.1	Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	-	369.895.010.719	369.895.010.719

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Bà Vũ Thanh Hằng
Người lập

Bà Trần Thị Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Bà Vũ Nam Hương
Giám đốc Tài chính